



UBND TỈNH BẮC KẠN  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP  
NĂM 2023**

*Bắc Kạn, tháng 12 năm 2023*

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>		<b>Trang</b>
<b>CÁC TỪ VIẾT TẮT</b>		2
<b>PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG</b>		3
1	Thông tin chung về Trường Cao đẳng Bắc Kạn	3
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật trường	3
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường	4
4	Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của nhà trường	8
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	9
<b>PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG</b>		<b>12</b>
<b>1</b>	<b>Đặt vấn đề</b>	12
<b>2</b>	<b>Tổng quan chung</b>	12
2.1	Căn cứ tự đánh giá	12
2.2	Mục đích tự đánh giá	13
2.3	Yêu cầu tự đánh giá	13
2.4	Phương pháp tự đánh giá	13
2.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	13
<b>3</b>	<b>Tự đánh giá</b>	14
<b>3.1</b>	<b>Tổng hợp kết quả tự đánh giá</b>	14
<b>3.2</b>	<b>Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	28
3.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	28
3.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	42
3.2.3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	56
3.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	73
3.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	83
3.2.6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	96
3.2.7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	101
3.2.8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	105
3.2.9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	113
<b>PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG</b>		<b>119</b>

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ</b>	121
<b>PHỤ LỤC</b>	
1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CSGDNN năm 2023	
2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng CSGDNN năm 2023	
3. Bảng mã minh chứng	

### **CÁC TỪ VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Viết tắt</b>	<b>Từ viết tắt</b>
1	Bộ LĐTB&XH	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
2	BGH	Ban Giám hiệu
3	CĐCĐ	Cao đẳng cộng đồng
4	CĐNDTNT	Cao đẳng nghề Dân tộc nội trú
5	CSGDNN	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
6	CSVC	Cơ sở vật chất
7	CTHSSV	Công tác học sinh sinh viên
8	GCNĐKHĐ	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.
9	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
10	HSSV	Học sinh sinh viên
11	KTX	Ký túc xá
12	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
13	TDTT	Thể dục thể thao
14	VIE/034	Dự án “Dạy nghề tại tỉnh Bắc Kạn giai đoạn II” (Pha II)

## PHẦN I

### GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

#### 1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Bắc Kạn

1.1. Tên trường: **Trường Cao đẳng Bắc Kạn.**

1.2. Tên tiếng Anh: Bac Kan College (BKC).

1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

1.4. Địa chỉ trường:

- Trụ sở chính (Cơ sở 1): Số 428, Đường Nguyễn Văn Tố -Tổ 9, Phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Cơ sở 2: Tổ 17, Phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

1.5. Số điện thoại: 02093 873 131

1.6. Fax: 020913.873.131

1.7. Email: caodangbackan.cdbk@backan.gov.vn

1.8. Website: ***caodangbackan.edu.vn***

1.9. Năm thành lập trường: Năm 2020 (Sáp nhập Trường Cao đẳng cộng đồng vào Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn và được đổi tên thành Trường Cao đẳng Bắc Kạn theo Quyết định số 49/QĐ-BLĐT BXH ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

1.10. Loại hình trường: Công lập [X]

#### 2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường Cao đẳng Bắc Kạn

##### 2.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Bắc Kạn được thành lập năm 2020 trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn vào Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn và đổi tên thành trường Cao đẳng Bắc Kạn theo Quyết định số 49/QĐ-BLĐT BXH ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trường Cao đẳng Bắc Kạn là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Bắc Kạn, chịu sự quản lý nhà nước về Giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hoạt động theo Điều lệ trường cao đẳng được quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*từ năm 2021 trở về đây hoạt động theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐT BXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định Điều lệ trường cao đẳng*). Trường có chức năng, nhiệm vụ

đào tạo các ngành, nghề theo 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và liên kết đào tạo các hệ Đại học, Cao học; tổ chức dạy và học hệ giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp Trung học phổ thông theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngay sau khi tổ chức Lễ công bố sáp nhập trường ngày 17 tháng 3 năm 2020, nhà trường đã tiến hành kiện toàn bộ máy, kiện toàn các tổ chức đoàn thể và sắp xếp nhân sự đảm bảo khá phù hợp với chuyên môn đào tạo cũng như sở trường, năng lực công tác của mỗi viên chức theo Đề án 702/ĐA- UBND ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn vào Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bắc Kạn (“Đề án 702”).

Trong quá trình hoạt động, nhà trường đã nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền, các ban ngành của tỉnh Bắc Kạn, của Tổng cục GDNN và Bộ LĐ-TB&XH. Hiện nay, Trường Cao đẳng Bắc Kạn là cơ sở GDNN tin cậy của các gia đình khi lựa chọn cho con theo học tại Bắc Kạn. Nhiều học sinh sau khi ra trường có việc làm theo nghề đào tạo, được các cơ sở sử dụng lao động đánh giá mức khá về kỹ năng nghề.

### **3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường**

#### **3.1. Cơ cấu tổ chức.**

Cơ cấu tổ chức gồm:

- Ban Giám hiệu: 02 người (01 Phó Hiệu trưởng phụ trách, 01 Phó Hiệu trưởng)

- Phòng chức năng: 04 phòng (Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác học sinh sinh viên, Phòng Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng)

- Khoa chuyên môn: 05 khoa (Khoa Nông Lâm, Khoa Cơ Điện, Khoa Cơ giới đường bộ, Khoa Sư phạm và Khoa Tổng hợp)

- Các tổ chức đoàn thể: Đảng bộ cơ sở; Đoàn cơ sở; Công đoàn cơ sở.

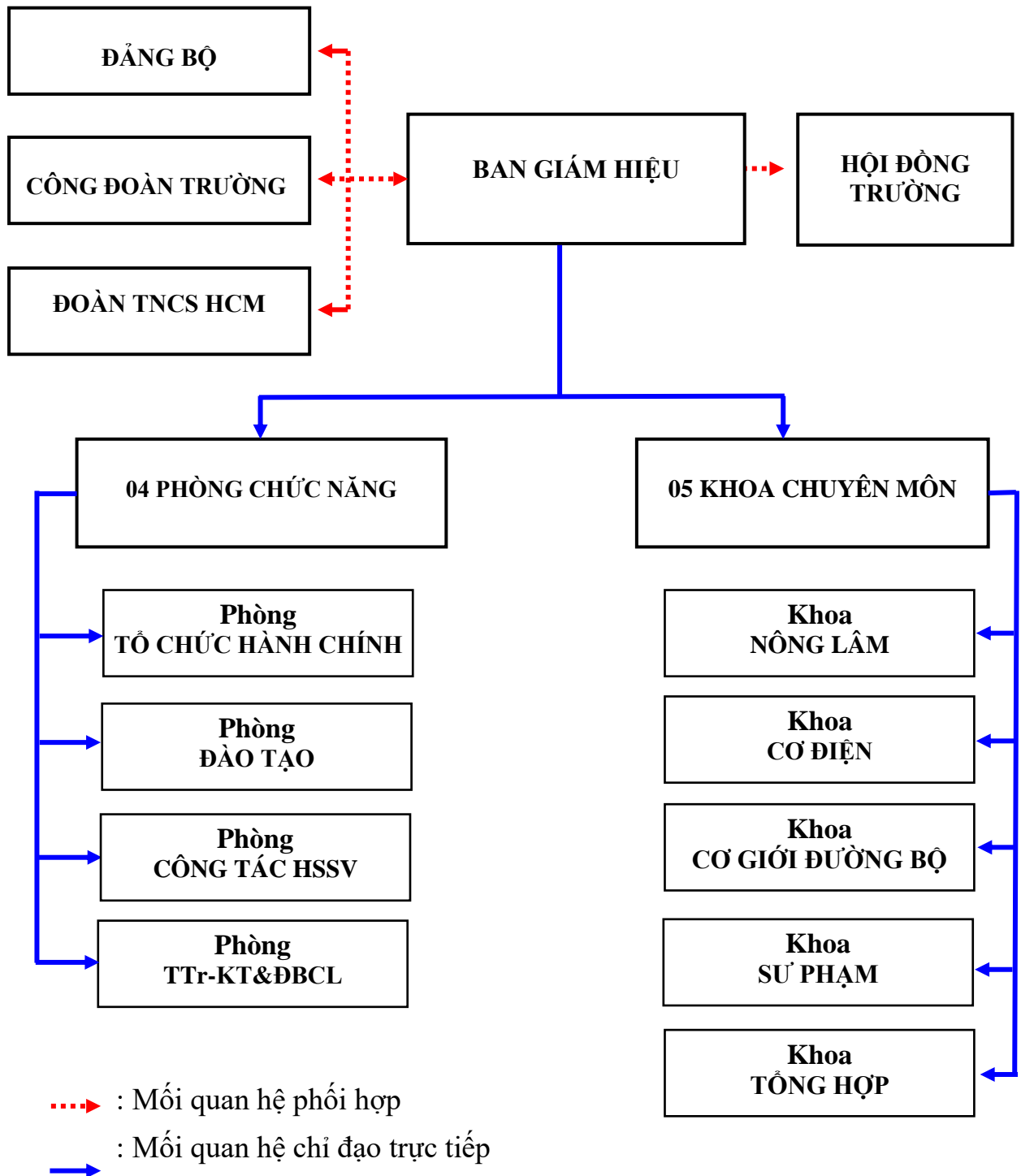
#### **3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường**

<b>Các bộ phận</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Học vị</b>	<b>Chức danh, Chức vụ</b>
<b>1. Ban Giám hiệu</b>	Bế Ngọc Tuấn	1979	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Chu Thị Thủy	1971	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
<b>2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn</b>				

Đảng bộ	Bế Ngọc Tuấn	1979	Thạc sỹ	Phó Bí thư
Công đoàn	Chu Thị Thủy	1971	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Lý Văn Phương	1986	Thạc sỹ	Bí thư
<b>3. Các phòng chức năng</b>				
Phòng TC-HC	Nguyễn Thanh Hoàng	1982	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Lý Quang Tiến	1977	Thạc sỹ	Trưởng phòng
	Lê Thị Tuyết	1976	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng
	Bùi Thanh Bình	1981	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng
Phòng CT HSSV	Hà Quốc Hùng	1973	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng PT
	Ngô Thị Bích Ngọc	1978	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng
Phòng TTr-KT&ĐBCL	Ngô Đăng Thanh	1978	Thạc sỹ	Trưởng phòng
	Vi Thị Thu	1972	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng
<b>4. Các khoa chuyên môn</b>				
Khoa Nông Lâm	Lê Văn Nhã	1976	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Cơ Điện	Phí Hồng Hải	1978	Thạc sỹ	Trưởng khoa
	Vũ Tố Uyên	1978	Thạc sỹ	Phó trưởng khoa
Khoa Cơ giới đường bộ	Vũ Xuân Nghĩa	1973	Kỹ sư	Phó khoa phụ trách
	Nguyễn Thái Hà	1982	Kỹ sư	Phó trưởng khoa
Khoa Sư phạm	Phan Thị Nguyệt Anh	1975	Thạc sỹ	Trưởng khoa
	Nguyễn Thị Nương	1977	Thạc sỹ	Phó trưởng khoa

	Ma Thị Khai	1972	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa
Khoa Tổng hợp	Vũ Thị Hồng Lê	1973	Thạc sĩ	Trưởng khoa
	Trần Thị Kim Loan	1980	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa

**SƠ ĐỒ  
CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN**



**3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của trường**

- Tổng số viên chức, người lao động là 120 người, trong đó (biên chế sự nghiệp: 98 người, 06 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, 16 hợp đồng lao động khác).



- Trình độ:

Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Thợ 5/7	Khác
0	47	46	02	19	0	6

### 3.3. Đội ngũ giáo viên cơ hữu

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	0	0
Thạc sĩ	14	31	45
Đại học	23	06	29
Cao đẳng	03	0	03
Trung cấp	19	0	19
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0	0	0
Trình độ khác	0	0	0
<b>Tổng số</b>	<b>59</b>	<b>37</b>	<b>96</b>

## 4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của nhà trường

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo các đăng ký hoạt động GDNN:

Nhà trường đã tiến hành rà soát, loại bỏ các ngành nghề không tuyển sinh được trong 3 năm gần đây, đăng ký lại các ngành nghề đào tạo với tổng số 18 mã ngành, nghề (gồm 07 nghề cao đẳng, 11 nghề trung cấp và 06 nghề sơ cấp), cụ thể gồm: Các ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp (Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Điện dân dụng, Sửa chữa điện lạnh, Hàn, Kỹ thuật xây dựng); Các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp (Thú y, Chăn nuôi - Thú y, Khoa học cây trồng, Trồng trọt và bảo vệ thực vật); các nghề Kỹ thuật xây dựng, Kế toán, Tin học ứng dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn và Lái xe ô tô các hạng. Đối với ngành Sư phạm chỉ còn đào tạo duy nhất ngành cao đẳng Sư phạm Mầm non theo Luật Giáo dục mới 2019.

4.2. Quy mô tuyển sinh (theo đăng ký cấp phép): 200 cao đẳng, 435 trung cấp, 1415 sơ cấp. Năm 2023, trong bối cảnh nhiều CSGDNN gặp khó khăn trong tuyển sinh hệ Cao đẳng, Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã có những giải pháp cụ thể trong công tác tuyển sinh và đạt được kết quả đáng khích lệ. Kết quả tuyển sinh tính đến tháng 12/2023 (thời điểm hoàn thiện Báo cáo): Hệ trung cấp tuyển sinh nhập học 334/280 chỉ tiêu tinh giao (đạt 119,2 %); Hệ Cao đẳng xét tuyển, nhập

học 38/90 chỉ tiêu (đạt 42,2%); hệ GDTX tuyển được 265 em, Tuyển sinh sơ cấp lái xe ô tô các hạng B1, B2, C được 970 học viên (vượt chỉ tiêu đề ra)

### 5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.

5.1. Diện tích đất: Tổng diện tích đất: 106.576m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Diện tích đất xây dựng: 44.292 m<sup>2</sup>

+ Diện tích cây xanh, thảm cỏ: 26.327m<sup>2</sup>

+ Diện tích đường nội bộ, đất lưu không: 35.957m<sup>2</sup>

5.2. Diện tích hạng mục và công trình.

<b>TT</b>	<b>Hạng mục, công trình</b>	<b>Tổng diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đã xây dựng (m<sup>2</sup>)</b>
1	Khu hiệu bộ	1.929	1.929
2	Phòng học lý thuyết	13.889	13.889
3	Xưởng thực hành	2.589	2.589
4	Khu phục vụ	7.477	7.477
4.1	<i>Thư viện</i>	1.244	985
4.2	<i>Ký túc xá</i>	3.887	3.887
4.3	<i>Nhà ăn</i>	298	298
4.4	<i>Trạm y tế</i>	48	48
4.4	<i>Khu thể thao</i>	2.000	2.000
5	Khác	18.408	18.408
	<b>Tổng</b>	<b>44.292</b>	<b>44.292</b>

5.3. **Kho sách thư viện nhà trường: 4943** đầu sách. Gồm 44.384 bản sách và báo chí các loại, trong đó:

STT	Tên đầu sách	Số quyển
1	Sách giáo khoa và sách bài tập	8.275
	Sách nghiệp vụ, giáo trình	29.979
	Sách tham khảo	2.780
	Sách tặng biếu	3.350
	<b>Tổng tài liệu</b>	<b>44.384</b>
2	Báo Nhân dân	1.130
	Báo Bắc Kạn	1.565
3	Tạp chí Cộng sản	264
	Tạp chí Tia sáng	73

5.4. Tổng số máy tính của trường: 145 bộ

- Dùng cho văn phòng: 88 bộ

- Dùng cho học sinh học tập: 57 bộ

5.5. Về tài chính (đơn vị tính: đồng)

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>I</b>	<b>Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang</b>	-	-	4.355.228.120
<b>II</b>	<b>Nguồn thu</b>			
<b>1</b>	<b>Ngân sách nhà nước cấp</b>			
	Cấp chi thường xuyên tự chủ	11.953.000.000	11.766.000.000	11.582.000.000
	Cấp bù học phí	2.387.000.000	4.742.000.000	5.963.000.000
	Cải cách tiền lương	-		
	Cấp chi tinh giản biên chế	525.551.000	518.911.000	457.539.000
	Học bổng chế độ nội trú theo QĐ 53/2015/QĐ-TTg	4.918.000.000	5.181.000.000	4.971.000.000

	Chế độ trợ cấp xã hội theo QĐ 1121/2001/QĐ-TTg	100.000.000	42.000.000	55.000.000
	Chế độ hỗ trợ HSSV theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND	1.165.000.000	1.394.000.000	1.404.000.000
	Chế độ hỗ trợ sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP	-	1.118.040.000	2.327.000.000
	Nguồn vốn CTMT	-	14.714.000.000	
	Cấp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn khác	-	297.000.000	
	Kinh phí đầu tư xây dựng	-	-	
<b>2</b>	<b><i>Nguồn thu sự nghiệp</i></b>			
	Thu học phí chính quy	613.853.500	500.000.000	408.482.570
	Thu liên kết đào tạo	2.017.144.915	1.600.000.000	639.910.000
	Thu dịch vụ đào tạo giấy phép lái xe	8.429.577.920	6.500.000.000	6.671.850.000
	Thu sự nghiệp khác	720.915.070	700.000.000	444.367.700
<b>III</b>	<b>Giá trị quyết toán</b>	29.613.070.472	27.212.435.880	Chưa quyết toán
<b>IV</b>	<b>Kinh phí chuyển năm sau</b>	-	4.355.228.120	

## PHẦN II

### KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

#### 1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của tất cả các CSGDNN. Trong bối cảnh hiện nay, với những đòi hỏi về cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho thị trường trong nước và là động lực cho hội nhập quốc tế, việc nâng cao chất lượng đào tạo của các Trường ngày càng trở nên cấp thiết. Nhận thức được tầm quan trọng này, trong những năm qua, trường Cao đẳng Bắc Kạn luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục và đã có nhiều chính sách, áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã và đang tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng CSGDNN theo các quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐT BXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, Trường đã căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ LĐ-TB&XH để tiến hành xem xét, tự đánh giá về thực trạng chất lượng và hiệu quả của các hoạt động của Nhà trường, chỉ ra mặt mạnh và mặt hạn chế, từ đó xây dựng kế hoạch hành động phù hợp nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đề ra, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

#### 2. Tổng quan chung.

##### 2.1. Căn cứ tự đánh giá.

- Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục nghề nghiệp số 18/VBHN-VPQH ngày 05/7/2019;
- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐT BXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 25/03/2019 về việc Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng;
- Thực hiện Chương trình hành động số 67/CTr/ĐU ngày 22/7/2020 của Đảng ủy trường Cao đẳng Bắc Kạn về Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường Cao đẳng Bắc Kạn khóa 1, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Thực hiện theo Kế hoạch số 33/KH-CĐBK ngày 22/2/2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc Tự đánh giá chất lượng CSGDNN năm 2023.

## **2.2. Mục đích tự đánh giá.**

- Tự đánh giá chất lượng CSGDNN giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của Trường để nhận biết được những điểm mạnh, điểm tồn tại, từ đó triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Trường;

- Tự đánh giá giúp cho việc xây dựng thái độ, nhận thức của lãnh đạo, các đơn vị chuyên trách, cán bộ, giáo viên và nhân viên về chất lượng của mọi mặt hoạt động và chất lượng bên trong Nhà trường;

- Tự đánh giá là cơ sở để đánh giá lại mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học, có tính chất quyết định đối với hiệu quả hoạt động của Nhà trường.

- Công bố, công khai thực trạng đào tạo của Nhà trường với người học nghề, tạo sự tin cậy về chất lượng đào tạo và thu hút sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội nhằm khẳng định thương hiệu, vị thế của Nhà trường trong lĩnh vực dạy nghề.

## **2.3. Yêu cầu tự đánh giá.**

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Trường.

- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

## **2.4. Phương pháp tự đánh giá.**

Tự đánh giá theo phương pháp thu thập minh chứng, số liệu, hồ sơ các hoạt động đối chiếu với hệ thống Tiêu chí, tiêu chuẩn để mô tả, phân tích chung về những thông tin, minh chứng của Nhà trường. Sau đó đưa ra nhận định, đánh giá.

Các đơn vị phòng, khoa tự đánh giá trước, Hội đồng nhà trường tổng hợp đánh giá sau và đề ra giải pháp cụ thể cải thiện, khắc phục những tồn tại

## **2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.**

### **2.5.1. Các đơn vị trong trường.**

- Căn cứ vào từng tiêu chuẩn của 9 tiêu chí trong Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường Cao đẳng, Trường lập kế hoạch và phân công các đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của đơn vị và gửi Hội đồng tự đánh giá của Trường.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

### *2.5.2. Hội đồng tự đánh giá trường.*

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Nhà trường phê duyệt;

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng. Phân công thành viên Hội đồng phụ trách từng tiêu chí cụ thể và hướng dẫn thực hiện. Phân bổ tiêu chuẩn thích hợp, liên quan cho các đơn vị để thực hiện tự đánh giá.

- Tổ chức đánh giá tính xác thực bản báo cáo kết quả tự đánh giá của các đơn vị.

- Các thành viên phụ trách tiêu chí được giao chịu trách nhiệm tổng hợp, phân tích, tổng kết và sàng lọc báo cáo kết quả của đơn vị thành báo cáo kết quả tự đánh giá của trường.

- Tổng hợp ý kiến, xếp loại đánh giá nhà trường trên cơ sở tổng số điểm đạt được của các tiêu chí đánh giá, xây dựng báo cáo kết quả tự đánh giá.

- Lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Công bố kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trong trường. Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá về Sở LĐ-TB&XH, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

## **3. Tự đánh giá.**

### ***3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá***

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
1	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý</b>	12	12	
	<i>Tiêu chuẩn 1.1:</i> Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1	
	<i>Tiêu chuẩn 1.2:</i> Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1	
	<i>Tiêu chuẩn 1.3:</i> Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1	
	<i>Tiêu chuẩn 1.4:</i> Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1	
	<i>Tiêu chuẩn 1.5:</i> Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1	
	<i>Tiêu chuẩn 1.6:</i> Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn, các phòng khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và hiệu quả.	1	1	
	<i>Tiêu chuẩn 1.7:</i> Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định	1	1	
	<i>Tiêu chuẩn 1.8:</i> Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1	



TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	<b>Tiêu chuẩn 1.9:</b> Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng Điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 1.10:</b> Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 1.11:</b> Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 1.12:</b> Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1	
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2 – Hoạt động đào tạo</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	
	<b>Tiêu chuẩn 2.1:</b> Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.2:</b> Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.3:</b> Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.4:</b> Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	1	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	<b>Tiêu chuẩn 2.5:</b> Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.6:</b> Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.7:</b> Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.8:</b> Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.9:</b> Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.10:</b> Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.11:</b> Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.12:</b> Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt	1	1	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.			
	<b>Tiêu chuẩn 2.13:</b> Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.14:</b> Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.15:</b> Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.16:</b> Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 2.17:</b> Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1	
3	<b>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động</b>	15	14	
	<b>Tiêu chuẩn 3.1:</b> Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.2:</b> Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	<b>Tiêu chuẩn 3.3:</b> Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.4:</b> Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.5:</b> Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.6:</b> Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.7:</b> Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.8:</b> Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.9:</b> Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	0	
	<b>Tiêu chuẩn 3.10:</b> Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	<b>Tiêu chuẩn 3.11:</b> Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.12:</b> Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.13:</b> Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.14:</b> Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 3.15:</b> Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1	
<b>4</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	<b>15</b>	<b>13</b>	
	<b>Tiêu chuẩn 4.1:</b> Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.2:</b> 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.3:</b> Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	<b>Tiêu chuẩn 4.4:</b> Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.5:</b> Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.6:</b> Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.7:</b> Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.8:</b> Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	0	
	<b>Tiêu chuẩn 4.9:</b> Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.10:</b> Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.11:</b> 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.12:</b> Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	<b>Tiêu chuẩn 4.13:</b> Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.14:</b> Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 4.15:</b> Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	0	
<b>5</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>15</b>	<b>13</b>	
	<b>Tiêu chuẩn 5.1:</b> Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.2:</b> Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.3:</b> Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí	1	1	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.			
	<b>Tiêu chuẩn 5.4:</b> Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.5:</b> Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.6:</b> Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.7:</b> Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.8:</b> Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.9:</b> Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư	1	0	



TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.			
	<b>Tiêu chuẩn 5.10:</b> Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.11:</b> Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.12:</b> Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.13:</b> Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.14:</b> Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 5.15:</b> Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được	1	0	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.			
<b>6</b>	<b>Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
	<i>Tiêu chuẩn 6.1:</i> Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	<b>1</b>	<b>1</b>	
	<i>Tiêu chuẩn 6.2:</i> Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	<b>1</b>	<b>1</b>	
	<i>Tiêu chuẩn 6.3:</i> Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	<b>1</b>	<b>1</b>	
	<i>Tiêu chuẩn 6.4:</i> Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	<b>1</b>	<b>1</b>	
	<i>Tiêu chuẩn 6.5:</i> Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	<b>1</b>	<b>1</b>	
<b>7</b>	<b>Tiêu chí 7: Quản lý tài chính</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	
	<i>Tiểu chuẩn 7.1:</i> Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	<b>1</b>	<b>1</b>	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	<b>Tiêu chuẩn 7.2:</b> Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 7.3:</b> Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 7.4:</b> Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 7.5:</b> Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 7.6:</b> Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	0	
<b>8</b>	<b>Tiêu chí 8: Dịch vụ người học</b>	<b>9</b>	<b>8</b>	
	<b>Tiêu chuẩn 8.1:</b> Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 8.2:</b> Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 8.3:</b> Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong	1	1	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.			
	<b>Tiêu chuẩn 8.4:</b> Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 8.5:</b> Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 8.6:</b> Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 8.7:</b> Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 8.8:</b> Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 8.9:</b> Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	0	
<b>9</b>	<b>Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	
	<b>Tiêu chuẩn 9.1:</b> Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 9.2:</b> Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Kết quả tự đánh giá	
			Điểm	92
	<b>Tiêu chuẩn 9.3:</b> Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 9.4:</b> Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 9.5:</b> Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1	
	<b>Tiêu chuẩn 9.6:</b> Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	0	
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	

### 3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.

#### 3.2.1. TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

##### Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

**Mở đầu:** Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020; Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã xác định rõ:

- Mục tiêu: Xây dựng Trường Cao đẳng Bắc Kạn đa ngành, nghề, đa cấp và đa lĩnh vực. Vị thế tương lai của Trường phải trở thành trung tâm đào tạo và khoa học lớn của tỉnh Bắc Kạn, trong khu vực miền núi phía Bắc, có chất lượng chuẩn đầu ra ở tầm quốc gia và dần vươn tới tầm khu vực.

- Sứ mạng: Trường Cao đẳng Bắc Kạn có sứ mạng tạo dựng sự thành công và thịnh vượng cho thế hệ trẻ và cộng đồng các dân tộc Bắc Kạn thông qua: Các chương trình giáo dục nghề nghiệp đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực, có tính thực tiễn cao đáp ứng nhu cầu xã hội; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, ươm

mầm đôi mới sáng tạo và khởi nghiệp; cung cấp các giải pháp, mô hình phát triển kinh tế, phát triển cộng đồng theo định hướng “xanh” và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sau sáp nhập, trên cơ sở phân tích các nguồn lực hiện có, thuận lợi, khó khăn cơ hội và thách thức, Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã tập trung xây dựng và Hiệu trưởng đã phê duyệt Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Bắc Kạn giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 677/QĐ-CĐBK ngày 28 tháng 12 năm 2021. Trong đó, mục tiêu tổng thể đến năm 2025 là xây dựng Trường Cao đẳng Bắc Kạn vững mạnh toàn diện, trở thành thương hiệu tin cậy tại Tỉnh và khu vực miền núi phía Bắc về: Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội; Cung cấp các giải pháp, mô hình phát triển kinh tế, phát triển cộng đồng theo hướng tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; Thúc đẩy phát triển năng lực cộng đồng, duy trì bản sắc văn hóa. Tầm nhìn đến năm 2030, Trường Cao đẳng Bắc Kạn là thương hiệu tin cậy gắn với sự thành đạt của các thế hệ trẻ, sự thịnh vượng bền vững và đầy bản sắc của cộng đồng các dân tộc tại Bắc Kạn và trong khu vực. Chiến lược được chia làm 03 giai đoạn: Giai đoạn 1 (09/2020 - 12/2022): Chuyển đổi và củng cố nền tảng; Giai đoạn 2 (01/2023 - 12/2025): Tăng trưởng; Giai đoạn 3 (01/2026 - 12/2030): Phát triển bền vững.

**\* Những điểm mạnh:**

- Trường Cao đẳng Bắc Kạn xây dựng mục tiêu cụ thể, chiến lược phát triển với các mục tiêu rõ ràng, phù hợp với chức năng và nguồn lực của nhà trường; Gắn kết chặt chẽ với nhu cầu chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; tổ chức bộ máy được thành lập phù hợp với cơ cấu ngành nghề đào tạo và chủ trương của Đảng về tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

**\* Những tồn tại:**

- Trường mới thành lập, cơ cấu tổ chức và bộ máy vận hành chưa ổn định (thuyên chuyển công tác, trong đó có viên chức lãnh đạo quản lý)  
- Một số đơn vị chưa kiện toàn đủ lãnh đạo quản lý theo cơ cấu.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Định kỳ hằng năm nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của nhà trường phù hợp với từng giai đoạn phát triển và công bố rộng rãi thông qua nhiều hình thức.

**Điểm đánh giá tiêu chí 1**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12

Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

**Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Bắc Kạn được thành lập năm 2020 trên cơ sở sáp nhập trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn vào trường Cao đẳng Nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn và đổi tên thành Cao đẳng Bắc Kạn tại [1.1.01 – Quyết định số 49/QĐ-LĐTĐ, ngày 14/01/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn vào Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bắc Kạn]

Trường là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy Ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hoạt động theo Điều lệ trường cao đẳng được quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của nhà trường và các đơn vị phòng, khoa. [1.1.02 - Quyết định số 48/QĐ-CĐBK ngày 27/3/2020; Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023: Về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn]

Trường Cao đẳng Bắc Kạn luôn hợp tác với các doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra cho các em sinh viên sau khi ra trường [1.1.03- Thông báo số 2331/TB-PCBK, ngày 28/12/2022, Thông báo của Công ty Điện lực Bắc Kạn về tuyển dụng lao động].

Được sự hỗ trợ của Dự án dạy nghề tỉnh Bắc Kạn giai đoạn II (VIE/034), năm 2020 nhà trường đã xây dựng hoàn thiện bản kế hoạch chiến lược phát triển trường Cao đẳng Bắc Kạn giai đoạn 2020- 2025, tầm nhìn 2030 có mục tiêu,

nhiệm vụ, nội dung tuyên bố sứ mạng rõ ràng và phù hợp với chức năng cũng như nguồn lực của Trường. Mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng nghề nghiệp có chất lượng phù hợp với yêu cầu sử dụng trong nước, xây dựng lực lượng cán bộ, nhà giáo có năng lực đủ trình độ và nghiệp vụ, Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 -2025; - Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 về việc điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, kinh phí đã giao cho Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn và trường CĐ nghề Dân tộc nội trú Bắc Kạn tại Quyết định số 2488/QĐ- UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn.]

Hàng năm, nhà trường có báo cáo tổng kết công tác và đề ra phương hướng nhiệm vụ thực hiện năm tiếp theo [1.1.04 – Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC- CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024].

Mục tiêu, nhiệm vụ nhà trường được công bố công khai rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng. Thông báo trên bản tin, Website về mục tiêu, sứ mạng của nhà trường/ Công bố video clip kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 trên cổng thông tin điện tử nhà trường [1.1.05 - Đường link: <http://cdbk.edu.vn/gioi-thieu/gioi-thieu-chung/su-mang-va-chien-luoc>, Fanpage Cao đẳng Bắc Kạn). Có hình ảnh công bố mục tiêu, sứ mạng trường tại các vị trí công cộng trong nhà trường tại 02 cơ sở của trường.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Bắc Kạn là trường Cao đẳng duy nhất của tỉnh Bắc Kạn, là trung tâm đào tạo duy nhất 3 cấp trình độ từ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng. Năm 2023 Nhà trường đã tiến hành phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, của các ngành để xác định quy mô đào tạo của các nghề căn cứ vào nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. (1.2.01, 1.2.02, 1.2.04 - Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 phê duyệt kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025; 1.2.03, 1.2.05 - Nghị quyết số 124/NQ-ĐU ngày 29/12/2020 v/v lãnh đạo triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường Cao đẳng Bắc Kạn giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030).

Các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Nhà trường được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp phép đào tạo



(1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 23/2023/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 04/4/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 23a/2023/GCNDKBS-TCGDNN ngày 13/7/2023).

Trong quá trình thực hiện công tác tuyển sinh Phòng Đào tạo, đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ tuyển sinh đã căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của tỉnh, của Nhà trường về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu thực tế về nguồn lao động, đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thực hiện công tác tuyển sinh đúng như nhu cầu của ngành và nhu cầu người học (1.1.03 - Thông báo số 1596/TB-CĐTKV ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam thông báo tuyển dụng lao động, cử đi đào tạo nghề, bố trí việc làm năm 2022; Thông báo tuyển dụng lao động làm việc tại công ty Vard Vũng Tàu; Thông báo tuyển lao động xuất khẩu đi châu Âu của Công ty Cổ phần cung ứng nhân lực quốc tế và thương mại; 1.2.07 - Kế hoạch số 15/KH-CĐBK ngày 10/02/2023 triển khai công tác tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp năm 2023, 1.2.08 - Báo cáo số 261/BC-CĐBK ngày 07/12/2023 báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2023 và phương hướng, giải pháp công tác tuyển sinh năm 2024, 1.2.09 - Báo cáo 15/7/2023 về kết quả khảo sát nhu cầu lao động, việc làm và nhu cầu học tập của học sinh sau THPT, năm 2022).

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 1: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Công tác quản lý của trường thực hiện theo quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các khoa chuyên môn, các phòng chức năng trong trường. Việc thành lập và các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, khoa, tổ chuyên môn được thể hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường có cơ chế phối hợp công tác giữa các bộ phận, chỉ đạo và chịu sự chỉ đạo một cách rõ ràng. Căn cứ vào đó, các phòng, khoa chủ động xây dựng kế hoạch làm việc để thực hiện tốt chức năng và chịu trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật và quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường ((1.1.01 - Quyết định số 49/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh Xã hội ngày 14/01/2020 về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn và Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 1.3.01 - Nghị quyết số 106/NQ/ĐU ngày 06

tháng 11 năm 2020 về tổ chức, bộ máy và cán bộ viên chức; 1.1.02. Quyết định số 48/QĐ-CĐBK ngày 27/3/2020; Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn).

Trên cơ sở Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn, theo phân cấp quản lý Hiệu trưởng nhà trường đã thành lập các đơn vị phòng, khoa. Hiện nay, nhà trường có 9 đơn vị trực thuộc, gồm 04 phòng (Phòng TC-HC, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác HSSV, Phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng), 05 Khoa (Khoa Cơ Điện, Khoa Nông Lâm, Khoa Cơ giới đường bộ, Khoa Tổng hợp, Khoa Sư phạm)

(1.3.02. Quyết định số 01/QĐ - CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Phòng Tổ chức – Hành chính; Quyết định số 02/QĐ - CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập phòng Đào tạo; Quyết định số 03/QĐ - CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Phòng Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Quyết định số 05/QĐ - CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Phòng Công tác HSSV; Quyết định số 06/QĐ - CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Khoa Cơ giới đường bộ; Quyết định số 07/QĐ - CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Khoa Cơ điện; Quyết định số 08/QĐ - CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Khoa Nông lâm; Quyết định số 09/QĐ - CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Khoa Sư phạm; Quyết định số 10/QĐ - CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Khoa Tổng hợp).

Tuỳ theo tính chất công việc, mỗi phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm tổ bộ môn có trưởng, phó của các đơn vị. Các phòng, khoa, tổ bộ môn đều được xác định nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, chịu sự lãnh đạo của Hiệu trưởng theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Nhà trường ban hành các quy chế nội bộ dựa trên các văn bản chỉ đạo và thông tư của Bộ, ngành. (1.3.03 - Quyết định số 105/QĐ-CĐBK, ngày 31/3/2023: Về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023; 1.3.04 - Quyết định số 658/QĐ-CĐBK ngày 28/11/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc Ban hành Quy chế dân chủ; 1.3.05 - Quyết định số 435/QĐ-CĐBK ngày 25/9/2020 về ban hành quy chế đào tạo và bồi dưỡng viên chức, người lao động trường Cao đẳng Bắc Kạn; 1.3.06 - Quyết định số 49-QĐ/CĐBK ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc của Nhà giáo Trường Cao đẳng Bắc Kạn;

1.3.07 – Quyết định số 204/QĐ-CĐBK, ngày 29/6/2020 về việc ban hành Quy chế làm việc của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 1.3.08 – Quyết định số 168/QĐ-CĐBK ngày 22/6/2020 Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động Trường Cao đẳng Bắc Kạn; - Quyết định số 94/QĐ-CĐBK, ngày 24/02/2022 Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 1.3.09 – Quyết định số 222/QĐ-CĐBK ngày 28/5/2021 về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Quyết định số 11/QĐ-CĐBK, ngày 08/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công tác thi đua khen thưởng năm 2022 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 1.3.10 - Quyết định số 85-QĐ/ĐU, ngày 09/9/2020 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Khóa I, nhiệm kỳ 2020 – 2025; 1.3.11- Quy chế số 28a/QĐ-CĐCĐBK, ngày 26/4/2023 của Ban chấp hành Công đoàn Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành quy chế hoạt động của của Ban Thanh tra nhân dân).

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 1: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trên cơ sở các văn bản pháp quy về tổ chức và quản lý trước đây đã ban hành, trong qua trình thực hiện, nhà trường đã tiếp tục bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp quy khác cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế của Nhà trường. Cụ thể:

Một số văn bản về tổ chức và quản lý của trường được ban hành lần đầu (các Quy chế, quy định) [1.4.01 - Quyết định số 48/QĐ-CĐBK ngày 27/3/2020: Về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Quyết định số 168/QĐ-CĐBK ngày 22/6/2020 ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Quyết định số 222/QĐ-CĐBK, ngày 28/5/2021 về việc ban hành Quy chế thi đua khen thưởng của Trường Cao đẳng Bắc Kạn] [1.4.02 - Biên bản hội nghị viên chức, người lao động năm 2023 ngày 16/01/2023]. [1.4.03- Kế hoạch số 21/KH-CĐBK ngày 14 tháng 3 năm 2023 Kế hoạch thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở năm 2023. Một số văn bản được sửa đổi, bổ sung: [1.4.04- Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/1/2023 V/v ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Quyết định số 118/QĐ-CĐBK, ngày 08/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công tác thi đua khen thưởng năm 2022 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn. - Quyết định số 94/QĐ-CĐBK, ngày 24/02/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quy

*chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn]. [1.1.04 – Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC-CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024].*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động trong đó quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phân công, phân cấp rõ ràng nhiệm vụ của các Hội đồng tư vấn, các phòng chức năng, các khoa, đơn vị trực thuộc trong Trường. Căn cứ vào Quy chế làm việc của Trường và nhiệm vụ phân công mỗi năm học, hàng năm các khoa, phòng, đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ công tác trọng tâm năm học, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của đơn vị để căn cứ thực hiện. Hàng năm, vào cuối năm học, các đơn vị thực hiện báo cáo tổng kết năm học và xây dựng phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới, gửi về Phòng TCHC tổng hợp. Như vậy, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. [1.1.02. Quyết định số 48/QĐ-CĐBK ngày 27/04/2020; Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023: Về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; [1.2.06. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 23/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 04/4/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 23a/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 13/7/2023; 1.5.01 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của các đơn vị]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn, các phòng khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và hiệu quả.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Ngay sau khi thành lập trường năm 2020, Trường Cao đẳng Bắc Kạn ra quyết định thành lập Hội đồng trường. Hội đồng đã tập hợp được các cán bộ, giảng viên có trình độ cao, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò và trách nhiệm trong việc tư vấn cho Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình đào tạo, xây dựng và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân

viên của trường đáp ứng yêu cầu của xã hội [1.6.01 - Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc thành lập Hội đồng trường Cao đẳng Bắc Kạn, nhiệm kỳ 2020 – 2025. - Công văn số 211/VP-VXNV ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc cử công chức tham gia Hội đồng trường Cao đẳng Bắc Kạn, - Công văn số 88/CĐBK-TCHC ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc cử đại diện tham gia hội đồng trường trường Cao đẳng Bắc Kạn, - Tờ trình số 15/TTr-CĐBK ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc đề nghị thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Bắc Kạn, - Kết luận của Ban chấp hành Đảng ủy về nhân sự tham gia Hội đồng trường Trường Cao đẳng Bắc Kạn nhiệm kỳ đầu tiên ngày 03 tháng 6 năm 2020 – Công văn số 128/CĐBK-TCHC, ngày 14/4/2022 về việc thay thế tham gia Hội đồng Trường Cao đẳng Bắc Kạn - Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Cao đẳng Bắc Kạn].

Bên cạnh các phòng chức năng và các khoa, tổ môn trực thuộc, để các hoạt động của Nhà trường được vận hành có hiệu quả và đúng với điều lệ trường Cao đẳng, Nhà Trường đã thành lập các hội đồng tư vấn khác để tham mưu cho nhà trường trong các hoạt động. [1.6.02 - QĐ số 455-CĐBK ngày 21/9/2021; QĐ 239/QĐ-CĐBK ngày 21/9/2021 về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2021. - QĐ số 89-QĐ-CĐBK, ngày 21/02/2022 về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2022. - Quyết định thành lập tổ truyền thông Trường Cao đẳng Bắc Kạn. - QĐ số 279/QĐ-CĐBK ngày 23/5/2022 về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động].

Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn, các phòng, khoa và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và có hiệu quả. [1.6.03- Báo cáo số 02/HĐT-BC, ngày 09/01/2023 Hoạt động của Hội đồng trường, Trường Cao đẳng Bắc Kạn]. [1.1.02 - Quyết định số 48/QĐ-CĐBK ngày 27/3/2020; Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023: Về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn]. [1.3.01 - Nghị quyết số 106 NQ/ĐU ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tổ chức, bộ máy và cán bộ viên chức] [1.6.04 - Thông báo số 46/TB - CĐBK ngày 29/3/2021 về việc phân công nhiệm vụ trong Ban giám hiệu Trường Cao đẳng Bắc Kạn]. [1.1.04 – Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC- CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024]. [1.5.01 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của các đơn vị]. [1.6.05 - QĐ số 742/QĐ-CĐBK ngày 29/12/2022 về việc tặng thưởng danh hiệu “tập thể lao động tiên tiến” năm 2022. – QĐ số 743/QĐ-CĐBK, ngày 29/12/2022 Quyết định về việc khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có

thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Toàn trường tích cực tham gia công tác tuyển sinh và công tác Tự đánh giá năm 2022"; - QĐ số 12/QĐ-CĐBK, ngày 04/01/2023 về việc tặng thưởng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" năm 2022; - QĐ số 280/QĐ-CĐBK ngày 26/5/2022 về việc khen thưởng đột xuất cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong đợt huấn luyện dân quân tự vệ năm 2022; - QĐ số 374/QĐ-CĐBK về việc khen thưởng đột xuất cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2022; - Quyết định số 551/QĐ-CĐBK ngày 14/10/2022 về việc khen thưởng đột xuất tập thể và các cá nhân có thành tích trong tổ chức Ngày hội Kỹ năng lao động Việt Nam và Khai giảng năm học 2022 - 2023; - QĐ số 566/QĐ-CĐBK ngày 31/10/2023 về việc khen thưởng các giáo viên chủ nhiệm có thành tích xuất sắc trong công tác chủ nhiệm lớp, năm học 2022 - 2023; - QĐ số 871/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh về việc tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện các Phong trào thi đua "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở" giai đoạn 2019 -2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn]

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 1: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo, nhiệm vụ đảm bảo chất lượng luôn được nhà trường chú trọng và quan tâm. Ngay sau khi sáp nhập, Nhà trường đã thành lập Phòng TTrKT&ĐBCL và giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với mục tiêu đào tạo, điều kiện thực tiễn của Nhà trường, để vận hành và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, quy hoạch, kế hoạch phát triển chiến lược phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn. (1.1.02. Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn). Từ năm 2022, Nhà trường đã tiến hành xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và bắt đầu đưa vào vận hành chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, Sổ tay đảm bảo chất lượng, các quy trình đảm bảo chất lượng. Tính đến nay, Nhà trường đã xây dựng được 19 quy trình theo Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. (1.7.01. Quyết định số 316/QĐ-CĐBK ngày 13/6/2022 về việc thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng; Quyết định số 246/QĐ-CĐBK ngày 12/6/2023 về việc kiện toàn Hội đồng tư vấn xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng; 1.7.02. Kế hoạch số 104/KH-CĐBK ngày 04/5/2023 Xây dựng, bổ sung và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2023; 1.7.05. Sổ tay đảm bảo chất lượng (ban hành kèm

theo Quyết định số 648/QĐ-CĐBK ngày 05/12/2022 về việc ban hành Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 1.7.03. Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023; 1.1.04. Báo cáo tổng kết năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của trường; 1.5.01. Báo cáo tổng kết năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của các phòng khoa).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Phòng Thanh tra Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của nhà trường được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ - CĐBK ngày 30/3/2020 với nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, quản lý, tổ chức thực hiện và tham mưu giúp cho Hiệu trưởng về công tác thanh tra, pháp chế, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Nhiệm vụ cụ thể được quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn được ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn. (1.1.02. Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Bắc Kạn). Từ năm 2020 đến nay, Phòng đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Năm 2022, 05/05 viên chức của phòng đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến, trong đó có 01 viên chức đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Phòng được công nhận là tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2023, tập thể phòng TTrKT&ĐBCL được công nhận là tập thể lao động tiên tiến xuất sắc, 06/06 viên chức của phòng đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến, trong đó có 01 viên chức đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. (1.1.04. Báo cáo tổng kết năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của trường; 1.8.01. Thông báo số 252/TB-CĐBK ngày 15/12/2023 kết quả xếp loại chất lượng viên chức, người lao động năm 2023; 1.8.02. Báo cáo tổng kết năm 2023 của Phòng TTrKT&ĐBCL).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đảng bộ cơ sở trường Cao đẳng Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định số 375-QĐ/ĐU ngày 01/4/2020 của Đảng ủy các Cơ quan tỉnh Bắc Kạn về việc sáp nhập tổ chức cơ sở Đảng. Đến nay, Đảng bộ nhà trường có 85 đảng viên (82 đảng viên chính thức và 03 đảng viên dự bị), 05 chi bộ trực thuộc. (1.9.01. Danh sách Đảng viên; 1.9.02. Quyết định số 375-QĐ/ĐU ngày 1/4/2020 về việc thành lập Đảng bộ cơ sở; Quyết định số 01-QĐ/ĐU ngày 14/4/2020 về việc thành lập

*Chi bộ 1; Quyết định số 02-QĐ/ĐU ngày 1/4/2020 về việc thành lập Chi bộ 2; Quyết định số 03-QĐ/ĐU ngày 1/4/2020 về việc thành lập Chi bộ 3; Quyết định số 04-QĐ/ĐU ngày 1/4/2020 về việc thành lập Chi bộ 4; Quyết định số 05-QĐ/ĐU ngày 1/4/2020 về việc thành lập Chi bộ 5)*

Đảng ủy Trường đã xây dựng Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ, phân công nhiệm vụ cho từng Đảng ủy viên. Đảng bộ đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ của một tổ chức cơ sở Đảng trong nhà trường: hàng năm, hàng tháng Đảng ủy xây dựng kế hoạch, chương trình hành động qua đó để lãnh đạo toàn trường thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước và thực hiện các Nghị quyết của Đảng ủy cấp trên; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường, xây dựng Đảng bộ và nhà trường vững mạnh, lãnh đạo Công đoàn và Đoàn Thanh niên trong nhà trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, tổ chức nhiều phong trào thi đua nhằm góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Hàng tháng, các chi bộ duy trì sinh hoạt theo định kỳ nhằm kiểm điểm công tác trong tháng và triển khai nhiệm vụ trong tháng tiếp theo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trong các năm qua Trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong năm 2022, các Chi bộ đều hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có 01 Chi bộ được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 02 Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ; 96,4% số đảng viên hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, trong đó có 19,23% Đảng viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (1.9.03. Báo cáo kết quả công tác năm 2023 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của Đảng bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 1.9.04. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn, lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2020-2025 (số 64-NQ/ĐU ngày 21/6/2020); 1.9.05. Quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân Đảng viên nhà trường).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công đoàn Trường Cao đẳng Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định số 242/QĐ-LĐLĐ ngày 16/4/2020 v/v sáp nhập Công đoàn Trường Cao đẳng Cộng đồng và Trường Cao đẳng Nghề Dân tộc nội trú thành Công đoàn Trường Cao đẳng Bắc Kạn, gồm 5 Tổ công đoàn, 124 công đoàn viên. Công đoàn Trường đã xây dựng Quy chế làm việc của Ban chấp hành, gồm các quyết định về việc ban hành quy chế hoạt động của ban chấp hành công đoàn, quy chế quan hệ phối hợp công tác giữa chính quyền và công đoàn, quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra công đoàn, các chương trình hành động của ban chấp hành công đoàn, quy định



về chức năng nhiệm vụ của tổ trưởng tổ công đoàn, trong đó quy định rõ nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ quyền hạn, phân công nhiệm vụ theo điều lệ công đoàn (1.10.01- *Quyết định thành lập Công đoàn trường Cao đẳng Bắc Kạn; Quyết định số 23/QĐ-CĐCĐBK ngày 12/4/2023 V/v thành lập Ban nữ công quân chủng, nhiệm kỳ 2023-2028; 1.10.03. Danh sách đoàn viên công đoàn*).

Hàng năm, Ban chấp hành Công Đoàn trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm và được Đảng ủy Trường phê duyệt, từ năm 2020 đến nay Công Đoàn Trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ, phát huy tốt vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia góp ý các văn bản, quy định của Trường, tổ chức đa dạng các phong trào thi đua và các hoạt động phong trào như các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm tạo không khí phấn khởi, vui tươi trong môi trường làm việc. Ban chấp hành công đoàn thường xuyên phối hợp với các phòng chức năng, thực hiện tốt chế độ chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ đối với cán bộ viên chức, chăm lo chu đáo, hiệu quả cho các đoàn viên công đoàn trong các ngày lễ, Tết nhằm kịp thời động viên, khuyến khích các đoàn viên công đoàn trong quá trình công tác. (1.10.02-*Kế hoạch số 36/KH-CĐCĐBK ngày 23/5/2023 Kế hoạch hoạt động toàn khóa của Ban chấp hành công đoàn Khóa I, nhiệm kỳ 2023-2028; 1.10.04. Báo cáo số 37/BC-CĐCĐBK ngày 29/5/2023 kết quả hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023*)

Đoàn thanh niên Trường Cao đẳng Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định số 226-QĐ/TĐTN-XDĐ ngày 12/5/2020 v/v thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Bắc Kạn với 15 thành viên trong Ban chấp hành. (1.10.07-*Quyết định thành lập Đoàn thanh niên; 1.10.08. Danh sách đoàn thanh niên*). Đoàn thanh niên Nhà trường hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của tổ chức đoàn thể cấp trên. (1.10.09. *Văn bản số 05-CTr/ĐTN ngày 22/2/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng Bắc Kạn về Chương trình Công tác Đoàn và phong trào thiếu nhi năm 2023*)

Hoạt động của các đoàn thể đã tạo ra phong trào sôi nổi góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, cụ thể một số các phong trào điển hình là: Phong trào văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn, phong trào TĐTT, thanh niên tình nguyện, phong trào xanh sạch đẹp trong trường học; Phong trào "Hiến máu tình nguyện"; phong trào tình nguyện hỗ trợ xây dựng nông thôn mới. Đa số các đoàn viên công đoàn của Nhà trường đạt danh hiệu công đoàn viên xuất sắc, nhiều tập thể, cá nhân đoàn viên công đoàn và đoàn viên thanh niên được công đoàn Nhà trường, Liên đoàn lao động tỉnh, Ban chấp hành đoàn trường và Ban chấp hành tỉnh đoàn Bắc Kạn khen thưởng (1.10.05- *Quyết định khen thưởng danh hiệu Đoàn viên Công đoàn xuất sắc năm 2023; 1.10.06- Đánh giá của cơ quan*

*cấp trên về hoạt động của Công đoàn trường; 1.10.10- Báo cáo số 34-BC/ĐTN ngày 23/7/2023 báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2023; 1.10.11- Quyết định số 212/QĐ-CĐBK ngày 26/5/2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc trao thưởng cho các cá nhân, tập thể đạt thành tích cao tại các hoạt động kỷ niệm 73 năm ngày truyền thống học sinh sinh viên (09/01/1950-09/01-2023); Quyết định số 656/QĐ-CĐBK ngày 27/11/2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn Về việc trao thưởng cho các cá nhân, tập thể đạt thành tích cao tại Hội diễn văn nghệ HSSV kỷ niệm 41 năm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; 1.10.12- Công văn số 717-CV/TĐTN-VP ngày 13/12/2023 của Ban chấp hành tỉnh đoàn Bắc KạnV/v thông báo kết quả chấm điểm Bộ tiêu chí và xếp loại thi đua năm 2023).*

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường được cụ thể hóa bằng các quy chế, quy định của trường (*1.11.01-Quy chế hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân (số 19/QCHĐ-BTTND ngày 15/6/2020); 1.11.05-Quyết định số 528/QĐ-CĐBK ngày 05/10/2022 về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ*)

Công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động của nhà trường được tiến hành trong từng học kỳ, năm học. Nội dung của công tác kiểm tra bao gồm các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. (*1.11.02-Kế hoạch số 22/KH-CĐBK ngày 14/2/2023 kiểm tra công tác chuyên môn năm học 2022-2023; Kế hoạch số 30/KH-CĐCĐBK ngày 27/04/2023 Kế hoạch hoạt động của Ban thanh tra nhân dân Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023; 1.11.03- Các biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của trường*)

Căn cứ kết quả của công tác thanh tra, kiểm tra, Nhà trường đã có những đánh giá và chấn chỉnh những mặt còn tồn tại, yếu kém trong các hoạt động của nhà trường ở một số nội dung như: Công tác giảng dạy, việc chấp hành nội quy quy chế Nhà trường (*1.11.04- Thông báo số 188/TB-CĐBK ngày 2/10/2023 Kết luận kiểm tra chuyên môn năm học 2022 – 2023.*)

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 1: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường tổ chức triển khai thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi cho các đối tượng thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định. Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách cùng với các quyết định, báo cáo, sổ sách liên quan đến những cá nhân được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước [1.12.01 - *Quyết định số 168/QĐ-CĐBK ngày 22 tháng 6 năm 2020 Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; - Quyết định số 94/QĐ-CĐBK, ngày 24/02/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn*]. [1.12.02 - *Quyết định số 541 /QĐ-CĐBK ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc giao định mức giờ giảng cho Nhà giáo, năm học 2023 -2024; Quyết định số 264/QĐ-CĐBK 27/06/2023 Về việc hưởng phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo (Đào Thị Liễu)*].

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, bình đẳng giới đối với CBGVNV như về quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, tuyển dụng. [1.12.03 - *Kế hoạch số 288 /KH-CĐBK ngày 13 tháng 11 năm 2023 vv triển khai tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2023. - Kế hoạch số 85 /KH-CĐBK ngày 07 tháng 7 năm 2021 V/v thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025*], [1.12.04 - *Báo cáo số 220/BC-CĐBK ngày 29 tháng 12 năm 2022 Kết quả thực hiện triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2022*].

Trong năm 2023, Trường tổ chức thu thập ý kiến của 98 cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động, kết quả cho thấy phần lớn cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động đều ghi nhận Nhà Trường thực hiện tốt và đầy đủ, đúng quy định, công khai và minh bạch các chính sách liên quan đến dạy và học; chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 1: 1 điểm***

### **3.2.2. TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:**

**Mở đầu:** Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã và đang tích cực thực hiện đa dạng hóa các phương thức, loại hình đào tạo nhằm đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực và đáp ứng nhu cầu người học.

Trường Cao đẳng Bắc Kạn đào tạo 3 cấp trình độ: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng. Trong đó đào tạo 7 nghề trình độ CĐ, 8 nghề trình độ TC, 5 nghề trình độ sơ cấp. Tất cả các nghề đào tạo của trường đều được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Đảng bộ và Ban giám hiệu luôn xác định hoạt động đào tạo là nhiệm vụ then chốt và đang tích cực thực hiện đa dạng hóa các phương thức, loại hình đào tạo nhằm đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực và đáp ứng nhu cầu người học. Hàng năm, nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, xây dựng tổ chức hội thảo, hội nghị đào tạo nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới. Các phòng, khoa phối hợp chặt chẽ với phòng đào tạo để xây dựng kế hoạch đào tạo, phân công giảng viên giảng dạy, kế hoạch vật tư để đảm bảo tiến độ giảng dạy. Nhà trường ban hành đầy đủ các quy định về thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Đẩy mạnh đào tạo kết hợp với doanh nghiệp, phối kết hợp với nhiều doanh nghiệp trong việc tổ chức đào tạo cho học sinh, sinh viên. Sinh viên có cơ hội được học tập, thực hành và nắm bắt thực tiễn sản xuất, được trải nghiệm máy móc, công nghệ hiện đại phù hợp.

**\* Những điểm mạnh:**

- Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, với phương thức đào tạo dài hạn tập trung, ngắn hạn, vừa học vừa làm để đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

- Trong kế hoạch đào tạo, trường đã chủ động phối hợp cùng doanh nghiệp trong công tác đào tạo, gắn với giải quyết việc làm của học sinh - sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, công tác tuyển sinh đúng thủ tục, đúng nguyên tắc, đa dạng hóa hình thức tổ chức, chương trình đào tạo gắn với thực tế, phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ ở các doanh nghiệp, người sử dụng lao động.

**\* Những tồn tại:** Trình độ đầu vào của học sinh còn nhiều hạn chế nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến công tác dạy và học của nhà trường.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:** Trong năm tiếp theo, nhà trường sẽ tăng cường hơn nữa công tác phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo nghề.

**Điểm đánh giá tiêu chí 2**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17

Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

**Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Các ngành nghề đào tạo được Nhà trường quan tâm, đầu tư đặc biệt là công tác đổi mới về nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong các nhiệm vụ của Nhà trường. Năm 2023, Trường Cao đẳng Bắc Kạn đào tạo 3 cấp trình độ: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng. Trong đó đào tạo 7 nghề trình độ CĐ, 10 nghề trình độ TC, 6 nghề trình độ sơ cấp. Tất cả các nghề đào tạo của trường đều được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng, nâng cao uy tín đào tạo trong nhà trường, nhà trường đã tiến hành xây dựng chuẩn đầu ra đối với tất cả các chương trình đào tạo của các ngành nghề. Xây dựng chuẩn đầu ra là cơ sở để đánh giá chất lượng dạy và học, đảm bảo chương trình đào tạo phù hợp giữa nhà trường và cơ quan, người sử dụng lao động. Chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo được nhà trường ban hành và công bố công khai để người học có được cái nhìn khái quát về nghề nghiệp mình sẽ lựa chọn và định hướng nghề nghiệp được tốt hơn (1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 23/2023/GCNDKHD-TCGDNN ngày 04/4/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 23a/2023/GCNDKBS-TCGDNN ngày

13/7/2023; 2.1.01 - *Danh sách chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường và chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo ngày 17/10/2023; 2.1.02 - Danh sách các ngành nghề trường tổ chức đào tạo năm học 2022-2023 ngày 24/12/2023; 2.1.03 - <https://cdbk.edu.vn/nganh-nghe-dao-tao>)*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, căn cứ vào Thông tư số 05/2017/TT-BLĐT BXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nhà trường ban hành quy chế tuyển sinh, hướng dẫn công tác tuyển sinh với những tiêu chí riêng của trường nhưng vẫn đảm bảo đúng với quy định của Bộ (2.2.01 - *Quyết định số 213/QĐ-CĐBK ngày 12/4/2022 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2022*).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho từng nghề phù hợp với giấy phép và năng lực đào tạo của nhà trường. (2.3.01 - *Quyết định số 75/QĐ-CĐBK ngày 03/03/2023 về việc ban hành phương án tư vấn, định hướng nghề và tuyển sinh năm 2023; 2.3.02 - Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023*)

Công tác tuyển sinh của Nhà trường đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan, đúng quy định, nhiều năm liền không xảy ra sai sót; trường công khai về chỉ tiêu, đối tượng, hình thức, kết quả tuyển sinh theo từng đợt. Trước mỗi đợt tuyển sinh, nhà trường xây dựng văn bản triển khai công tác tuyển sinh và công khai các ngành nghề trường tổ chức đào tạo đã được cấp phép. Nhà trường thành lập các Hội đồng để triển khai công tác tuyển sinh theo quy trình và hướng dẫn của Quy chế tuyển sinh. (2.3.03 - *Thông báo tuyển sinh số 47/TB-CĐBK ngày 24/3/2023; 2.3.04 - <http://cdbk.edu.vn>. Thông tin Tuyển sinh Cao đẳng Bắc Kạn; 2.3.05, 2.3.08 - Quyết định số 31/QĐ-CĐBK ngày 01/02/2023 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2023; Quyết định số 254/QĐ-CĐBK ngày 16/6/2023 về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh năm 2023; Quyết định số 32/QĐ-CĐBK ngày 01/02/2023 về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh năm 2023; 2.3.06 - Thông báo số 138/TB-CĐBK ngày 25/7/2023 kết luận cuộc họp Hội đồng tuyển*

sinh, 2.3.09 - Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh, xét tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng hệ chính quy đợt 1 năm 2023 ngày 04/7/2023; 2.3.07 - Hồ sơ đăng ký học của người học năm 2023 có 334 hồ sơ (Hồ sơ tuyển sinh Giáo dục nghề nghiệp gồm: Phiếu đăng ký tuyển sinh; 02 Bản sao công chứng các loại giấy tờ sau: Căn cước công dân, Học bạ THCS; Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận thuộc diện ưu tiên, Bản sao bằng tốt nghiệp THCS hoặc THPT); 2.3.11 - Báo cáo số 261/BC-CĐBK ngày 07/12/2023 báo cáo kết quả công tác tuyển sinh năm 2023 và phương hướng, giải pháp công tác tuyển sinh năm 2024; 2.3.12, 2.3.13 - Kết luận số 211/KL-CĐBK ngày 23/12/2022 kết luận thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh, công tác quản lý hồ sơ HSSV kỳ tuyển sinh năm học 2022-2023)

Sau khi Hội đồng tuyển sinh hoàn thành quá trình xét tuyển, những thí sinh trúng tuyển được Nhà trường gửi Giấy báo nhập học và ra Quyết định mở lớp

2.3.10 - Quyết định số 320/QĐ-CĐBK ngày 12/7/2023 về việc công nhận trúng tuyển trình độ Trung cấp hệ chính quy, đợt 1 năm 2023; Quyết định số 345/QĐ-CĐBK ngày 31/7/2023 về việc công nhận trúng tuyển trình độ Trung cấp hệ chính quy, đợt 2 năm 2023; Quyết định số 368/QĐ-CĐBK ngày 15/8/2023 về việc công nhận trúng tuyển trình độ Trung cấp hệ chính quy, đợt 3 năm 2023; Quyết định số 448/QĐ-CĐBK ngày 14/9/2023 về việc công nhận trúng tuyển nhập học môn trình độ Trung cấp hệ chính quy năm 2023 và các danh sách trúng tuyển kèm theo các quyết định trên; 2.3.14 - Quyết định số 354/QĐ-CĐBK ngày 07/8/2023 về việc thành lập và tổ chức đào tạo các lớp hệ Trung cấp khóa 20 khóa học (2023-2025) gồm 4 lớp: TC-ĐDD/K20, TC-CNKTCK/K20, TC-CNOTO/K20; TC-CBMA/K20 có danh sách học sinh kèm theo; Quyết định số 373/QĐ-CĐBK ngày 17/8/2023 về việc thành lập và tổ chức đào tạo các lớp hệ Trung cấp khóa 20 khóa học (2023-2025) gồm 4 lớp: TC-ĐCN/K20, TC-CNTY/K20, TC-NHKS/K20; TC-TIN/K20 có danh sách học sinh kèm theo; Quyết định số 510/QĐ-CĐBK ngày 06/10/2023 về việc bổ sung danh sách học sinh vào các lớp hệ Trung cấp khóa 20, khóa học 2023-2025; Quyết định số 466/QĐ-CĐBK ngày 20/9/2023 về việc thành lập và tổ chức đào tạo lớp Trung cấp Chăn nuôi thú y 01/k20 khóa học 2023-2025).

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường đang thực hiện đào tạo theo phương thức tích lũy môđun hoặc tín chỉ. Hình thức đào tạo được thực hiện theo đúng quy chế đào tạo của Nhà trường, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của người học. (1.11.05 - Quyết định số 528/QĐ- CĐBK ngày 05/10/2022 QĐ về việc ban hành quy chế tổ chức đào tạo

trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; 2.3.14 - Quyết định số 354/QĐ-CĐBK ngày 07/8/2023 về việc thành lập và tổ chức đào tạo các lớp hệ Trung cấp khóa 20 khóa học (2023-2025) gồm 4 lớp: TC-ĐDD/K20, TC-CNKTCK/K20, TC-CNOTO/K20; TC-CBMA/K20 có danh sách học sinh kèm theo; Quyết định số 373/QĐ-CĐBK ngày 17/8/2023 về việc thành lập và tổ chức đào tạo các lớp hệ Trung cấp khóa 20 khóa học (2023-2025) gồm 4 lớp: TC-ĐCN/K20, TC-CNTYK20, TC-NHKS/K20; TC-TIN/K20 có danh sách học sinh kèm theo; Quyết định số 510/QĐ-CĐBK ngày 06/10/2023 về việc bổ sung danh sách học sinh vào các lớp hệ Trung cấp khóa 20, khóa học 2023-2025; Quyết định số 466/QĐ-CĐBK ngày 20/9/2023 về việc thành lập và tổ chức đào tạo lớp Trung cấp Chăn nuôi thú y 01/k20 khóa học 2023-2025; Danh sách học sinh, sinh viên nhập học và quyết định phân lớp; 2.4.01 - Kế hoạch đào tạo các lớp K18, K19, K20 trình độ trung cấp và K5, K6 trình độ cao đẳng).

#### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ vào các quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề và căn cứ vào quyết định phân lớp, danh sách HSSV theo lớp, Phòng Đào tạo xây dựng và xin phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, kế hoạch giáo viên, Thời khóa biểu học tập... của mỗi nghề theo năm học, khóa học, lớp học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. (2.5.01 Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y, Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn, Tin học ứng dụng (tháng 6,8, 12/2022), 2.3.14 - Danh sách trích ngang học sinh trung cấp nghề Chăn nuôi - thú y, Điện Công nghiệp, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ ô tô, Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn, Tin học khóa 20, khóa học 2023 - 2025; 2.4.01, 2.5.02 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các lớp K18, K19, K20 trình độ trung cấp, các lớp K5, K6 trình độ cao đẳng; 2.5.03 - Kế hoạch giáo viên năm học 2022 - 2023, 2.5.04 - Thời khóa biểu các lớp trung cấp K18, K19, K20 trình độ Trung cấp và các lớp K5, K6 trình độ Cao đẳng năm học 2022 - 2023).



**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo, kế hoạch giáo viên đã được Hiệu trưởng phê duyệt vào đầu mỗi năm học, giáo viên ở các Khoa chuyên môn thực hiện công tác giảng dạy theo đúng kế hoạch, thời khóa biểu, thực hiện việc soạn giáo án và hoàn thành công tác ghi chép sổ sách, biểu mẫu đào tạo đúng quy định. Phòng Đào tạo phối hợp với Phòng Thanh tra, khảo thí và Đảm bảo chất lượng có kế hoạch kiểm tra việc giảng dạy của giáo viên toàn trường, gồm cả kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất, kết quả kiểm tra được tổng hợp và báo cáo công khai trên hồ sơ công việc của Nhà trường (2.4.01, 2.5.02 - Kế hoạch đào tạo các lớp K18, K19, K20 trình độ trung cấp, các lớp K5, K6 trình độ cao đẳng; 2.5.03 - Kế hoạch giáo viên năm học 2022 - 2023; 2.6.01 - Sổ lên lớp các lớp các môn học các nghề năm học 2022 - 2023; 2.6.02 - Sổ tay giáo viên của các lớp các nghề năm học 2022 - 2023; 2.6.03 - Giáo án các môn học các nghề năm học 2022 - 2023; 2.6.04 - Biên bản hậu kiểm tra hồ sơ đào tạo ngày 19/10/2023; Biên bản về việc kiểm tra chuyên môn năm học 2022-2023 ngày 07/8/2023; 2.6.05 - Thông báo số 188/TB-CĐBK ngày 02/10/2023 kết luận kiểm tra chuyên môn năm học 2022-2023)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hoạt động đào tạo của nhà trường luôn thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình từng ngành nghề đào tạo đã được phê duyệt. Để đảm bảo các hoạt động đào tạo được thực hiện đúng theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, từng giáo viên phải lập kế hoạch giảng dạy cho từng mô đun/môn học. Riêng các mô đun thực hành, thực tập được các Khoa lập kế hoạch cụ thể và có đề cương thực tập cho từng lớp, từng đợt. Trong quá trình đào tạo, nhà trường đã có sự liên kết chặt chẽ với các nhà trường, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua việc cử HSSV đi thực tế, thực tập tại các trường Mầm non đối với sinh viên Khoa Sư phạm và tại các công ty, doanh nghiệp đối với học sinh, sinh viên học nghề nhằm tạo điều kiện cho HSSV được cọ xát với thực tế. Sau các đợt thực tập, HSSV

được các nhà trường, doanh nghiệp nhận xét, đánh giá về kỹ năng nghề, thái độ làm việc, ý thức tổ chức kỉ luật và có kết quả cụ thể. (2.7.01. *Hợp đồng/biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động, trong đó thể hiện việc phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập; 2.7.02. Kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập; 2.7.03. Quyết định cho người học đi thực hành, thực tập; 2.7.04. Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; 2.7.05. Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 2.7.06. Danh sách người học đã được thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 2.7.07. Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị hướng dẫn)*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong quá trình giảng dạy ngoài những giờ học lý thuyết trên lớp học sinh, sinh viên được bố trí học thực hành tại các phòng thực hành của khoa, các mô hình trong xưởng phòng học tích hợp, các mô hình chăn nuôi, bệnh xá thú y, nhà màng. Giáo viên lên lớp luôn vận dụng hình thức và phương pháp dạy học tích cực, khuyến khích phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của học sinh, tổ chức thực hành theo nhóm. Trong năm học các tổ môn thực hiện nghiêm túc dự giờ, đánh giá giờ giảng của giáo viên và tổ chức kiểm tra các hoạt động lên lớp của giáo viên. Các Khoa lên kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của học sinh, sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên, phần lớn kết quả thu được là những phản hồi tích cực. (2.6.01. *Sổ lên lớp; 2.6.02. Sổ tay giáo viên; 2.6.03. Giáo án; 2.8.01. Biên bản dự giờ của giáo viên, giảng viên; 2.8.02. Biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy; 2.8.03. Bộ minh chứng về khảo sát phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp với rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn (Bao gồm: Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát người học, nhà giáo))*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học như trang bị một số phần mềm mô phỏng, xây dựng bài giảng điện tử để bài giảng sinh động, dễ hiểu đối với người học (2.9.01. *Phần mềm mô phỏng thực hành TPE-AUTOLAP trên xe i10; Phần mềm chẩn đoán lỗi xe ô tô CARMANSCAN-VG ; G CAN II; Phần mềm lập trình, mô phỏng dạy học: PLCSIM, STEP7V5.6, STRP7 Miero WIN*). Để việc quản lý điểm đầy đủ và chính xác, Nhà trường trang bị phần mềm quản lý đào tạo, qua đó, giáo viên, HSSV đều có tài khoản để truy cập và tra cứu được các thông tin về chương trình đào tạo, kết quả thi, kiểm tra. (2.9.02. *Phần mềm quản lý điểm EDUMAN đào tạo theo niên chế và EDUMANUNI đào tạo theo tín chỉ*). Nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã tổ chức khảo sát ý kiến người học, nhà giáo về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập, qua đó đã kịp thời điều chỉnh phương pháp tổ chức đào tạo (2.9.03. *Bộ minh chứng về khảo sát ý kiến người học, nhà giáo về việc ứng dụng thông tin trong dạy và học.*)

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 2: 1 điểm***

***Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.***

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Năm học 2022 – 2023, Nhà trường tổ chức tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học. Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo phối hợp với phòng Thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng thực hiện công tác này, Phòng Đào tạo đã xây dựng kế hoạch kiểm tra từ đầu năm 2023 (2.10.01 - *Kế hoạch số 22/KH-CĐBK ngày 14/02/2023 kiểm tra công tác chuyên môn năm học 2022-2023*). Hình thức kiểm tra theo lịch phân công theo tuần và kiểm tra theo hình thức đột xuất; sau mỗi buổi kiểm tra thì cán bộ được giao phụ trách kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học đều có biên bản kiểm tra. Đến cuối năm học Phòng Đào tạo đã tổng hợp kết quả công tác kiểm tra, thanh tra giám sát hoạt động dạy và học bằng báo cáo số liệu cụ thể, đánh giá những ưu điểm, nhược điểm và rút kinh nghiệm để năm học mới thực hiện công tác này tốt hơn nữa (2.10.02 - *Biên bản hậu kiểm tra hồ sơ đào tạo ngày 19/10/2023; Biên bản về việc kiểm tra chuyên môn năm học 2022-2023 ngày 07/8/2023; 2.10.03 - Thông báo số 188/TB-CĐBK ngày 02/10/2023 kết luận kiểm tra chuyên môn năm học 2022-2023*).

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 2: 1 điểm***

***Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.***

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2022 – 2023, Phòng Đào tạo đã xây dựng kế hoạch về việc cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2022 – 2023. Kế hoạch đã đề ra nhiều biện pháp cần thiết để thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo của năm học mới 2022 - 2023 như: Xây dựng kế hoạch cá nhân theo vị trí việc làm, phối hợp kiểm tra thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra hồ sơ đào tạo, phối hợp tổ chức cho nhà giáo tham gia các cuộc thi (thiết bị đào tạo tự làm, giáo viên dạy giỏi các cấp,...), hội thảo xây dựng quy chế hoạt động đào tạo, các giáo viên tham gia tập huấn nâng cao chất lượng giảng dạy, xây dựng chương trình, giáo trình phù hợp với nhu cầu xã hội, khảo sát lấy ý kiến HSSV sau khóa học, tham gia các khóa bồi dưỡng chuẩn kỹ năng. Trong quá trình đào tạo các lớp Phòng Đào tạo xây dựng Tiến độ đào tạo theo khóa học ngay từ kỳ đầu của khóa học và trong quá trình đào tạo để công tác đào tạo đạt kết quả tốt, Phòng Đào tạo đã điều chỉnh tiến độ đào tạo của các lớp cho phù hợp (2.10.03 - Thông báo số 188/TB-CĐBK ngày 02/10/2023 kết luận kiểm tra chuyên môn năm học 2022-2023; 2.11.01 - Các đề xuất điều chỉnh tiến độ đào tạo lớp CĐ-ĐCN/K5 và TC-NHKS/K19).

Kết quả của việc điều chỉnh tiến độ đào tạo, kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo của Phòng Đào tạo được thể hiện trong báo cáo kết quả công tác năm học 2022-2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024 (2.11.02 - Báo cáo số 198/BC-CĐBK ngày 02/10/2023 tổng kết công tác năm học 2022-2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Sau khi sáp nhập 02 nhà trường-Trường Cao đẳng Nghề DTNT và Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn thành trường Cao đẳng Bắc Kạn (tháng 04/2020), Nhà trường đã giao cho các đơn vị chức năng tham mưu, xây dựng các quy chế theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn phù hợp với điều kiện, tình hình mới. Nhà trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng, chứng chỉ căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của các Bộ chủ quản (Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ LĐTBXH quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 về việc ban hành Quy

chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Thông tư 24/2019/TT- BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; Thông tư 42/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư 43/2015/TT - BLĐT BXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động TB & XH Quy định về đào tạo thường xuyên; Thông tư 34/2018/TT - BLĐT BXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động TB & XH Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư 42/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20 tháng 10 năm 2015; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20 tháng 10 năm 2015, Thông tư số 07/2017/TT-BLĐT BXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 08/2017/TT-BLĐT BXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 31/2017/TT-BLĐT BXH ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học).

*(2.12.01. Quyết định số 629/QĐ-CĐBK ngày 10/12/2020 v/v ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp; 2.12.02. Quyết định số 124/QĐ-CĐBK ngày 08/6/2020 ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV hệ chính quy trong Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 2.12.03. Quyết định số 337/QĐ-CĐBK ngày 10/8/2020 ban hành Quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ trong Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 1.11.05. Quyết định số 528/QĐ-CĐBK ngày 5/10/2022 ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ)*

Ngoài ra, để các hoạt động đào tạo được thực hiện đúng quy trình, quy định, từ năm 2022, Nhà trường còn triển khai xây dựng, ban hành và vận hành các quy trình đảm bảo chất lượng, trong đó có các quy trình sau: Quy trình thi, kiểm tra kết thúc môn học/ học phần/mô đun lý thuyết; Quy trình thi kết thúc mô đun đặc thù; Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp theo hình thức đào tạo tích lũy tín chỉ/mô đun; Quy trình cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người học.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.13:** Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành (nếu có).

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong quá trình đào tạo các ngành học, Nhà trường thường xuyên liên kết với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để làm địa điểm thực tập cho các em học sinh sinh viên, đồng thời đó cũng là dịp để các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp góp phần đánh giá quá trình học tập của các em. (2.1.02 - *Danh sách các ngành nghề trường tổ chức đào tạo năm học 2022-2023* ngày 24/11/2023; 2.13.01 - *Danh sách các đơn vị sử dụng lao động tham gia, đánh giá kết quả học tập của người học năm học 2022 - 2023*; 2.13.02 - *Báo cáo kết quả thực tập tại doanh nghiệp của khoa Cơ điện tại Công ty Wistron Việt Nam tại tỉnh Hà Nam tháng 7 năm 2023*; *Danh sách Tổng hợp kết quả thực tập tại cơ sở sản xuất học sinh Lớp TC-CNOTO 02/K19* ngày 15/7/2023).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Việc đánh giá kết quả học tập tại Trường đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù mô đun, môn học. Quy trình tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp, xét điểm rèn luyện được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, khách quan theo Quy chế (2.12.01. *Quyết định số 629/QĐ-CĐBK* ngày 10/12/2020 v/v ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp; 2.12.02. *Quyết định số 124/QĐ-CĐBK* ngày 08/6/2020 ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV hệ chính quy trong Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 1.11.05. *Quyết định số 528/QĐ-CĐBK* ngày 5/10/2022 ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; 2.14.01. *Kế hoạch thi, kiểm tra: Kế hoạch số 16/KH-CĐBK* ngày 10/2/2023; *Kế hoạch số 136/KH-CĐBK* ngày 11/7/2023; *Kế hoạch số 167/KH-CĐBK* ngày 28/8/2023; 2.14.02. *Biên bản xét tốt nghiệp* (ngày 24/3/2023; ngày 14/7/2023; ngày 18/9/2023); 2.14.03; *Báo cáo kết quả thanh tra, giám sát và xét công nhận tốt nghiệp* (ngày 24/3/2023, ngày 14/7/2023, ngày 18/9/2023); 2.14.04. *Thông báo số 191/TB-CĐBK* ngày 2/10/2023 thông báo kết quả học tập đối với học sinh sinh viên và cảnh báo học sinh, sinh viên học tập yếu kém hoặc nợ môn (năm học 2022-2023).

Dựa vào kết quả thi tốt nghiệp, Nhà trường họp hội đồng xét tốt nghiệp và ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học. Từ đó là cơ sở để phòng Công tác học sinh sinh viên in ấn và cấp phát bằng cho người học theo đúng quy định (2.12.03. *Quyết định số 337* ngày 10/8/2020 ban hành Quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ trong Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 2.14.05. *Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm danh sách: Quyết định số 119/QĐ-CĐBK* ngày 12/4/2023, *Quyết*

*định số 327/QĐ-CĐBK ngày 17/7/2023, Quyết định số 470/QĐ-CĐBK ngày 22/9/2023; 2.14.06. Sổ quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ; 2.14.07. Báo cáo số 16/BC-CTHSSV ngày 16/10/2023 báo cáo công tác quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ năm 2023.)*

Trong năm 2023, Nhà trường không xảy ra trường hợp khiếu kiện nào về công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng trong hoạt động đào tạo, hàng năm, Phòng Thanh tra Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với các đơn vị thực hiện công tác rà soát, lấy ý kiến đóng góp về các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với quy định hiện hành và thực tiễn hoạt động của Trường. Trong thời gian tới, trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, phòng chức năng sẽ tổng hợp báo cáo kết quả rà soát các quy định, quy chế này. (2.12.01. Quyết định số 629/QĐ-CĐBK ngày 10/12/2020 v/v ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp; 2.12.02. Quyết định số 124/QĐ-CĐBK ngày 08/6/2020 ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV hệ chính quy trong Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 2.12.03. Quyết định số 337 ngày 10/8/2020 ban hành Quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ trong Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 1.11.05. Quyết định số 528/QĐ-CĐBK ngày 5/10/2022 ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; 2.15.01. Thông báo số 213/TB-CĐBK ngày 26/10/2023 V/v thực hiện kiểm tra, rà soát các văn bản được ban hành của Nhà trường)

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Việc tổ chức đào tạo liên thông của Nhà trường được thực hiện theo Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐ ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp lên cao đẳng đối với những ngành nghề dự kiến đăng ký đào tạo liên

thông và ban hành chương trình đào tạo liên thông đối với các ngành nghề đào tạo liên thông (2.16.01 - Quy định số 444/QĐ-CĐBK ngày 16/9/2021 Quy định về tuyển sinh và đào tạo Liên thông giữa các trình độ; 2.16.02 - Giấy chứng nhận số 04/2022/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 13/01/2022 đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.16.03 - Quyết định số 358/QĐ-CĐBK ngày 29/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng; Cao đẳng liên thông; Trung cấp; Quyết định số 360/QĐ-CĐBK ngày 29/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng; Cao đẳng liên thông; Trung cấp Quyết định số 359/QĐ-CĐBK ngày 29/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí trình độ Cao đẳng; Cao đẳng liên thông; Trung cấp).

Sau khi có chương trình đào tạo liên thông đối với các ngành nghề, Phòng Đào tạo tiến hành thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông (2.16.04 - Thông báo số 09/TB-CĐBK ngày 14/01/2022 thông báo tuyển sinh). Tuy nhiên, trong năm học 2022-2023, Nhà trường không tuyển sinh được lớp đào tạo liên thông nào do nhu cầu của người học. Năm học 2023-2024, bộ phận Tuyển sinh sẽ có những phương án tuyển sinh sát sao hơn tới các xã, huyện trên địa bàn tỉnh để có thể thu hút được người học đến với Trường Cao đẳng Bắc Kạn. Nhiệm vụ này phần nào được thể hiện trong Báo cáo Tổng kết năm học 2022-2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024 (2.11.02 - Báo cáo số 198/BC-CĐBK ngày 02/10/2023 tổng kết công tác năm học 2022-2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024)

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16 tiêu chí 2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Việc quản lý các hoạt động đào tạo của Trường từng bước được tin học hóa nhằm hạn chế sai sót, cập nhật nhanh, dễ quản lý và tra cứu. Đối với phần mềm quản lý đào tạo, ngay từ ngày đầu xây dựng phần mềm trường đã tiến hành phân quyền một cách chặt chẽ, bảo mật và an toàn cho các đơn vị (2.17.01 - Quy định số 593/QĐ-CĐBK ngày 30/11/2020 quy định về việc công tác quản lý hệ thống phần mềm quản lý đào tạo). Phòng Đào tạo có hệ thống danh mục các hồ sơ tài liệu được lưu trữ để làm cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đào tạo của nhà trường trong các năm học (2.17.02 - Quyết định số 87/QĐ-CĐBK ngày 17/3/2023 về việc ban hành Danh mục hồ sơ của Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023).

Phòng Đào tạo và các Khoa đang khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo tin chỉ (1.1.04 - Báo cáo số 212/BC-CĐBK ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả



thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023, 1.5.01 - Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của các đơn vị).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17 tiêu chí 2: 1 điểm**

**3.2.3. TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:**

**Mở đầu:** Trường Cao đẳng Bắc Kạn đào tạo đa ngành nghề nên đòi hỏi số lượng lớn cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Nhà trường đã xây dựng quy định trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Nhờ đó, Trường có đội ngũ cán bộ, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường được bổ nhiệm công khai, minh bạch và dân chủ đảm bảo đúng tiêu chuẩn, quy định của pháp luật. Đặc biệt, nhà trường luôn chú trọng đến việc đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giáo viên, nhân viên chủ yếu có trình độ đại học phù hợp với ngành, nghề, có nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy của trường và đảm bảo nhà giáo dạy được cả lý thuyết và thực hành. Trường đã xây dựng môi trường làm việc dân chủ, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người học tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, đúng quy định.

Tuy nhiên, cơ cấu đội ngũ giảng viên ở một số bộ môn còn chưa phù hợp với yêu cầu phát triển chung của Nhà trường; số cán bộ có uy tín cao về chuyên môn chưa nhiều; số giảng viên sử dụng thành thạo ngoại ngữ còn ít; một số giáo viên và nhân viên còn hạn chế về nghiệp vụ.

Tính đến tháng 12 năm 2023, Trường có 120 viên chức và người lao động. Trong đó, viên chức là 98 người, hợp đồng lao động 68 là 06 người, hợp đồng lao động khác là 16 người. Hầu hết viên chức và người lao động đều đạt tiêu chuẩn trình độ, nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, ngạch viên chức theo quy định.

***\*Những điểm mạnh:***

- Các văn bản của Trường được ban hành theo đúng thẩm quyền, nội dung, thể thức văn bản, tương đối kịp thời và phù hợp với quy định của Điều lệ Trường Cao đẳng. Hầu hết các đơn vị và các cá nhân liên quan đều thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả nội dung các văn bản này.

- Nhà trường đã có quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, minh bạch đã thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ hiệu quả.

- Trường có đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, làm việc hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao nhờ thực hiện tốt việc quy hoạch cán bộ quản lý, bố trí bổ nhiệm cán bộ tuân theo quy định và quy trình.

- Nhà trường đã có chính sách và biện pháp cụ thể về thời gian, kinh phí để hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

- 100% đội ngũ giáo viên, giảng viên của Trường đảm bảo trình độ đạt chuẩn của nhà giáo theo quy định; Giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo; đội ngũ giảng viên đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định.

- Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được phân định rõ ràng, theo đúng quy định. Do đó, các hoạt động của Nhà trường đi vào nề nếp, minh bạch, phát huy được sức mạnh tổng hợp cũng như sự sáng tạo của từng cá nhân và tập thể.

**\* Những tồn tại:**

- Một số cán bộ quản lý làm việc thụ động, thiếu tính sáng tạo.

- Việc trao đổi học thuật trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với nước ngoài chưa được mở rộng do nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ.

- Số cán bộ quản lý và giảng viên có đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài còn ít.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Năm học 2023-2024, các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ của mình tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống văn bản cho phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ và tính hệ thống. Quán triệt thực hiện và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản.

- Năm 2024, tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, quốc phòng - an ninh, quản lý hành chính; tiếng anh, tin học, tạo điều kiện cho các cán bộ quản lý, cán bộ quy hoạch tham gia các khóa bồi dưỡng chính trị trung cấp, cao cấp; có cơ chế tăng cường quyền tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm cho cán bộ quản lý của các đơn vị; triển khai đồng bộ công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý để kịp thời khắc phục những điểm yếu trong công tác quản lý cũng như nhân rộng các điển hình tiên tiến. Đồng thời, tiếp tục tổ chức

cho cán bộ, giáo viên, người lao động học tập, nâng cao trình độ, chuyên môn Tiếng anh, tin học nhằm đáp ứng các yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và kiện toàn cơ cấu tổ chức phù hợp với yêu cầu phát triển của trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Khuyến khích cán bộ, giáo viên thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao tỉ lệ giáo viên giỏi ngoại ngữ, có trình độ thạc sỹ và năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học cao.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 3**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 3</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

**Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Điều lệ trường Cao đẳng, Nhà trường đã có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đảm bảo đúng quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Hiện nay, việc tuyển dụng viên chức của nhà trường do UBND tỉnh, Sở Nội vụ căn cứ nhu cầu, đề xuất của nhà trường giao chỉ tiêu biên chế hàng năm (3.1.01- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Kế hoạch 49

*/KH-CĐBK ngày 13 tháng 8 năm 2020 Tổ chức tuyển dụng đặc cách giáo viên đã có hợp đồng và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ năm 2015 trở về trước; Quyết định số 595/QĐ-CĐBK ngày 30 tháng 11 năm 2020 Ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động; Công văn số 5719 /UBND-NCPC ngày 25 tháng 9 năm 2020 thực hiện Nghị định số 90/2000/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của chính phủ; Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức).*

Để thực hiện tốt công tác quản lý và nâng cao chất lượng giảng dạy đối với giảng viên, nhân viên và cán bộ quản lý, hàng năm nhà trường xây dựng Kế hoạch Tổ chức đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động [3.1.02 – Thông báo số 192/TB-CĐBK ngày 02 tháng 10 năm 2023 kết quả đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của Nhà giáo năm học 2022 – 2023] tạo sự chủ động trong công tác cán bộ, khắc phục tình trạng hẫng hụt trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảm bảo tính kế thừa, phát triển và sự chuyên tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ, đồng thời chuẩn bị từ xa và tạo nguồn cán bộ dồi dào làm căn cứ để đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ đảm nhận chức danh lãnh đạo, quản lý có phẩm chất chính trị, trong sáng về đạo đức, thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, có trình độ, năng lực và kinh nghiệm thực tiễn, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu.

Nhà trường luôn xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Do vậy, việc đánh giá, xếp loại của cán bộ, giáo viên của trường để đảm bảo việc lãnh đạo của Cấp ủy và sự thống nhất quản lý của Ban Giám hiệu Nhà trường; đảm bảo việc sử dụng nguồn kinh phí gắn liền với hiệu quả công tác, phát huy tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong tuyển dụng nhân lực làm việc tại đơn vị, đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, khách quan, tuyển chọn đúng người, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm. Nhà trường đã ban hành “Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, qui trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của nhà trường” và áp dụng theo các văn bản quy định. [3.1.03 - Quyết định số 33/QĐ-CĐBK ngày 18/01/2021 về việc ban hành Quy định về bổ nhiệm, điều động đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn; - Quyết định số 620/QĐ-CĐBK ngày 16/11/2022 ban hành Quy định về Tiêu chuẩn chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn].

Nhà trường đã xây dựng một số quy trình như quy trình tuyển dụng viên chức; Quy trình quy hoạch viên chức quản lý; Quy trình đào tạo, bồi dưỡng viên chức; Quy trình đánh giá, phân loại viên chức, người lao động; Quy trình đánh

giá, phân loại nhà giáo và đang thực hiện các công tác trên theo quy trình đã ban hành. [*Quyết định số 648/QĐ-CĐBK, ngày 05/12/2022 Về việc ban hành Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Bắc Kạn*]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở Nghị quyết của cấp uỷ nhà trường, Ban Giám hiệu đã thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của trường và đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

Căn cứ vào tình hình thực tế nhà trường và số lượng biên chế được Sở Nội vụ phê duyệt, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch xây dựng chỉ tiêu biên chế trên cơ sở nhu cầu thực tế và thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng cán bộ viên chức và người lao động theo quy định. [3.2.01 - *Kế hoạch số 245 /KH-CĐBK ngày 30 tháng 12 năm 2022 Tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2022; Kế hoạch số 67/KH-CĐBK ngày 27/4/2022 về rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2020 – 2025 và xây dựng kế hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2026 – 2031 Trường Cao đẳng Bắc Kạn quản lý; Quyết định số 269/QĐ-CĐBK, ngày 17/5/2022 Về việc phê duyệt quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, khoa thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn, giai đoạn 2020 – 2025; Quyết định số 264/QĐ-CĐBK, ngày 16/5/2022 Về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, khoa thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn, giai đoạn 2025 – 2030; Tờ trình số 08/TTr-CĐBK ngày 11/5/2022 về việc đề nghị Ban Tổ chức tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý]*

[3.2.04 - *Hồ sơ cán bộ trưởng, phó các phòng, khoa; 3.2.05. Quyết định số 269/QĐ-CĐBK, ngày 17/5/2022 Về việc phê duyệt quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, khoa thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn, giai đoạn 2020 – 2025; Quyết định số 264/QĐ-CĐBK, ngày 16/5/2022 Về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, khoa thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn, giai đoạn 2025 – 2030. – Tờ trình số 08/TTr-*

*CĐBK ngày 11/5/2022 về việc đề nghị Ban Tổ chức tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý]*

Công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý được triển khai: nhiều lớp bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, người lao động bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ được tổ chức, nhằm giúp các cán bộ, giáo viên, người lao động nắm bắt ngay được các quy định về tổ chức, quản lý đào tạo của Trường, cũng như bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn của cá nhân, đáp ứng yêu cầu công việc và sớm phát huy được khả năng làm việc. Nhà trường đã đề ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, trong đó có sự hỗ trợ về chế độ chính sách được thể hiện cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Các cán bộ quản lý được kịp thời bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ chính trị, theo đúng quy định của Bộ Giáo dục-Đào tạo và của Nhà trường [3.2.03. Thông báo số 119/TB-CĐBK, ngày 10/6/2022 về việc tổ chức tập huấn lưu trữ hồ sơ đào tạo điện tử và giảng dạy trực tuyến; Thông báo số 224/-TB/BTCTU, ngày 24/10/2022 triệu tập cán bộ, công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng 3 và ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng; Quyết định số 445/QĐ-CĐBK, ngày 19/8/2022 về việc cử viên chức tham dự lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 458/QĐ-CĐBK, ngày 26/8/2022 về việc cử viên chức đi đào tạo lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên, ngạch chuyên viên chính]

Nhà trường đã ban hành quy chế, kế hoạch và tổ chức đánh giá, phân loại cán bộ, giảng viên, nhân viên và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan đáp ứng yêu cầu thực tế của trường. Đầu năm học các CBGV CNV trong trường đều đăng ký thi đua để phấn đấu thực hiện nhiệm vụ trong năm, kết thúc năm học các đơn vị trong Trường đều tổ chức đánh giá chất lượng công chức, viên chức và người lao động theo 4 mức thi đua: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ qua đó tự kiểm điểm cá nhân, đồng thời được tập thể đóng góp ý kiến để khắc phục kịp thời những khuyết điểm và có khen thưởng kịp thời cho công chức, viên chức và người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Việc đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động được thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan. [3.2.02 – Công văn số 601/CĐBK-TCHC ngày 07/12/2023 V/v kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động], [3.2.06 - Thông báo số 252/TB-CĐBK, ngày 15/12/2022 Kết quả xếp loại viên chức, người lao động năm 2023; QĐ số 566/QĐ-CĐBK ngày 31/10/2023 về việc khen thưởng các giáo viên chủ nhiệm có thành tích xuất sắc trong công tác chủ nhiệm lớp, năm học 2022 - 2023; QĐ số 871/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh về việc tặng bằng

*khen cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện các Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 -2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn]*

Để đảm bảo điều kiện cho giảng viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ, nhà trường rất quan tâm đến các chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức của nhà trường. Việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được thực hiện đúng quy định theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Ngay từ đầu năm, nhà trường đã thực hiện kiểm tra, rà soát và ra thông báo danh sách nâng bậc lương để các cá nhân trong đơn vị được biết [3.2.07. *Quyết định số 113/QĐ-CĐBK ngày 12/4/2023 v/v thực hiện phụ cấp ưu đãi nhà giáo năm học 2022-2023 (kèm danh sách); 1.1.04 – Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC- CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024]. Trong năm 2023, Nhà trường đã thực hiện xét nâng bậc lương thường xuyên cho 16 viên chức, xét hưởng chế độ thâm niên cho 46 nhà giáo, thực hiện phụ cấp ưu đãi nhà giáo cho 76 trường hợp, thực hiện điều chỉnh lương cho 06 hợp đồng lao động Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ theo mức lương tối thiểu vùng, đảm bảo các chế độ về bảo hiểm xã hội, nghỉ phép, nghỉ lễ, tết theo quy định.*

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện nay nhà trường có 76 giảng viên, trong đó trình độ thạc sỹ: 44, Đại học: 25; Trình độ khác: 07 (Thợ bậc 5/7, Lái xe): [3.3.01 – *Danh sách trích ngang giáo viên, giảng viên của Trường*]. - Tất cả đội ngũ giáo viên đang giảng dạy ở các ngành nghề - bộ môn của Trường đều đảm bảo trình độ chuyên môn phù hợp với ngành nghề đào tạo, trình độ sư phạm đạt chuẩn theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH [3.3.02 – *Hồ sơ quản lý cán bộ giáo viên*]. – Phòng Tổ chức – Hành chính là đơn vị quản lý, lưu trữ Hồ sơ viên chức. Các văn bằng, chứng chỉ về trình độ đào tạo, nghiệp vụ của giáo viên theo quy định được lưu trữ trong Hồ sơ quản lý giáo viên trường [1.1.04 – *Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC- CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024*].

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng các quy định của nhà trường tại Quy chế tổ chức và hoạt động [1.1.02 - Quyết định số 48/QĐ-CĐBK ngày 27/3/2020; Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023: Về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn]; [1.3.07- Quyết định số 204/QĐ-CĐBK ngày 29/6/2020 về việc ban hành Quy chế làm việc của trường Cao đẳng Bắc Kạn];[3.4.01 - Danh sách cán bộ quản lý, viên chức, Người lao động thời điểm tháng 9 năm 2023]; [3.4.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động];

Cuối năm, Nhà trường thực hiện đánh giá, phân loại và nhận xét, đánh giá của nhân viên đối với Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, viên chức, người lao động. Trong năm không có nhà giáo, cán bộ viên chức và người lao động vi phạm nội quy, quy định của trường [3.4.03-Thông báo số 89/TB-UBND, 105/TB-UBND, 106/TB-UBND ngày 07/3/2022 Kết quả xếp loại viên chức lãnh đạo quản lý; Thông báo số 252/TB-CĐBK, ngày 15/12/2022 Kết quả xếp loại viên chức, người lao động năm 2023]; [1.1.04 – Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC- CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024];[1.6.05 - QĐ số 742/QĐ-CĐBK ngày 29/12/2022 về việc tặng thưởng danh hiệu “tập thể lao động tiên tiến” năm 2022. QĐ số 743/QĐ-CĐBK, ngày 29/12/2022 Quyết định về việc khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Toàn trường tích cực tham gia công tác tuyển sinh và công tác Tự đánh giá năm 2022"; QĐ số 12/QĐ-CĐBK, ngày 04/01/2023 về việc tặng thưởng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" năm 2022; QĐ số 280/QĐ-CĐBK ngày 26/5/2022 về việc khen thưởng đột xuất cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong đợt huấn luyện dân quân tự vệ năm 2022; QĐ số 374/QĐ-CĐBK về việc khen thưởng đột xuất cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2022; Quyết định số 551/QĐ-CĐBK ngày 14/10/2022 về việc khen thưởng đột xuất tập thể và các cá nhân có thành tích trong tổ chức Ngày hội Kỹ năng lao động Việt Nam và Khai giảng năm học 2022 - 2023; QĐ số 566/QĐ-CĐBK ngày 31/10/2023 về việc khen thưởng các giáo viên chủ nhiệm có thành tích xuất sắc trong công tác chủ nhiệm lớp, năm học 2022 -



2023; QĐ số 871/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh về việc tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện các Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 -2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn]

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường triển khai công tác quản lý Nhà giáo theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo đủ số lượng, trình độ sau đại học, tỷ lệ người học quy đổi tỷ lệ nhà giáo đều đạt yêu cầu, số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định (3.5.01 - Danh sách giảng viên giảng dạy các nghề năm học 2023-2024 ngày 10/10/2023; 3.5.02 - Kế hoạch phân công giảng dạy toàn khóa, 2.4.01 - Kế hoạch đào tạo các lớp K18, K19, K20 trình độ trung cấp, các lớp K5, K6 trình độ cao đẳng; 3.5.03 - Danh sách học sinh sinh viên các lớp trung cấp K19, K20, CĐ Điện CN/K5, CĐĐCN/K6; 3.5.07- Bảng thống kê tỉ lệ học sinh quy đổi người học/nhà giáo).

Căn cứ vào quy định về chế độ làm việc của Nhà giáo, Kế hoạch đào tạo hàng năm, Nhà trường ban hành quyết định về định mức giờ giảng cho Nhà giáo trên năm học đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp (1.3.06 - Quyết định số 49/QĐ-CĐBK ngày 13/02/2023 ban hành Quy định về chế độ làm việc của Nhà giáo Trường Cao đẳng Bắc Kạn (sửa đổi, bổ sung); 2.4.01 Kế hoạch đào tạo các lớp K18, K19, K20 trình độ trung cấp, các lớp K5, K6 trình độ cao đẳng; 3.5.04 - Quyết định số 642/QĐ-CĐBK ngày 29/11/2022 về việc giao định mức giờ giảng cho nhà giáo, năm học 2022-2023; 3.5.05 - Quyết định số 747/QĐ-CĐBK ngày 30/12/2022 về việc chi trả vượt giờ năm học 2021-2022; 3.5.06 - Bảng kê thanh toán tiền vượt giờ năm học 2021-2022).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ vào chương trình đào tạo của các ngành, nghề định kỳ đầu năm học, phòng Đào tạo phối hợp với các khoa xây dựng kế hoạch đào tạo với mục tiêu và

nội dung cụ thể cho từng học kỳ, năm học và đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Việc tổ chức đào tạo được các khoa triển khai theo đúng nội dung, mục tiêu và đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. Phòng Đào tạo, các khoa, tổ chuyên môn của Trường thường xuyên và định kỳ kiểm tra, giám sát việc tổ chức đào tạo của giáo viên và của Khoa, đảm bảo các yêu cầu của chương trình đào tạo được thực hiện đầy đủ (2.1.01- *Quyết định số 290/QĐ-CĐBK ngày 06/7/2021* V/v ban hành chuẩn đầu ra các ngành nghề đào tạo trình độ Trung cấp, cao đẳng;

3.5.01- *Danh sách nhà giáo phân công giảng dạy MH/MĐ trường CĐBK;*  
 2.4.01- *Kế hoạch đào tạo các lớp trung cấp Chăn nuôi - thú y, Điện Công nghiệp, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ ô tô, ....;* 2.6.01 -*Sổ lên lớp các lớp các môn học các nghề năm học 2022 - 2023;*  
 2.6.02- *Sổ tay giáo viên các môn học các nghề năm học 2022 - 2023;* 2.6.03 -*Giáo án các môn học các nghề năm học 2022 - 2023;* 2.8.01 -*Biên bản dự giờ các tổ môn các khoa năm học 2022 - 2023;* 2.8.02 - *Biên bản kiểm tra quy chế lên lớp của giáo viên năm học 2022-2023;* *Thông báo số 188/TB-CĐBK ngày 02/10/2023 thông báo kết luận kiểm tra chuyên môn năm học 2022 – 2023)*

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường có chính sách khuyến khích để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Hàng năm, mỗi giáo viên của Trường tự đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của mình. Trường thường thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo như: Cấp kinh phí cho giáo viên được đi học tập, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ; cấp kinh phí cho giáo viên đi học tập, tham quan tại Doanh nghiệp và được giảm giờ giảng; cấp kinh phí và khen thưởng cho giáo viên nghiên cứu chế tạo các thiết bị dạy học phục vụ đào tạo; Hỗ trợ kinh phí cho giáo viên tự học tập, nâng cao trình độ đạt chuẩn theo quy định [3.7.01 - *Thông báo số 190/TB-CĐBK ngày 08/10/2022 về việc phân công chuyên môn và đăng ký các nội dung tự học, tự bồi dưỡng năm học 2022 - 2023;* - *Quyết định số 636/QĐ-CĐBK ngày 24/11/2022 về việc phê duyệt nội dung tự học, tự bồi dưỡng Nhà giáo năm học 2022 – 2023*]. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giảng viên, cán bộ và nhân viên [3.7.02 - *Quyết định số 636 /QĐ-CĐBK ngày 24 tháng 11 năm 2022 Về việc phê duyệt Kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng nhà giáo năm học 2022 - 2023;* – *Báo cáo số 259/BC-CĐBK ngày 07/12/2023 Kết quả đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo năm học 2022-2023 ;* [3.7.03 - *Công văn số 174/CĐBK-TCHC ngày 04/5/2023 V/v triển khai đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng xây dựng*

*đội ngũ CBCCVN trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp; Công văn số 316/CĐBK-ĐT ngày 25/7/2023 V/v đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức về tư vấn đào tạo nghề; -Thông báo số 193/TB-CĐBK ngày 12/10/2022 về việc đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2023]*

Nhà trường đã có chủ trương, kế hoạch, giải pháp cụ thể, rõ ràng về tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên; tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên, đặc biệt là GV trẻ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài [1.3.03. Quyết định số 105/QĐ-CĐBK, ngày 31/3/2023: Về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023; Quyết định số 222/QĐ-CĐBK ngày 28/5/2021 về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Quyết định số 11/QĐ-CĐBK, ngày 08/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công tác thi đua khen thưởng năm 2022 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 3.7.04 – Phụ lục kèm theo Báo cáo số 171/BC-CĐBK, ngày 27/10/2022 Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn nhà nước chi cho quản lý hành chính, sự nghiệp, đầu tư xây dựng giai đoạn 2017 - 2022]

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thực hiện theo quy định về đào tạo, bồi dưỡng, hàng năm nhà trường triển khai hoạt động đăng ký kế hoạch học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đến các nhà giáo. Đội ngũ nhà giáo của Trường đều tích cực trong việc học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy như: Tham quan, học tập kinh nghiệm tại các doanh nghiệp, trường bạn; Tham gia tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề tại doanh nghiệp và tại các cơ sở đào tạo khác; Tham gia học tập các khóa đổi mới phương pháp giảng dạy; Tham gia nghiên cứu và thiết kế các thiết bị dạy học tự làm

Nhà trường thường xuyên tổ chức cho cán bộ, giáo viên nhà trường đi thâm nhập thực tế để nâng cao kiến thức thực tế cho đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy tại các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo ngoài tỉnh [3.7.01 - Thông báo số 190/TB-CĐBK ngày 08/10/2022 về việc phân công chuyên môn và đăng ký các nội dung tự học, tự bồi dưỡng năm học 2022 - 2023; - Quyết định số 636/QĐ-CĐBK ngày 24/11/2022 về việc phê duyệt nội dung tự học, tự bồi dưỡng Nhà giáo năm học 2022 – 2023]; [ 3.8.01- Quyết định số 214/QĐ-CĐBK ngày 30/5/2023 về việc cử viên chức đi học nâng cao trình độ; Thông báo số

109/TB-CĐBK, ngày 15/06/2023 V/v tập huấn chuyển giao phần mềm quản trị GDNN] [3.8.02 - Báo cáo số 259/BC-CĐBK, ngày 07/12/2023 Kết quả tự học, tự bồi dưỡng của nhà giáo năm học 2022 – 2023]

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch cử giáo viên đi bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và cùng với các đợt hướng dẫn thực tập cho học sinh sinh viên cũng là dịp để GV tham quan thực tế, tiếp cận công nghệ mới, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Tuy vậy, trong thời gian qua, số giáo viên được đi thực tế tại các doanh nghiệp chưa đầy đủ theo quy định. Trong năm 2023, giảng viên các bộ môn tại Khoa Nông lâm của Nhà trường chưa thực hiện công tác bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động. (3.5.03. Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học; 3.9.01. Danh sách giáo viên cơ hữu được bồi dưỡng, học tập tại đơn vị sử dụng lao động (tên đơn vị sử dụng lao động...); 3.9.02. Quyết định số 236/QĐ-CĐBK ngày 06/06/2023 V/v cử nhà giáo đi học tập doanh nghiệp năm học 2022-2023; Quyết định số: 165/QĐ – CĐBK ngày 04/5/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v cử học sinh đi thực tập tốt nghiệp đối với các lớp trung cấp K18, khóa học 2021-2023 (TC-CNKTK/K18, TC-ĐCN/K18, TC-ĐDD01/K18, TC-ĐDD 02/K18) và nhà giáo học tập tại doanh nghiệp (năm học 2022-2023); 3.9.03. Báo cáo kết quả bồi dưỡng thực tập của nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 3: 0 điểm**

**Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường đã có nghị quyết, chủ trương, kế hoạch và giải pháp xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên, trong đó đặc biệt quan tâm đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên trẻ thông qua công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ngoài

nước. Năm học 2022 - 2023, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo lồng ghép vào báo cáo tổng kết năm học và kế hoạch nhiệm vụ năm học mới [3.10.1 - Báo cáo số 259/BC-CĐBK, ngày 07/12/2023 Kết quả tự học, tự bồi dưỡng của nhà giáo năm học 2022 – 2023; Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC-CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024].

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Ban Giám hiệu Nhà trường gồm có 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng:

- Hiệu trưởng Bé Ngọc Tuấn, sinh năm 1979, Thạc sĩ Quản lý Giáo dục, Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, Anh B1, trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, phụ trách khoa Cơ giới đường bộ, khoa Nông lâm, Khoa Cơ điện, Phòng thanh tra khảo thí và đảm bảo chất lượng

- Phó Hiệu trưởng Chu Thị Thủy, sinh năm 1971, trình độ Thạc sĩ, phụ trách Công tác tổ chức đào tạo nhóm ngành Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên; ngành Kế toán, Du lịch, Nhà hàng khách sạn, Chế biến món ăn và Công nghệ thông tin.

#### ***(3.11.01 - Danh sách lý lịch trích ngang của hiệu trưởng, hiệu phó)***

Căn cứ theo các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Luật giáo dục nghề nghiệp 2014, Thông tư 15/2021/TT-BLĐTĐ ngày 21/10/2021 Quy định về Điều lệ trường Cao đẳng, Thông tư 47/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2016 Quy định về Điều lệ trường Trung cấp, Quy chế bổ nhiệm, công nhận, bổ nhiệm lại, công nhận lại, miễn nhiệm, thôi công nhận từ chức hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Quy định số 1876-QĐ/TU ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về việc Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nhìn chung, Ban Giám hiệu đảm bảo các yêu cầu về trình độ đào tạo, có thâm niên công tác và độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường Cao đẳng; Ban Giám hiệu có phẩm chất, đạo đức tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ về quy mô đào tạo cũng như cơ sở vật chất của trường trong những năm gần đây. (3.11.03 - Thông báo số 891/TB-UBND, 27/TB-UBND, 28/TB-UBND, 64/TB-UBND ngày 26/01/2023 Kết quả xếp loại viên chức lãnh đạo quản lý năm 2023)

(1.6.05 - QĐ số 20/QĐ-CĐBK ngày 17/01/2022 về việc tặng thưởng danh hiệu “tập thể lao động tiên tiến” năm 2021. – QĐ số 21/QĐ-CĐBK ngày 17/01/2022

về việc khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua năm 2021; - QĐ số 25/QĐ-CĐBK ngày 16/01/2022 về việc tặng thưởng các danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2021; - QĐ số 26/QĐ-CĐBK ngày 16/01/2022 về việc tặng thưởng các danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” năm 2021; - QĐ số 280/QĐ-CĐBK ngày 26/5/2022 về việc khen thưởng đột xuất cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong đợt huấn luyện dân quân tự vệ năm 2022; - QĐ số 374/QĐ-CĐBK về việc khen thưởng đột xuất cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2022; - QĐ số 282/QĐ-CĐBK ngày 26/5/2022 về việc khen thưởng Nhà giáo hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022; - QĐ số 871/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh về việc tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện các Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn)

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện tại Trường có 09 đơn vị gồm 04 phòng chức năng, 05 khoa chuyên môn. Tất cả các đơn vị trong Trường đều có cán bộ quản lý, có 07 đơn vị có cấp trưởng và có 02 đơn vị có cấp phó. Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý của Trường được thực hiện đúng theo quy định, quy trình và hướng dẫn của cơ quan cấp trên (Hướng dẫn số 85/HD-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện và Giám đốc các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc UBND tỉnh). Sau khi có sự giới thiệu của Đảng ủy, Trường tổ chức lấy phiếu tín nhiệm từ cấp Khoa, Phòng; lấy phiếu tín nhiệm từ cán bộ chủ chốt của Trường (gồm Ban Giám hiệu, Trưởng các Phòng, Khoa, Chủ tịch Công đoàn và Bí thư Đoàn Trường); lấy phiếu tín nhiệm tại Hội nghị cán bộ lãnh đạo Trường. [1.1.02 - Quyết định số 48/QĐ-CĐBK ngày 27/3/2020; Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023: Về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn]. [3.1.03 - Quyết định số 33/QĐ-CĐBK ngày 18/01/2021 về việc ban hành Quy định về bổ nhiệm, điều động đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn; - Quyết định số 620/QĐ-CĐBK ngày 16/11/2022 ban hành Quy định về Tiêu chuẩn chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn].

Nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và đảm bảo luôn tuân thủ theo Hướng dẫn số 85/HD-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức,

viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện và Giám đốc các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc UBND tỉnh. Hiện tại, trường đều có cán bộ quản lý cấp trưởng, phó tại các đơn vị trực thuộc Trường (phòng, khoa). Tất cả các cán bộ quản lý của nhà trường đều được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đúng quy trình quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. [3.12.01 - Danh sách trích ngang của đội ngũ đội ngũ cán bộ quản lý]. [3.12.02 - Quyết định số 96/QĐ-CĐBK, ngày 24/02/2022 về việc điều động và bổ nhiệm Phó Trưởng Khoa Sư phạm; - Quyết định số 180/QĐ-CĐBK, ngày 30/3/2022 về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; - Quyết định số 238/QĐ-CĐBK, ngày 27/4/2022 về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Đào tạo].

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong những năm gần đây, nhà trường đã có nhiều giải pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hiện tại, đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có 22 người, trong đó có: 20 thạc sĩ, 02 cử nhân. Số lượng nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý là 09 người. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có trình độ từ Thạc sĩ trở lên chiếm tỉ lệ cao ( $20/22=90,91\%$ ) [3.12.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ quản lý nhà trường], [3.13.01 - Hồ sơ cán bộ của Trường, Phó các đơn vị trong trường], được bổ nhiệm theo từng nhiệm kỳ, theo đúng quy trình và quy định về tiêu chuẩn đối với từng chức danh.

Cùng với quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Trường có các văn bản quy định, phân công rõ ràng chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, từng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên qua văn bản hoặc thông báo phân công nhiệm vụ và được định kỳ rà soát, cập nhật. Sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được công bố công khai trên hồ sơ công việc đơn vị, nhờ đó việc liên hệ công tác của các đơn vị, cá nhân bên ngoài cũng như giữa các đơn vị, cá nhân trong Trường được tiện lợi. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá cán bộ quản lý các đơn vị trong Trường qua [3.13.02 - Phiếu nhận xét đánh giá cán bộ hàng năm đối với cán bộ quản lý]. Việc đánh giá năng lực công tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được thực hiện từ ba phía: bản thân tự đánh giá, đánh giá của đơn vị (bộ môn, tổ, khoa, phòng) và đánh giá của lãnh đạo; thực hiện dưới nhiều hình thức như: họp bộ môn, họp chi bộ, đảng bộ; hội nghị cán bộ - viên chức hoặc có thể phản ánh trực tiếp tới Lãnh đạo Nhà trường. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất, đạo đức tốt, tâm huyết và trách nhiệm với công việc, có năng lực chuyên môn vững vàng và tiếp cận nhanh chóng nghiệp vụ quản lý, do đó hầu hết cán bộ quản lý của

Trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý giáo dục. [3.13.03 - Thông báo số 891/TB-UBND, 27/TB-UBND, 28/TB-UBND, 64/TB-UBND ngày 26/01/2023 Kết quả xếp loại viên chức lãnh đạo quản lý năm 2023]; [1.1.04 – Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC- CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024]. [1.5.01 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của các đơn vị]

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch, thông báo, lập danh sách đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [3.14.01 - Kế hoạch số 189/KH-CĐBK ngày 14/10/2022 đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý năm 2022] .

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và đã ban hành các chính sách, biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường quy định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, giảng viên tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng. Những cán bộ quản lý đi làm nghiên cứu sinh hoặc học cao học trong nước, ngoài chế độ quy định của Nhà nước, được Trường hỗ trợ tiền học phí, được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi như những viên chức đang làm việc. Nhà trường cũng có các chính sách, động viên, tạo điều kiện cho giảng viên tìm kiếm tài trợ cho việc phát triển năng lực chuyên môn của mình, ví dụ như quy định về việc khen thưởng các công trình khoa học tiêu biểu. Nhà trường đã triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. [3.14.02 – Quyết định số 311/QĐ-CĐBK, ngày 07/7/2023 về việc cử giáo viên đi học tập tại doanh nghiệp (năm học 2023-2024); - Quyết định số 413/QĐ-CĐBK, ngày 06/9/2023 về việc cử nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Công văn số 463/CĐBK-TCHC, ngày 05/10/2023 về việc đăng ký bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số năm 2023 trên nền tảng MOOCs]; [3.14.03. Báo cáo, chứng chỉ, bằng cấp, hình ảnh đội ngũ CBQL tham gia khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm - Ảnh Tập huấn về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức đơn vị, ngày 19/10/2022 tại Thanh tra tỉnh; Bài thu hoạch



*học lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng 4 do Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổ chức; Báo cáo số 259/BC-CĐBK ngày 07 tháng 12 năm 2023, Kết quả tự các nội dung tự học, tự bồi dưỡng của Nhà giáo, năm học 2022 - 2023]*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đội ngũ viên chức, người lao động của Trường đảm bảo trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định, có trình độ ngoại ngữ và tin học nhìn chung đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học [3.15.01 - Danh sách trích ngang viên chức, người lao động của trường năm 2023]; [3.15.02; 3.15.03- Quyết định số 311/QĐ-CĐBK, ngày 07/7/2023 về việc cử giáo viên đi học tập tại doanh nghiệp (năm học 2023-2024); - Quyết định số 413/QĐ-CĐBK, ngày 06/9/2023 về việc cử nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Công văn số 463/CĐBK-TCHC, ngày 05/10/2023 về việc đăng ký bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số năm 2023 trên nền tảng MOOCs]; [3.15.04 – Báo cáo số 06/BC-CĐBK, ngày 06/01/2023 Kết quả báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2022, dự kiến kế hoạch năm 2023; Giáo viên của Nhà trường có trình độ trung cấp trở lên, đội ngũ này đã và đang nâng cao uy tín, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đóng góp vai trò to lớn cho sự nghiệp xây dựng, phát triển của Trường. Trong những năm qua, Trường đã xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn của nhà giáo theo quy định. Giảng viên được đào tạo đúng chuyên ngành, đảm bảo mỗi ngành học có ít nhất 01 giảng viên có trình độ thạc sĩ và 03 giảng viên có trình độ đại học trở lên có chuyên môn phù hợp. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trẻ, giáo viên mới về công tác tại Trường được quan tâm, chú trọng. Nhà trường đã có những quy định, chính sách cụ thể nhằm hỗ trợ cho việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên tập trung học tập, nghiên cứu nâng cao chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

Nhà trường đã cử cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [3.15.03. Thông báo số 119/TB-CĐBK, ngày 10/6/2022 về việc tổ chức tập huấn lưu trữ hồ sơ đào tạo điện tử và giảng dạy trực tuyến; Thông báo số 224/TB/BTCTU, ngày 24/10/2022 triệu tập cán bộ, công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng 3 và ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng; Quyết định số 445/QĐ-CĐBK, ngày 19/8/2022 về việc cử viên chức tham dự lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cơ bản

về bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 458/QĐ-CĐBK, ngày 26/8/2022 về việc cử viên chức đi đào tạo lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên, ngạch chuyên viên chính] [3.15.04- Báo cáo số 06/BC-CĐBK, ngày 06/01/2023 Kết quả báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2022, dự kiến kế hoạch năm 2023].

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 3: 1 điểm***

#### **3.2.4. TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH**

##### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:**

**Mở đầu:** Chương trình dạy nghề của Trường Cao đẳng Bắc Kạn được xây dựng, điều chỉnh theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường vừa gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học với thị trường lao động.

Chương trình được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý giữa các cấp trình độ. Các môn học tự chọn trong mỗi nghề, hàng năm sẽ được đề xuất thay đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường lao động cũng như điều kiện cụ thể của trường.

Chương trình dạy nghề có quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng và phương pháp, nhằm giúp giáo viên đánh giá người học một cách chính xác nhất. Mỗi mô đun, môn học của Trường đều có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo.

##### ***\* Những điểm mạnh:***

Chương trình dạy nghề của trường 100% được xây dựng, điều chỉnh theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường có đầy đủ chương trình các nghề đang đào tạo.

Trường có tổ chức rà soát, biên soạn lại giáo trình giảng dạy, đảm bảo tài liệu tham khảo cho các nghề đào tạo.

**\* Những tồn tại:** Chưa thực hiện việc lấy ý kiến tất cả các đối tượng (nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp) về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:** Năm học 2022 – 2023 tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình, giáo trình đảm bảo đáp ứng thực tiễn nghề nghiệp đồng thời sẽ cập nhật thêm những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài đối với tất cả các chương trình đào tạo của trường đã được cấp phép và đang thực hiện. Thực hiện việc lấy ý kiến tất cả các đối tượng (nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp) về

mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo. Thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

#### **Điểm đánh giá tiêu chí 4**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 4</b>	<b>13</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	0

**Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo theo hướng đa ngành, đa nghề, đa cấp bậc. Các ngành nghề đào tạo đều có đầy đủ chương trình, giáo trình phù hợp với mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng. Các chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, đảm bảo được tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được các quy định về chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp (2.1.02 - Danh sách các ngành nghề trường tổ chức đào tạo năm học 2023-2024 ngày 24/22/2023; 1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 23/2023/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 04/4/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 23a/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 13/7/2023; 4.1.01 - Quyết định số 728/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Điện công nghiệp, trình độ Cao đẳng; Quyết định số 733/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Điện công nghiệp, trình độ Cao đẳng; Quyết định số

737/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Thú y, trình độ Cao đẳng liên thông; Quyết định số 730/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Công nghệ ô tô, trình độ Cao đẳng liên thông; Quyết định số 732/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Công nghệ ô tô, trình độ Trung cấp; Quyết định số 731/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí, trình độ Trung cấp; Quyết định số 729/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Điện công nghiệp, trình độ Trung cấp; Quyết định số 734/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Điện dân dụng, trình độ Trung cấp; Quyết định số 739/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Kỹ thuật chế biến món ăn, trình độ Trung cấp; Quyết định số 735/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Chăn nuôi-thú y, trình độ Trung cấp; Quyết định số 738/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, trình độ Trung cấp).

#### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.**

##### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Năm 2023, căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các chương trình đào tạo của Nhà trường đều được xây dựng theo đúng quy định này để áp dụng đào tạo cho HSSV. Các chương trình xây dựng đều có các biên bản trong quá trình biên soạn (4.2.01 - Quyết định số 472/QĐ-CĐBK ngày 07/9/2022 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo năm 2022; 4.2.02 - Quyết định số 576/QĐ-CĐBK ngày 01/11/2022 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.03 - Các biên bản thẩm định chương trình đào tạo các nghề: Trồng trọt và bảo vệ thực vật, trình độ Trung cấp; Công nghệ ô tô, trình độ Cao đẳng; Điện Công nghiệp, trình độ Cao đẳng liên thông; Thú y, trình độ Cao đẳng, Điện Công nghiệp, trình độ Trung cấp; Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Trình độ Trung cấp; Kỹ thuật chế biến món ăn, trình độ Trung cấp; Công nghệ ô tô, trình độ Trung cấp; Điện dân dụng, trình độ Trung cấp; Chăn nuôi thú y, trình độ Trung cấp (10 biên bản); 4.2.04 – Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ

*thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.3:** Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường đã ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, cao đẳng liên thông của các nghề. Chương trình tổng quát và chương trình chi tiết được ban hành kèm theo các Quyết định thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định (4.2.04 - *Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)*)

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.4:** Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành (nếu có).

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường đã thành lập các tổ thực hiện lựa chọn/thẩm định chương trình đào tạo và ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; Quy trình xây dựng, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng của Nhà trường đều được xây dựng theo hướng dẫn quy định. (4.2.01 - *Quyết định số 472/QĐ-CĐBK ngày 07/9/2022 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo năm 2022*; 4.2.02 - *Quyết định số 576/QĐ-CĐBK ngày 01/11/2022 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo*; 4.4.01 - *Các biên bản thẩm định chương trình đào tạo các nghề: Trồng trọt và bảo vệ thực vật, trình độ Trung cấp; Công nghệ ô tô, trình độ Cao đẳng; Điện Công nghiệp, trình độ Cao đẳng liên thông; Thú y, trình độ Cao đẳng, Điện Công nghiệp, trình độ Trung cấp; Công nghệ kỹ thuật cơ khí,*

*Trình độ Trung cấp; Kỹ thuật chế biến món ăn, trình độ Trung cấp; Công nghệ ô tô, trình độ Trung cấp; Điện dân dụng, trình độ Trung cấp; Chăn nuôi thú y, trình độ Trung cấp (10 biên bản); 4.2.04 - Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022); 4.4.02 - Danh sách các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật tham gia quá trình xây dựng chương trình đào tạo năm 2022; 4.4.03 - Phiếu đóng góp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động vào quá trình lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo năm 2022).*

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.**

##### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng theo đúng quy định của Bộ LĐ-TB&XH. Ban/tổ biên soạn chương trình đào tạo mời các chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành nghề để góp ý cho chương trình đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động và doanh nghiệp sử dụng lao động; điều đó được thể hiện qua kết quả khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động đối với từng chương trình đào tạo của nhà trường, của người học đã tốt nghiệp và đi làm về chương trình đào tạo của nhà trường; Kết quả khảo sát của doanh nghiệp và người học cho thấy trên 80% ý kiến khảo sát cho rằng Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động (4.5.01, 4.5.02 - Bộ minh chứng khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động đối với từng chương trình đào tạo của nhà trường (Bao gồm: Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát dành cho doanh nghiệp và khảo sát dành cho HSSV, Báo cáo kết quả khảo sát; 4.2.04 - Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.**

##### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Bắc Kạn lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo luôn bảo đảm tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ

đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định, nhằm tạo điều kiện cho người học có thể nâng cao trình độ chuyên môn của mình một cách thuận lợi. Nhà trường có đầy đủ chương trình đào tạo liên thông (4.2.04 - *Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)*)

Để bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định, Nhà trường xây dựng văn bản quy định về tuyển sinh và đào tạo liên thông giữa các trình độ của Nhà trường nhằm thực hiện một cách có hệ thống (2.16.01, 4.6.01- *Quy định số 444/QyĐ-CĐBK ngày 16/9/2021 tuyển sinh và đào tạo liên thông giữa các trình độ*; 4.6.02 - *Công văn số 5337/ĐHTN-ĐT ngày 06/11/2023 về việc phê duyệt chỉ tiêu và cho phép mở lớp ĐH hệ VLVH của trường ĐHSP tại trường CĐ Bắc Kạn năm 2023*; 4.6.03 - *Quyết định số 3657/QĐ-ĐHSP ngày 28/10/2020 ban hành Chương trình giáo dục đại học trình độ đại học, đào tạo theo học chế tín chỉ, hình thức Vừa làm vừa học*; *Quyết định số 2268<sup>a</sup>/QĐ-ĐHSP ngày 29/6/2021 điều chỉnh Chương trình đào tạo hệ Vừa làm vừa học*; 4.6.04 - *Thông báo số 27/TB-CĐBK ngày 23/02/2023 thông báo tuyển sinh đại học liên thông vừa làm vừa học năm 2023*).

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TTBLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Trường tổ chức đánh giá lại chương trình đào tạo đã ban hành để cập nhật, bổ sung những thay đổi trong quy định của nhà nước, những tiến bộ mới của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo; các kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình, những thay đổi trong các môn học, mô đun hoặc nội dung chuyên môn để phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của thị trường lao động.

(4.7.01 – *Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Lập trình và phân tích hệ thống, Khoa học cây trồng, Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn, Tin học ứng dụng (tháng 8/2020)*; 4.7.02 - *Báo cáo số 225/BC-CĐBK ngày 30/12/2022 báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo năm 2022*;

4.7.03 - Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Ngoài việc giảng dạy chuyên môn, các giáo viên, cán bộ quản lý của trường đều được Nhà trường quan tâm khuyến khích tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên toàn quốc và cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, các Khoa, Bộ môn, giảng viên trực tiếp biên soạn chương trình đều nghiên cứu vận dụng nhiều nguồn tài liệu tham khảo khác nhau. Trong đó, luôn quan tâm, chú trọng đến sự cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, các kiến thức khoa học kỹ thuật mới và kinh nghiệm sản xuất thực tế địa phương, những thông tin, tài liệu mới nhất về nội dung của các học phần, mô đun. Tuy nhiên, còn có chương trình đào tạo của Nhà trường khi xây dựng chưa tham khảo/thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

(4.7.01. Quyết định ban hành chương trình đào tạo (lần đầu) và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo; 4.8.01. Quyết định ban hành chương trình sau khi chỉnh sửa, bổ sung và chương trình đào tạo kèm theo; 4.8.02. Chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài đã được tham khảo/thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 0 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Năm học 2022 – 2023, Nhà trường có tổ chức tuyển sinh đào tạo hệ Cao đẳng liên thông từ bậc Trung cấp. Trước khi tổ chức tuyển sinh liên thông Trường



đều căn cứ vào chương trình đào tạo và quy định đào tạo liên thông “*Quy định số 444/QĐ-CĐBK, ngày 16/9/2021 Quy định Tuyển sinh và đào tạo liên thông giữa các trình độ liên thông*”. Đối với chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông, khi xây dựng nhà trường đã rà soát toàn bộ chương trình đã ban hành (4.2.04 - *Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)*); 4.9.01 - *Quyết định số 733/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Điện Công nghiệp, trình độ Cao đẳng liên thông*; *Quyết định số 737/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Thú y, trình độ Cao đẳng liên thông*; 4.9.02, 4.9.03 - *Quy định số 444/QĐ-CĐBK ngày 16/9/2021 Quy định về tuyển sinh và đào tạo Liên thông giữa các trình độ*).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong năm học 2022 – 2023, Nhà trường chưa có điều kiện xây dựng Giáo trình đào tạo mới, nên vẫn sử dụng Giáo trình đã xây dựng từ năm học 2020 - 2021. Tuy nhiên, giáo trình cho các mô đun, môn học của từng Chương trình đào tạo của Nhà trường đều đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên và HSSV Nhà trường. Sau khi các Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo kèm chương trình chi tiết các môđun, môn học được ban hành, và được Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề và giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động dạy nghề Nhà trường đều triển khai công tác viết giáo trình cho các chương trình của các ngành nghề đã được cấp phép và đã đưa các giáo trình vào sử dụng ngay trong năm học 2020 – 2021 (4.10.01 - *Danh mục giáo trình năm 2020 ngày 15/02/2023*, 4.10.02 - *Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo*, 1.2.06 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 23/2023/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 04/4/2023*; *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 23a/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 13/7/2023*. 4.2.04 - *Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)*)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Giáo trình đào tạo của Nhà trường đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành giáo trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu của người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (4.10.01 - Danh mục giáo trình năm 2020 ngày 15/02/2023, 4.10.02 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả các giáo trình, tài liệu lựa chọn phục vụ công tác giảng dạy của Trường đều được Nhà trường tổ chức thẩm định nghiệm thu trước khi Hiệu trưởng ban hành quyết định đưa vào sử dụng. Khi nghiệm thu, các thành viên Hội đồng nghiệm thu giáo trình của trường đều cho rằng các giáo trình của trường biên soạn, lựa chọn đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô đun/môn học trong chương trình dạy.

(1.2.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 23/2023/GCNDKHH-TCGDNN ngày 04/4/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 23a/2023/GCNDKBS-TCGDNN ngày 13/7/2023; 4.2.04 - Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022); 4.10.01 - Danh mục giáo trình năm 2020 ngày 15/02/2023, 4.10.02 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo, 4.12.01 - Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định, 4.12.02 - Kế hoạch số 37/KH-KCĐ ngày 07/7/2023 Khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về mức độ đáp ứng công việc và sự phù hợp về phương pháp đào tạo, chương trình giáo trình đào tạo thuộc khoa Cơ điện năm 2023; Kế hoạch số 55/KH-CGĐB ngày 21/6/2023 về việc khảo sát người học, doanh nghiệp, nhà giáo và cán bộ quản lý về việc đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, lượng kiến thức, sự phân bố thời gian, đáp ứng nhu cầu việc làm sau khi tốt nghiệp, ... của

chương trình đào tạo nghề CNOTO; Kế hoạch số 15/KH-NL ngày 27/9/2023 khảo sát sự phù hợp của các chương trình đào tạo thuộc khoa Nông lâm, Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Báo cáo số 74/BC-CGĐB ngày 15/9/2023 kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, doanh nghiệp, nhà giáo, cán bộ quản lý về việc đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, lượng kiến thức, sự phân bổ thời gian, đáp ứng của chương trình, giáo trình, nhu cầu việc làm đối với học sinh đang học tại trường; Báo cáo số 14/BC-NL ngày 20/9/2023 báo cáo kết quả khảo sát về sự phù hợp của giáo trình đào tạo các nghề thuộc khoa Nông lâm).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả các Giáo trình đào tạo hiện nay của Nhà trường đều cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo thể hiện ở đánh giá của Hội đồng thẩm định thông qua biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng, có Kế hoạch, có phiếu khảo sát và báo cáo khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo về giáo trình đào tạo của nhà trường để đánh giá chính xác việc cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo (2.1.02- Danh sách các ngành nghề trường tổ chức đào tạo năm học 2023-2024 ngày 24/22/2023, 4.10.01 - Danh mục giáo trình năm 2020 ngày 15/02/2023, 4.10.02 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo, 4.12.01 - Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định, 4.12.02 - Kế hoạch số 37/KH-KCĐ ngày 07/7/2023 Khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về mức độ đáp ứng công việc và sự phù hợp về phương pháp đào tạo, chương trình giáo trình đào tạo thuộc khoa Cơ điện năm 2023; Kế hoạch số 55/KH-CGĐB ngày 21/6/2023 về việc khảo sát người học, doanh nghiệp, nhà giáo và cán bộ quản lý về việc đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, lượng kiến thức, sự phân bổ thời gian, đáp ứng nhu cầu việc làm sau khi tốt nghiệp, ... của chương trình đào tạo nghề CNOTO; Kế hoạch số 15/KH-NL ngày 27/9/2023 khảo sát sự phù hợp của các chương trình đào tạo thuộc khoa Nông lâm, Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Báo cáo số 74/BC-CGĐB ngày 15/9/2023 kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, doanh nghiệp, nhà giáo, cán bộ quản lý về việc đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, lượng kiến thức, sự phân bổ thời gian, đáp ứng của chương trình, giáo trình, nhu cầu việc làm đối với học sinh đang học tại trường).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.14:** Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

*Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nhà trường đã triển khai việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo tới các khoa để có thể chỉnh sửa giáo trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn sản xuất. (4.14.01. Kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo khảo sát thu thập những nhật xét đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo của nhà trường; 4.14.02. Kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo khảo sát thu thập những nhật xét đánh giá của người học đã tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo của nhà trường; 4.14.03. Kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo khảo sát thu thập những nhật xét đánh giá của người học đã tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo của nhà trường.)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.15:** Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

*Mô tả, phân tích, nhận định:*

Trong năm 2022, nhà trường đã tiến hành rà soát điều chỉnh 14 chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Tuy nhiên, việc đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo chưa được thực hiện đầy đủ đối với tất cả các môn học, mô đun của các chương trình đào tạo. (4.7.01. Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo; 4.15.01. Quyết định ban hành chương trình sau khi có sự thay đổi và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo; 4.15.02. Danh sách chương trình đào tạo có sự thay đổi; 4.15.03. Giáo trình đào tạo trước và sau khi chương trình đào tạo có sự thay đổi)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 4: 0 điểm**

### **3.2.5. TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:**

*Mô tả:* Trường Cao đẳng Bắc Kạn được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ trường Cao đẳng cộng đồng Bắc Kạn vào trường vào Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bắc Kạn, Sau khi sáp nhập,

tỉnh chỉ có duy nhất một Trường Cao đẳng là CSGDNN đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo nhân lực trên địa bàn tỉnh. Sau khi sáp nhập Trường Cao đẳng Bắc Kạn sử dụng 02 cơ sở làm việc.

Diện tích phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thực tập; các mô hình thực tập, dịch vụ sản xuất, sửa chữa, bệnh xá thú y đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học (hiện nhà trường đã được Dự án VIE/034 chấp thuận cải tạo, mở rộng, xây dựng 01 nhà xưởng thực tập sản xuất cho Khoa Cơ Điện với diện tích 454m<sup>2</sup> và tiếp tục đề nghị Dự án VIE/034 cải tạo mở rộng nhà kho thành nhà thực hành nghề trồng trọt và BVTV cho Khoa Nông Lâm). Với tổng diện tích của các phòng học, xưởng thực hành, thực tập là 13.889m<sup>2</sup> cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo từ 1800 ÷ 2500 HSSV.

Được sự đầu tư nguồn vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Luxembourg từ năm 2006; nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động, giai đoạn 2010-2015 và 2016 - 2020 đầu tư cho 04 ngành nghề trọng điểm. Đến nay, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo các ngành, nghề đáp ứng cơ bản danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nhà hiệu bộ, khu vực hành chính, văn phòng làm việc có 02 tòa nhà (sau sáp nhập, nhà trường đã cải tạo nhà công vụ tại trụ sở chính thành văn phòng làm việc với diện tích sử dụng 564m<sup>2</sup>) đảm bảo đáp ứng cơ cấu tổ chức các phòng, khoa, bộ môn chuyên môn; đảm bảo diện tích làm việc cho cán bộ, giảng viên, giáo viên.

Có 01 Hội trường đa năng có diện tích 1.054m<sup>2</sup> có sức chứa 800 người; Thư viện (có 1 phòng đọc; 2 kho sách; 1 Hội trường chứa 150 người; máy vi tính nối mạng Internet phục vụ bạn đọc; gần 4.943 đầu sách, tài liệu tham khảo các loại...; Kí túc xá (đủ sức chứa 824 chỗ ở); 02 sân bóng đá, 06 sân bóng chuyền, 01 đường chạy 100m, 01 sân bóng rổ, 07 nhà để xe, 02 bếp ăn phục vụ 250 lượt ăn, hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư đồng bộ, cảnh quan môi trường xanh,... phục vụ tốt các hoạt động văn hóa, thể thao của cán bộ, giáo viên và HSSV.

Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị và trình độ đội ngũ hiện có cơ bản đáp ứng điều kiện tổ chức các hoạt động đào tạo. Bên cạnh đó, Trường sẽ tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư, trang bị mới các thiết bị cần thiết phục vụ yêu cầu giảng dạy các ngành nghề trọng điểm cũng như đầu tư, thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

**\*Những điểm mạnh:** Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ.

Trường có đủ hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, kho bãi đảm bảo cho công tác đào tạo nghề; các trang thiết bị hiện đại; có hệ thống hồ sơ

quản lý cấp phát, thu nhận trang thiết bị, hàng hóa, vật liệu rõ ràng. Bố trí trang thiết bị trong xưởng khoa học, hợp lý.

Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các CSGDNN, khu đất xây dựng đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại

**\* Những tồn tại:**

- Hồ sơ quy hoạch trường không còn phù hợp với vị trí trường Cao đẳng Bắc Kạn sau khi sáp nhập năm 2020 (sau khi sáp nhập trường Cao đẳng Cộng đồng vào Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn)

- Thiếu nguồn kinh phí thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị có yêu cầu kỹ thuật phức tạp cần nhiều nguồn lực đầu tư đặc biệt là kinh phí đầu tư lớn để đầu tư (phần mềm, hệ điều hành, thiết bị có đặc tính kỹ thuật chuyên biệt...)

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 phù hợp định hướng phát triển trường Cao đẳng Bắc Kạn và các quy định hiện hành.

- Xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn đối với các công trình hư hỏng, xuống cấp đặc biệt là khu vực ký túc xá học sinh.

- Tích cực tìm kiếm các nguồn lực đầu tư để từng bước cải thiện cơ sở vật chất của trường đáp ứng nhu cầu đào tạo của nhà trường.

- Tiếp tục tiến hành trồng thêm mới, duy trì cây xanh, thảm cỏ hiện có nhà trường phù hợp thổ nhưỡng, thân thiện môi trường.

**Điểm đánh giá tiêu chí 5**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 5</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1

Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	0

**Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Bắc Kạn được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ trường Cao đẳng cộng đồng Bắc Kạn vào trường vào Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bắc Kạn, [1.1.01 - Quyết định số 49/QĐ-BLĐT BXH của Bộ Lao động thương binh xã hội ngày 14/01/2020 về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn và Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bắc Kạn]. Sau khi sáp nhập, Trường tổ chức đào tạo tại 02 cơ sở :

- **Cơ sở 1 (địa điểm đặt trụ sở chính của trường):** Tổ 9, Phường Phùng Chí Kiên, TP. Bắc Kạn, T. Bắc Kạn.

Có tổng diện tích đất 72.456,0 m<sup>2</sup>, bao gồm: Nơi việc của Ban giám hiệu và phòng làm việc của các phòng chức năng, một số khoa chuyên môn; địa điểm tổ chức đào tạo các ngành nghề thuộc khoa Nông Lâm, khoa Cơ giới đường bộ, khoa Cơ Điện.

- **Cơ sở 2:** Tổ 17, Phường Sông Cầu, TP. Bắc Kạn, T. Bắc Kạn.

Có tổng diện tích đất 34.120,2m<sup>2</sup>, bao gồm: nơi làm việc của một số phòng chức năng và văn phòng làm việc của Khoa Tổng hợp, Khoa Sư phạm; địa điểm tổ chức đào tạo các nghề thuộc ngành, nghề Sư phạm, Kinh tế - Du lịch, Công nghệ thông tin, Kế toán, hệ vừa học vừa làm, liên kết đào tạo, chương trình văn hóa THPT và hệ giáo dục thường xuyên cấp THPT.

Cơ sở 1 (trụ sở chính) xây dựng sát dọc Đường Nguyễn Văn Tố (là đường trải nhựa, 4 làn xe ô tô) Quốc lộ 3 hướng Bắc Kạn đi Hà Nội khoảng 0,8km, là đường trục chính của thành phố, giao thông rất thuận tiện cho cán bộ, giáo viên và người học của trường; Cơ sở 2 xây dựng sát dọc Đường chính liên tỉnh hướng từ thành phố Bắc Kạn đi huyện Chợ Đồn (là đường trải nhựa, 4 làn xe ô tô) cách trung tâm thành phố Bắc Kạn 2,5 Km, là đường trục chính của thành phố, giao thông rất thuận tiện cho cán bộ, giáo viên và người học khi liên hệ làm việc tại trường, vị trí của khu giảng đường, xưởng thực hành đảm bảo yên tĩnh cho việc

giảng dạy và học tập [5.1.01- Hình ảnh thể hiện biển chỉ dẫn trường tại cơ sở 1 và cơ sở 2]; hiện nay, UBND tỉnh Bắc Kạn chưa ban hành danh sách các cơ sở thải ra chất thải độc hại trên địa bàn tỉnh nên trường không có thông tin chính thức về các cơ sở thải chất thải độc hại, tuy nhiên qua khảo sát trên bản đồ vệ tinh, tỉnh Bắc Kạn hiện nay đang có 03 khu, cụm công nghiệp với vị trí cách nhà trường (cơ sở 1) theo đường ô tô đi gần nhất là cụm công nghiệp Cẩm giàng khoảng trên 11 km [ 5.1.02- Danh sách các cơ sở công nghiệp xung quanh trường], nhà trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Đầu tư xây dựng CSVC và các công trình phụ trợ phục vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 tại trường Cao đẳng Bắc Kạn [5.1.03- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn và Trường Sư phạm giai đoạn 2015- 2020; Quyết định số 2036/QĐ-UBND, ngày 21/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn], Nhà trường tổ chức khảo sát đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về ưu, nhược điểm vị trí nhà trường và có kết quả khảo sát theo quy định với kết quả trên 90% đánh giá tốt vị trí trường hiện có [5.1.04- Kế hoạch số 142/KH-CĐBK, ngày 26/7/2023 Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; Báo cáo số 181/BC-CĐBK ngày 08/9/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (khảo sát online)]

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Quy hoạch tổng thể mặt bằng trường được thiết kế hợp lý, phù hợp với công năng và tiêu chuẩn thiết kế theo quy định [5.2.01- Hồ sơ thiết kế, xây dựng mặt bằng khuôn viên trường tại 02 cơ sở];

Các công trình xây dựng của Trường tại 02 cơ sở cơ bản đáp ứng công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan môi trường [5.2.02- Hồ sơ bản vẽ hoàn công các công trình nhà trường]

Mật độ xây dựng công trình: Diện tích xây dựng  $30.712,88\text{m}^2 / 106.576,2\text{m}^2 = 28,8\%$  đảm bảo mật độ xây dựng theo tiêu chuẩn từ 20% đến 40%; Tầng cao công trình từ 1 đến 5 tầng; diện tích sân đường nội bộ và lưu không  $11.400\text{m}^2$  [5.2.03- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của trường, Thống kê diện tích xây dựng theo Đề án 702/ĐA-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh về việc sáp nhập trường CĐCD vào trường CĐNDTNT và đổi tên thành trường Cao đẳng Bắc Kạn]; diện tích cây xanh  $629\text{m}^2 +$  cây cảnh và thảm cỏ tổng số là  $38.129\text{m}^2 /$



106.576,2 m<sup>2</sup>= 35,7% tổng diện tích đất được cấp; đảm bảo tiêu chuẩn diện tích cây xanh từ 30% đến 40% so với diện tích khu đất xây dựng [5.2.04- *Bảng số liệu diện tích cây xanh, thảm cỏ*] hoàn toàn phù hợp tiêu chuẩn thiết kế trường dạy nghề TCVN 9210: 2012.

Nhà trường được xây dựng với mật độ theo tiêu chuẩn quy định, các khối phòng học lý thuyết và xưởng thực hành bố trí riêng biệt, có hệ thống đường giao thông nội bộ thuận tiện, kiến trúc, cảnh quan đẹp, đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh. [5.1.04- *Kế hoạch số 142/KH-CĐBK, ngày 26/7/2023 Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; Báo cáo số 181/BC-CĐBK ngày 08/9/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (khảo sát online)*]

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Theo Đề án 702/DA-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh về việc sáp nhập trường CĐCĐ vào trường CĐNDTNT và đổi tên thành trường Cao đẳng Bắc Kạn Trường có đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và hoạt động của trường. Cụ thể:

+ Diện tích phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thực tập; các mô hình thực tập, dịch vụ sản xuất, sửa chữa, bệnh xá thú y đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, với tổng diện tích của các phòng học, xưởng thực hành, thực tập là 13.889m<sup>2</sup> cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo từ 1800 ÷ 2500 HSSV.

+ Có 01 Hội trường đa năng có diện tích 1.054m<sup>2</sup> có sức chứa 800 người; Thư viện có diện tích: 985 m<sup>2</sup> (có 1 phòng đọc; 2 kho sách; 1 Hội trường chứa 150 người; máy vi tính nối mạng Internet phục vụ bạn đọc; gần 33.284 đầu sách, tài liệu tham khảo các loại...; Ký túc xá với diện tích: 6449 m<sup>2</sup>(đủ sức chứa 824 chỗ ở); khu thể thao có diện tích trên 2.000 m<sup>2</sup> gồm: 02 sân bóng đá, 06 sân bóng chuyền, 01 đường chạy 100m, 01 sân bóng rổ, 07 nhà để xe, 02 bếp ăn phục vụ 250 lượt ăn, hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư đồng bộ, cảnh quan môi trường xanh...phục vụ tốt các hoạt động văn hóa, thể thao của cán bộ, giáo viên

và HSSV. [5.2.01- Hồ sơ thiết kế, xây dựng mặt bằng khuôn viên trường tại 02 cơ sở]

Nhà trường tiến hành khảo sát đối với người học, giáo viên, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất trường. Qua kết quả khảo sát, trên 70% số lượng người được hỏi hài lòng về các khu vực hoạt động của nhà trường đảm bảo theo tiêu chuẩn theo Thông tư 38/2018/TT-BLĐTĐ về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp [5.3.01- Kế hoạch số 142/KH-CĐBK, ngày 26/7/2023 Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; Báo cáo số 181/BC-CĐBK ngày 08/9/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (khảo sát online)]

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường có hệ thống đường giao thông nội bộ thiết kế theo tiêu chuẩn đảm bảo hoạt động đào tạo của nhà trường, có chiều rộng từ 4m đến 10m, nền trải Ápphan nhựa, tải trọng thiết kế đường cho xe 15 tấn đi được. Các đường nhánh kết nối với đường chính: KTX đến giảng đường, khu học lý thuyết, khu xưởng thực hành, khu dịch vụ đều có mái che. [5.2.01- Hồ sơ thiết kế, xây dựng mặt bằng khuôn viên trường tại 02 cơ sở]. Hệ thống điện của trường được cung cấp từ điện lưới quốc gia đến trạm biến áp của trường do Điện lực thành phố Bắc Kạn quản lý, đường dây cung cấp điện nội bộ bằng cáp bọc cách điện PVC bố trí trên cao hoặc đi ngầm. Trường sử dụng nguồn nước máy thành phố do công ty nước sạch Bắc Kạn cung cấp tới từng khu vực sử dụng, hệ thống thoát nước được xây dựng và xử lý nước thải sinh hoạt được thu gom qua hệ thống bể và cống ngầm [5.4.01- Hồ sơ thiết kế, thi công hệ thống xử lý chất thải, nước thải bản vẽ hoàn công hệ thống mương, cống thoát nước, Bể phốt công trình...; 5.4.04- Hợp đồng cung cấp nước sạch với công ty nước sạch Bắc Kạn]. Rác thải của trường được Công ty quản lý đô thị và môi trường thành phố Bắc Kạn thu gom và xử lý theo quy định. Hệ thống PCCC nhà trường luôn được thường xuyên kiểm tra, theo dõi kịp thời và được đánh giá là cơ sở đủ điều kiện trong công tác PCCC [5.4.03- Biên bản kiểm tra điều kiện PCCC giữa trường và phòng CS PCCC tỉnh Bắc Kạn ngày 06 tháng 11 năm 2023], hồ sơ quản lý công tác PCCC đảm bảo đúng theo quy định, hàng năm Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định, có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng PCCC nhà trường hàng năm [5.4.05- Điều 7. Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công (thuộc Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2020 ban hành kèm theo QĐ số 241/QĐ-CĐBK ngày 14/7/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn); 5.4.06 -Kế hoạch số 28/KH-CĐBK

ngày 15/3/2022 bảo dưỡng cơ sở vật chất, trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2022]. Hàng năm, bộ phận Tài sản- tài chính có báo cáo kết quả công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị toàn trường trình Ban giám hiệu xem xét, đánh giá [5.4.07- Báo cáo Công tác bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật tại trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023 ngày 08/11/2023], kết quả sửa chữa, bảo dưỡng được lưu trữ theo đúng quy định [5.4.08- Hồ sơ duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất nhà trường của bộ phận Tài sản- Tài chính], Hệ thống xử lý nước thải, chất thải hiện nay nhà trường tuân thủ theo các quy định. Hàng năm, Trường không nhận được văn bản của Sở Tài nguyên- Môi trường về việc kiểm tra chất lượng nguồn nước thải nhà trường mà chỉ tự tiến hành kiểm tra... Qua đó cho thấy các dự án đầu tư cho Trường đến nay đem lại hiệu quả tích cực đáp ứng điều kiện theo quy định. [1.1.04 – Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC- CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024].

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.**

##### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường được đầu tư hệ thống cơ sở vật chất với các khối nhà tương đối đồng bộ, đảm bảo theo quy định. Có đầy đủ các khối công trình: Khu làm việc của BGH, các phòng, khoa, trung tâm, khu lớp học lý thuyết, thực hành, xây dựng đúng tiêu chuẩn, có đường đi riêng, đủ khoảng không thoát hiểm, đảm bảo điều kiện ánh sáng tự nhiên, có đầy đủ hệ thống chiếu sáng đảm bảo cho học tập. Khu xưởng thực hành bố trí riêng, từng chuyên ngành có xưởng riêng, không ảnh hưởng đến nhau, có hệ thống thông gió, chiếu sáng, có đường đi thuận tiện cho học sinh trong quá trình học tập và thuận tiện cho việc vận chuyển, lắp đặt thiết bị. Khu nhà ăn tập thể và các công trình phụ trợ có diện tích rộng rãi, thoáng mát không gây ô nhiễm môi trường [5.5.01- Hồ sơ hoàn công các khối công trình chức năng của trường]. [5.2.01- Hồ sơ thiết kế, xây dựng mặt bằng khuôn viên trường tại 02 cơ sở];

Trường có hệ thống phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn giao cho các phòng, khoa, trung tâm quản lý sử dụng theo đúng tiêu chuẩn thiết kế Với tổng diện tích của các phòng học, xưởng thực hành, thực tập là 13.889m<sup>2</sup> cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo từ 1800 ÷ 2500 HSSV [5.5.02- Bảng thống kê số liệu diện tích các khu nhà, hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa theo Đề án 702/ĐA-UBND của UBND tỉnh sáp nhập trường (phụ lục 02); Bảng thống kê chi tiết diện tích các khối nhà của bộ phận Tài sản- Tài chính]. Trường có danh mục thiết bị đào tạo

tại các khoa và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo [5.5.03- *Danh mục thiết bị đào tạo của trường, Hợp đồng mua sắm các thiết bị đào tạo trường qua các năm*]. Hàng năm, trường xây dựng báo cáo hệ thống cơ sở vật chất gửi cấp có thẩm quyền theo dõi, tổng hợp quản lý tài sản theo quy định [5.5.04- *Báo cáo số 100/BC-CĐBK ngày 26/5/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc chấp hành pháp luật về quản lý đất công gắn với tài sản công tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn*].

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường có quy chế chung về quản lý, bảo dưỡng thường xuyên trang thiết bị đào tạo được quy định cụ thể trong Quy chế quản lý tài sản công [5.6.01- *Điều 7. Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công (thuộc Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2020 ban hành kèm theo QĐ số 241/QĐ-CĐBK ngày 14/7/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn*]. Tuy nhiên, do kinh phí nhà trường còn hạn hẹp nên việc bảo dưỡng được thực hiện theo mức độ ưu tiên và chủ yếu tiến hành bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị đơn giản, ít phát sinh kinh phí, các thiết bị bảo dưỡng phải thật sự cần thiết để phù hợp điều kiện tài chính nhà trường trong giai đoạn tự chủ. [5.5.03- *Danh mục thiết bị đào tạo của trường, Hợp đồng mua sắm các thiết bị đào tạo trường qua các năm*]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Các Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành, đều có nội quy, quy định [5.7.01- *Quyết định số 290/QĐ-CĐBK ngày 31/5/2022 ban hành Quy định về quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, khu thực hành tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn*]. Hàng năm bộ phận Tài sản- Tài chính xây dựng báo cáo đánh giá kết quả sử dụng giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa để làm cơ sở tham mưu Ban giám hiệu kế hoạch mua sắm, sửa chữa năm tiếp theo nhằm duy trì hoạt động nhà trường được hiệu quả, tiết kiệm, an toàn [5.7.02- *Báo cáo hàng năm về tình hình sử dụng phòng học, giảng đường của bộ phận Tài sản- tài chính*]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thiết bị đào tạo chính của Trường được trang bị cơ bản đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu phù hợp với chương trình đào tạo cũng như các ngành nghề đào tạo. Đảm bảo chất lượng trang thiết bị, dụng cụ, tài liệu cho các hoạt động thực hành về chủng loại, công năng, các yêu cầu thông số kỹ thuật, các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động. Các thiết bị đầu tư đều được các Khoa nghiên cứu, chọn lọc và đề xuất về chủng loại, số lượng bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, đáp ứng về mặt công nghệ, phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và dịch vụ trên thị trường [5.8.01. *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội các nghề Nông Lâm, Điện, Công nghệ ô tô*].

Nhà trường đã tổ chức Hội thảo cơ sở vật chất cấp trường thông qua phương án sử dụng tài sản các khoa 2020-2021 trên cơ sở so sánh thiết bị đào tạo hiện có của trường hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo như nghề: Điện Công nghiệp, Công nghệ ô tô, Chăn nuôi thú y, Trồng trọt và bảo vệ thực vật... trên cơ sở đó từng bước đánh giá, xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị phù hợp theo quy định hiện hành [5.8.02- *Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm*], Đối với các nghề khác Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chưa ban hành quy định về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trường như nghề Chăn nuôi- thú y... hiện nay nghề này đã được đầu tư thiết bị từ Dự án chính phủ Luxembourg tài trợ tương đối đồng bộ, rất phù hợp với chương trình đào tạo nhà trường ban hành. Hàng năm, bộ phận tài sản- tài chính xây dựng báo cáo tài sản gửi cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền theo quy định, Nhà trường tổ chức khảo sát đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về thiết bị đào tạo và có kết quả khảo sát theo quy định [5.8.05- *Kế hoạch số 142/KH-CĐBK, ngày 26/7/2023 Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; Báo cáo số 181/BC-CĐBK ngày 08/9/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (khảo sát*

online)], trong năm không có đoàn thanh, kiểm tra về thiết bị đào tạo của cơ quan quản lý nhà nước làm việc tại trường.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí tương đối hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, có lối đi rộng thuận tiện cho việc đi lại, thao tác, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, nhóm hoặc cá nhân học sinh cho từng nghề, các xưởng đều có quy trình và tổ chức hướng dẫn học sinh theo từng bài, mô đun đào tạo, có hệ thống cung cấp điện riêng và đồng bộ. Tuy nhiên, hồ sơ thiết kế, lắp đặt các thiết bị, dụng cụ, phục vụ đào tạo của Nhà trường chưa đầy đủ và Nhà trường chưa thực hiện báo cáo đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng dụng cụ, thiết bị. [5.9.01- Sơ đồ bố trí thiết bị các khu thực hành tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn. - Hình ảnh thể hiện Sơ đồ bố trí lắp đặt thiết bị xưởng thực hành nghề; bản vẽ hoàn công các công trình thể hiện bố trí thiết bị đào tạo, hình ảnh Quy trình vận hành thiết bị, bảng hướng dẫn thực hiện 5S tại các khoa]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 5: 0 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường có quy chế chung về quản lý, bảo dưỡng thường xuyên trang thiết bị đào tạo được quy định cụ thể tại [ 5.6.01. - Điều 7. Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công (thuộc Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2020 ban hành kèm theo QĐ số 241/QĐ-CĐBK ngày 14/7/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn], trong đó riêng các thiết bị đào tạo tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đã có quy định định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của**

**trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất, [5.5.03- Danh mục thiết bị đào tạo của trường, Hợp đồng mua sắm các thiết bị đào tạo trường qua các năm] Các khoa đã xây dựng phương án sử dụng tài sản được giao đã được Ban giám hiệu nhà trường chấp thuận phương án sử dụng tài sản phục vụ công tác đào tạo từ năm học 2020- 2021 (theo thông báo số 93/TB-CĐBK ngày 07/8/2020 về việc kết luận tại Hội thảo tham vấn sử dụng cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Bắc Kạn). Hàng năm bộ phận Tài sản- Tài chính tiến hành kiểm tra, xây dựng báo cáo đánh giá kết quả sử dụng thiết bị đào tạo các đơn vị để làm cơ sở tham mưu kế hoạch mua sắm, sửa chữa năm tiếp theo nhằm duy trì hoạt động nhà trường được hiệu quả, tiết kiệm, an toàn [5.11.01- Báo cáo đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo trường cao đẳng Bắc Kạn của bộ phận Tài sản- Tài chính]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đảm bảo vật tư thực hành được quản lý, sử dụng đúng quy định và phù hợp với từng mô đun, bài dạy, Trường đã xây dựng định mức tiêu hao vật tư thực hành cho các nghề có sử dụng vật tư thực hành và xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho từng nghề cụ thể và đang chờ UBND tỉnh phê duyệt. Ngoài ra, Trường còn xây dựng và ban hành Quy định quản lý, cấp phát sử dụng vật tư, theo đó Trường tổ chức quản lý và sử dụng vật tư thực hành đúng quy trình, quy định, đúng định mức đảm bảo kịp thời, đáp ứng yêu cầu giảng dạy cho từng bài, từng mô đun, môn học. [5.12.02-Quyết định số 668/QĐ-CĐBK, ngày 28/12/2021 về việc ban hành Quy định mua sắm, sử dụng công cụ, dụng cụ, hàng hóa, vật tư thực hành; 5.12.03 Phiếu giao nhận nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ] [5.12.04- Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo]; [5.12.05- Biên bản bàn giao vật tư theo đúng định mức tiêu hao vật tư/định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.13:** Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ Nhà trường đã xây dựng Nội quy thư viện [5.13.01. *Quyết định số 170/QĐ – CĐBK ngày 22/6/2020 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v ban hành Nội quy Thư viện*]; Thư viện được thiết kế có các phòng chuyên biệt: phòng đọc, phòng mượn..., có danh mục tài liệu, giáo trình được nhà trường phê duyệt Thư viện có đủ tài liệu, sách báo, tạp chí để tham khảo và học tập theo chương trình của giáo dục theo quy định, mỗi đầu giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in. [5.13.02. *Hồ sơ thiết kế thi công thư viện*; 5.13.03. *Danh sách giáo trình đã được trường phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện*].

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.14:** Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thư viện Nhà trường với hình thức phục vụ kho mở, cùng vốn tài liệu phong phú rất thuận tiện cho việc HSSV tra tìm, tài liệu. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch hoạt động thư viện; Thực hiện Khảo sát bạn đọc về mức độ phù hợp của thư viện trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo, học tập và nghiên cứu, kết quả khảo sát cho thấy Thư viện đáp ứng tương đối nhu cầu của độc giả [5.14.01. *Kế hoạch số 128/KH-CĐBK ngày 22/6/2023, Kế hoạch hoạt động thư viện năm học 2023-2024*], [5.14.02. *Kế hoạch số: 142/KH-CĐBK ngày 26/7/2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, cán bộ, viên chức, người lao động*; *Kế hoạch số 55 ngày 21/06/2023 của Khoa Cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo*; *Hoạt động dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên*; *Mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo*; *Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*; *Các dịch vụ cho người học*; *Kế hoạch số 37 ngày 7/7/2023 của Khoa Cơ điện Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo thuộc Khoa Cơ điện năm 2023*; *Báo cáo số 14/BC-CTHSSV ngày 28/9/2023 Báo cáo Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo về hoạt động của thư viện, khảo sát HSSV về chính sách hỗ trợ kịp thời, về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX, về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội khi học tại trường*].



[5.14.03. Báo cáo số 121/BC-CĐBK ngày 22/6/2023, Báo cáo tổng kết hoạt động thư viện năm học 2022-2023 ].

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.15:** Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện nay, thư viện Nhà trường chưa có Thư viện điện tử. Việc phục vụ nhu cầu đọc giả vẫn theo hình thức truyền thống, có sổ theo dõi mượn – trả của bạn đọc, có 06 máy tính kết nối internet nhằm phục vụ nhu cầu tra cứu, học tập của HSSV. [5.15.01. Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện] [5.15.05. Sổ theo dõi (mượn, trả) tài liệu, giáo trình].

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 5: 0 điểm***

**3.2.6. TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:**

**Mở đầu:** Trường có những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học và bước đầu đã có những kết quả trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Nhà trường đã có quy định về công tác nghiên cứu khoa học, thường xuyên đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và được phê duyệt thực hiện đều đặn hàng năm, các đề tài khoa học đều mang tính thực tiễn, có giá trị ứng dụng cao trong quá trình đào tạo và phát triển của nhà trường; Một số đề tài ứng dụng đã đưa lại hiệu quả đào tạo thiết thực phù hợp với đào tạo nghề, giá trị kinh tế cao. Nhà trường có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các báo, tạp chí, các ấn phẩm khoa học của trung ương và địa phương.

***\* Những điểm mạnh:***

Những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học đã bước đầu có những kết quả trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ; của thực tiễn lao động, sản xuất.

***\* Những tồn tại:***

Chất lượng nghiên cứu khoa học, phục vụ cho thực tiễn giảng dạy, lao động, sản xuất chưa cao.

***\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Tăng cường khuyến khích cán bộ, giáo viên và học sinh nghiên cứu khoa học; xây dựng cơ chế, chính sách cho các cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học. Đổi mới, đa dạng hình thức nghiên cứu khoa học.

Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, phục vụ cho thực tiễn dạy học và lao động, sản xuất.

Mở rộng đối tượng tham gia nghiên cứu khoa học cấp trường. Hàng năm, khuyến khích giáo viên, giảng viên đăng kí công trình nghiên cứu khoa học, đăng báo trên các tạp chí, tập san khoa học, chuyên ngành; kí yếu hội thảo khoa học quốc tế và trong nước.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 6**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 6</b>	<b>6 điểm</b>
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm

**Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường luôn xác định nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng cần được các đơn vị, cán bộ, giảng viên trong nhà trường tập trung thực hiện. Nhà trường có chính sách khen thưởng các giảng viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học và có chính sách đãi ngộ, ưu đãi, khuyến khích tạo điều kiện cho giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học (6.1.01 - Quyết định số 597/QĐ-CĐBK ngày 01/12/2020 ban hành Quy chế Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học Trường Cao đẳng Bắc Kạn; 6.1.02 - Kế hoạch số 12/KH-CĐBK ngày 09/02/2023 kế hoạch nghiên cứu khoa học năm 2023; 6.1.03, 6.1.05 - Quyết định số 190/QĐ-CĐBK ngày 17/5/2023 về việc phê duyệt các công trình nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2023).

Quy trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Cao đẳng Bắc Kạn được tiến hành rất cụ thể về hình thức, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện qua việc xây dựng hệ thống văn bản như Quyết định thành lập Hội đồng khoa

học trường; Quyết định công nhận các đề tài sáng kiến hàng năm; Báo cáo kết quả về công tác NCKH hàng năm (6.1.04, 1.3.03 - Quyết định số 105/QĐ-CĐBK ngày 31/3/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023; 6.1.06 - Báo cáo kết quả hoạt động công tác NCKH năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong những năm qua, Nhà trường đã đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến kinh nghiệm, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác giáo dục, đào tạo và quản lý. Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, đội ngũ giảng viên có điều kiện tự học, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức để khẳng định năng lực tổ chức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình. Số lượng đề tài qua các năm đã được tăng lên rõ rệt, thể hiện qua các phiếu đăng ký đề tài, sáng kiến nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên; biên bản họp hội đồng xét duyệt đề tài, sáng kiến nghiên cứu khoa học, hồ sơ thuyết minh các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và danh sách thiết bị, công trình nghiên cứu khoa học đạt giải và các quyết định khen thưởng. Năm 2023, Nhà trường đã nghiệm thu 14 công trình NCKH gồm: 01 đề tài, 02 Sáng kiến kinh nghiệm và 10 bài báo và 01 Tài liệu Giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Bắc Kạn (6.2.01- Phiếu đăng ký đề tài, sáng kiến NCKH của cán bộ, giáo viên năm 2023; 6.2.02- Biên bản họp hội đồng xét duyệt đề tài, sáng kiến NCKH, hồ sơ thuyết minh các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến năm 2023; 6.2.03 - Quyết định số 190/QĐ-CĐBK ngày 17/5/2023 về việc phê duyệt các công trình nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2023; 6.1.06 - Báo cáo kết quả hoạt động NCKH năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Nhà trường đều có bài báo khoa học được đăng trên các Tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước. Trong năm 2023, có 10 bài báo của các cán bộ

giáo viên của Nhà trường được đăng trên các tạp chí trong nước.(6.3.01- Các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được đăng trên các báo, tạp chí khoa học trong năm 2023), cụ thể như các bài báo: “Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác thực tập tốt nghiệp đối sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Bắc Kạn” tác giả Lương Thị Như Quỳnh, Nguyễn Thị Nương đăng trên tạp chí Khoa học công nghệ Hà Nội; Bài báo “ Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Pháp luật cho học sinh hệ Trung cấp GDNN tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn” tác giả Ngô Thị Bích Ngọc đăng trên Tạp chí chuyên ngành; Bài báo “Xu hướng du lịch thông minh thời đại công nghệ tại tỉnh Bắc Kạn”, tác giả Trịnh Thị Thanh Hào, Trần Thị Kim Loan đăng trên tạp chí khoa học quản lý và công nghệ số 26 Quý III/2023, ...

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 1 điểm***

***Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.***

##### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường luôn xác định nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ quan trọng cần được các đơn vị, cán bộ, giảng viên trong nhà trường tập trung thực hiện. Các đề tài sáng kiến từ cấp trường trở lên đều xuất phát từ thực tiễn trong hoạt động đào tạo và các hoạt động phục vụ đào tạo nên cơ bản được ứng dụng ngay trong các hoạt động của Nhà trường. Đặc biệt, các sáng kiến về thiết bị đào tạo nghề tự làm không những được ứng dụng trong quá trình dạy học của Nhà trường mà còn được ứng dụng trong thực tiễn sản xuất vật chất.

(6.2.03 - Quyết định công nhận đề tài nghiên cứu khoa học kèm danh sách năm 2023; 6.1.06 - Báo cáo kết quả hoạt động NCKH năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024)

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 1 điểm***

***Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.***

##### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường có vai trò quan trọng trong việc định hướng sự phát triển của nhà trường theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã có một số hoạt động liên kết đào tạo với Công ty cổ phần Giáo dục và Thương mại Quốc Tế Hinode. Nhà trường và đơn vị liên kết đào tạo Hinode đã triển khai các hoạt động hợp tác, ký cam kết hợp đồng hợp tác đào tạo phát triển nguồn lực lao động đi làm việc tại nước ngoài, với các nội dung trao đổi: Kế hoạch liên kết hợp tác đào

tạo ngoại ngữ Tiếng Nhật, giới thiệu nguồn nhân lực Nhật Bản. Với việc liên kết đào tạo với Công ty cổ phần Giáo dục và Thương mại Quốc Tế Hinode về hợp tác đào tạo phát triển nguồn lực lao động đi làm việc tại nước ngoài, hợp tác đào tạo ngoại ngữ Tiếng Nhật, giới thiệu nguồn nhân lực Nhật Bản đã mở ra một hướng phát triển mới của Nhà trường, góp phần phát triển hoạt động đào tạo của Nhà trường. Vào tháng 5 năm 2023, Nhà trường và Tập đoàn APEC đã hợp tác một số nội dung sau: Phối hợp truyền thông, quảng bá, tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh; Phối hợp trong việc phát triển chương trình đào tạo; Phối hợp trong công tác đào tạo ngành Công nghệ thông tin, du lịch và ngành khác phù hợp với nhu cầu của Công ty; Phối hợp mở mã ngành mới, đặc thù theo thông tư 37/2021/TT-BLĐTBXH; Phối hợp nghiên cứu mở phân hiệu của trường Cao đẳng Bắc Kạn tại các cơ sở của Apec Group; Phối hợp trong việc hỗ trợ các hoạt động của HSSV. Việc liên kết hợp tác đào tạo này có ý nghĩa thiết thực, góp phần giúp Nhà trường giải quyết được việc làm cho học sinh sinh viên sau khi ra trường (6.5.01- Hình ảnh lễ ký kết hợp tác toàn diện giữa doanh nghiệp với nhà trường và khai trương văn phòng đại diện Hinode tại Bắc Kạn; Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Trường Cao đẳng Bắc Kạn và Tập đoàn Apec ngày 24/5/2023; Thỏa thuận hợp tác giữa Trường Cao đẳng Bắc Kạn và Công ty TNHH OS Power Việt Nam ngày 04/8/2022, 6.5.02 - Báo cáo số 03/BC-ĐT ngày 07/12/2023 báo cáo kết quả liên kết đào tạo triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài và tổ chức Quốc tế).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 6: 1 điểm***

### **3.2.7. TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 7**

**Mở đầu:** Trường Cao đẳng Bắc Kạn là đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần kinh phí. Phần lớn nguồn thu của Trường đến từ ngân sách nhà nước bao gồm cả ngân sách thường xuyên và không thường xuyên, nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia. Nguồn ngân sách chủ yếu của nhà trường được cấp đảm bảo tính đủ lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, Bảo hiểm thất nghiệp) và cấp trên số lượng học sinh - sinh viên theo học. Ngoài ra, Trường cũng được hỗ trợ từ các dự án trong giai đoạn 2016-2020 đóng góp vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đào tạo giảng viên...

#### **\* Những điểm mạnh:**

- Nhà trường đảm bảo định mức kinh phí chi cho đào tạo; có hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính và phân bổ chi tiêu đúng quy định;
- Trường thực hiện đầy đủ công tác dự toán hàng năm; thực hiện thu chi, quyết toán, lưu trữ chứng từ đúng quy định của Nhà nước.

- Có quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với các quy định nhà nước.

\* **Những tồn tại:** Chưa thực hiện lập kế hoạch và báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường.

\* **Kế hoạch nâng cao chất lượng:** Lập kế hoạch và báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; Thực hiện kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 7**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 7</b>	<b>5 điểm</b>
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	0 điểm

**Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đảm bảo công tác quản lý, thu chi đúng quy định, Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ. Hàng năm, quy chế chi tiêu nội bộ được góp ý, chỉnh sửa thông qua các hội nghị cán bộ chủ chốt và hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động với sự thống nhất cao của toàn thể cán bộ viên chức người lao động của trường [1.3.03 - Quyết định số 105/QĐ-CĐBK, ngày 31/3/2023 Về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023]; [7.1.01 - Báo cáo công khai tài chính năm 2023].

- Hình thức trường đã thực hiện công khai quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính là:

- + Thông báo trên Bảng tin của nhà trường
- + Thông báo trên Hồ sơ công việc
- + Được tập thể viên chức và người lao động nhất trí và thông qua hội nghị toàn thể cán bộ, viên chức của trường Cao đẳng Bắc Kạn. [7.1.02 - Biên bản hội nghị viên chức, người lao động và triển khai nhiệm vụ năm 2023 ngày 16/01/2023]

- Nội dung thông tin về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính đã được công khai: Bộ phận Kế toán là đơn vị tham mưu trong việc công khai quyết toán, công khai dự toán theo quy định của Bộ Tài chính thông qua các Biểu công khai quyết toán năm. Bên cạnh đó còn có báo cáo công khai tài chính các hoạt động của trường

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường sử dụng phần mềm kế toán HCSN MISA; mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, ngân hàng BIDV Thương mại cổ phần & đầu tư xây dựng Bắc kạn (BIDV), ngân hàng Công thương Bắc Kạn (Viettinbank). Phòng đã tham mưu xây dựng hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính đầy đủ, quản lý theo đúng quy định hiện hành. Ngày 10/10/2017 Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 107/2017-TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và được áp dụng từ ngày 1/1/2018.

- Danh mục các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ các nguồn thu của trường: *[7.2.01 - Danh mục các nguồn thu]*

+ Từ hoạt động dịch vụ đào tạo, liên kết đào tạo: Học phí

+ Sản xuất:

+ Kinh doanh: mô hình sản xuất nấm, nhà màng

+ Dịch vụ: bệnh xá thú y, dịch vụ đào tạo giấy phép lái xe

+ Các nguồn thu đều được phản ánh đầy đủ, kịp thời vào sổ sách kế toán theo quy định. Chi tiêu đúng mục đích, đúng quy định. *[7.2.02 - Biểu mẫu sổ sách theo báo cáo tài chính năm 2023]*

+ Cuối năm được các cơ quan quản lý cấp trên giám sát, thẩm định và đánh giá công tác quản lý chi tiêu nguồn tài chính phù hợp thông qua các bản báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2022 *[7.1.01 - Báo cáo công khai tài chính năm 2023]*; *[7.2.03 - Báo cáo số 189/QĐ-CĐBK, ngày 18/09/2023 kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị theo Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023, kết quả thực hiện công tác 9 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2023]*.

+ Trong năm 2023 Trường có các cuộc kiểm tra việc quản lý sử dụng ngân sách nhà nước tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn *[Quyết định số 22/QĐ-TTrT, ngày 06/01/2023 của Thanh tra tỉnh]*.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính Phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trọng lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Căn cứ Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho Trường Cao đẳng Bắc Kạn, giai đoạn 2021 - 2023; Căn cứ Nghị quyết số: 07/2016/NQ-HĐND ngày 29/4/2016 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc quy định mức thu học phí đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập chưa bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc tỉnh quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021; Căn cứ Công văn số 1865/UBND-KGVX ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 29/4/2016 của HĐND tỉnh.

Trường có kế hoạch dự toán tài chính hàng năm, có các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định, biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán của sở Tài chính [7.3.01 – Kế hoạch số 45/KH-CĐBK, ngày 30/3/2022 Thực hiện nhiệm vụ năm 2022]; [7.1.01 - Báo cáo công khai tài chính năm 2023]; [7.2.03 - Báo cáo số 189/QĐ-CĐBK, ngày 18/09/2023 kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị theo Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023, kết quả thực hiện công tác 9 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2023].

Ngoài ra Trường cũng được hỗ trợ từ các dự án trong giai đoạn 2016-2020 đóng góp vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đào tạo giảng viên.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***



Trường thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định, trường có hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính [7.4.01 - *Hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính*]

Trường thực hiện đầy đủ việc lập dự toán tài chính của năm, khi có chính sách, quy định mới của Nhà nước hoặc có nhiệm vụ mới ngoài kế hoạch giao, trường kịp thời lập dự toán bổ sung và văn bản đề nghị bổ sung kinh phí đáp ứng yêu cầu khi thực hiện. Thực hiện các Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo đúng quy định. Dự toán của Trường được cơ quan quản lý, cơ quan tài chính cấp trên thẩm định và phê duyệt đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Kạn thực hiện kiểm soát chi.

Định kì bộ phận tiến hành lập báo cáo tài chính, sổ quỹ tiền mặt, sổ gửi ngân hàng, báo cáo chi tiết hoạt động, sổ theo dõi sử dụng nguồn kinh phí...Kết thúc niên độ tài chính được in và lưu trữ. Việc lưu trữ chứng từ được thực hiện theo tháng, sổ sách chứng từ được đóng gói và lưu trữ theo hòm từng năm theo quy định.

Bộ phận đánh giá công tác thực hiện thu chi, quyết toán, báo cáo tài chính, công tác lưu trữ chứng từ đúng quy định.

Nhà trường được các cơ quan quản lý cấp trên giám sát, thẩm định và đánh giá công tác thu, chi, lưu giữ chứng từ phù hợp, dự toán của trường được cơ quan quản lý, cơ quan tài chính cấp trên thẩm định và phê duyệt [7.4.02 - *Biên bản xét duyệt quyết toán, thanh kiểm tra*].

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường đã có Kế hoạch về tự kiểm tra công tác tự kiểm tra tài chính [7.5.01 - *Kế hoạch số 38/KH-UBKT ngày 16/12/2022 kiểm tra công tác quản lý sử dụng tài chính, tài sản Công đoàn năm 2022*]. Kết thúc đợt kiểm tra, nhà trường đã có báo cáo kết quả kiểm tra chỉ ra các hạn chế, tồn tại để từ đó khắc phục [7.5.02 - *Báo cáo số 27/BC-CĐBK kết quả tự kiểm tra công tác tài chính Trường Cao đẳng Bắc Kạn*] Nhà trường không thực hiện công tác kiểm toán do không thuộc đối tượng kiểm toán nội bộ. Trong năm 2023, trường có Báo cáo thể hiện trường đã xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền [7.5.05 - *Báo cáo số 265/BC-CĐBK, ngày 11/12/2023 Kết quả khắc phục*

*việc thực hiện Kết luận số 619/KL-TTrT ngày 27/6/2023 của Thanh tra tỉnh Bắc Kạn..]*

Trường đã thực hiện công khai tài chính theo quy định theo thông tư số 61/2017/TT-BTC về hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Các hình thức trường đã thực hiện công khai tài chính theo quy định: Thông qua hội nghị công nhân viên chức, Quyết định công khai tài chính các năm theo quy định [7.5.05- Báo cáo số 265/BC-CĐBK, ngày 11/12/2023 Kết quả khắc phục việc thực hiện Kết luận số 619/KL-TTrT ngày 27/6/2023 của Thanh tra tỉnh Bắc Kạn; 7.1.02 - Biên bản hội nghị cán bộ công chức, viên chức]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường có các báo cáo quyết toán, bảng đối chiếu tình hình sử dụng ngân sách với kho bạc nhà nước, biên bản kiểm quỹ hàng tháng, biên bản thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, biên bản thanh, kiểm tra, kiểm toán hàng năm về công tác tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. [1.1.04 - Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC- CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024]. Tuy nhiên, trong năm 2023, nhà trường chưa xây dựng kế hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của nhà trường.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: 0 điểm***

**3.2.8. TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC**

\* **Mở đầu:** Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch, tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu năm cho HSSV, trong tuần học này HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khoá học; được phổ biến đầy đủ về quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, nội quy, quy định của Trường; các chế độ chính sách có liên quan đến HSSV. Khu Ký túc xá của nhà trường được trang bị đầy đủ điện, nước sinh hoạt, nhà vệ sinh, đảm bảo an ninh trật tự và thường xuyên được sửa chữa, nâng cấp đáp ứng được nhu cầu của HSSV ở nội trú. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học được quan tâm, trường có cán bộ y tế trực thường xuyên kịp thời sơ cứu và bảo vệ sức khỏe cho người học, bên cạnh đó nhà trường còn phối hợp với bệnh viện tổ chức khám sức khỏe cho HSSV mới nhập học. Trường

có các khu thể thao (nhà thi đấu, sân bóng đá) phục vụ người học rèn luyện sức khỏe và nhu cầu vui chơi giải trí.

HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khoá học; Được phổ biến đầy đủ về quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, nội quy, quy định của Trường, các chế độ chính sách có liên quan đến HSSV.

**\* Những tồn tại:**

Trong thời gian đầu năm học, một số học sinh sinh viên được gọi nhập học bổ sung nên không tiếp thu một cách đầy đủ các nội quy, quy định của Nhà trường.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Nhà trường tiếp tục tăng cường giáo dục HSSV một cách toàn diện, đa dạng hóa các hình thức quản lý và nắm bắt tình hình HSSV, thay đổi phương pháp kiểm tra, đánh giá và xử lý HSSV.

Tăng cường tổ chức các hoạt động giới thiệu việc làm cho HSSV tốt nghiệp, kết nối các doanh nghiệp giúp HSSV tốt nghiệp tìm kiếm việc làm.

**Điểm đánh giá tiêu chí 8:**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 8</b>	<b>8 điểm</b>
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	1 điểm
Tiêu chuẩn 7	1 điểm
Tiêu chuẩn 8	1 điểm
Tiêu chuẩn 9	0 điểm

**Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và khu vực, nhà trường xác định người học là trung tâm của hoạt động đào tạo. Vì vậy, vào đầu mỗi năm học mới, học sinh sinh viên đều được cung cấp những thông tin cần thiết về trường, khoa, về các ngành nghề, chương trình đào tạo, các quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp [2.12.01. Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp; 2.12.02. Quy chế đánh giá điểm rèn luyện đối với học sinh sinh viên]. Các văn bản của trường liên quan đến chế độ chính sách đối với người học. Theo kế hoạch chính huấn đầu khóa, học sinh, sinh viên được phổ biến đầy đủ các nội quy, quy định của trường ngay từ đầu khóa học như [8.1.01. Kế hoạch 137/KH-CĐBK ngày 13/7/2023 Kế hoạch tập trung nhập học và đào tạo đợt 1, năm học 2023-2024; Thông báo 152/TB-CĐBK ngày 11/8/2023 Thông báo v/v tổ chức nhập học đợt 2, năm 2023-2024.]; [8.1.02. QĐ số 359/QĐ-CĐBK ngày 29/6/2022 QĐ V/v Ban hành chương trình đào tạo ngành/ nghề: Công nghệ Kỹ thuật cơ khí trình độ: Cao đẳng, cao đẳng liên thông, Trung cấp; QĐ số 728/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 QĐ V/v Ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng; QĐ số 397/QĐ-CĐBK ngày 31/8/2021 QĐ V/v Ban hành chương trình đào tạo ngành/ nghề: Điện công nghiệp (sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp;

QĐ số 393/QĐ-CĐBK ngày 31/8/2021 QĐ V/v Ban hành chương trình đào tạo ngành/ nghề: Công nghệ ô tô (sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp; QĐ số 394/QĐ-CĐBK ngày 31/8/2021 QĐ V/v Ban hành chương trình đào tạo ngành/ nghề: Trồng trọt & BVTV (sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp.]; [8.1.03. Quyết định số 70/QĐ – CĐBK ngày 19/5/2020 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v ban hành Quy chế công tác HSSV]; [8.1.04. Quyết định số 229/QĐ – CĐBK ngày 09/7/2020 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v ban hành Quy chế quản lý HSSV nội trú]. [8.1.05. Nội quy KTX, giảng đường, thư viện, xưởng thực hành được niêm yết công khai]; [8.1.06. Quyết định số 133/QĐ-CĐBK ngày 14 tháng 3 năm 2022 Ban hành Quy định về thực hiện chế độ chính sách cho HSSV trường CĐBK; Quyết định số 191/QĐ-CĐBK ngày 17/5/2023 QĐ ban hành quy định về chính sách ưu đãi cho học sinh tham gia học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn]. Ngoài ra, HSSV cũng có thể tìm hiểu thêm thông tin trên website của trường. Từ đó, các tân học sinh sinh viên có thể định hướng cho mình trong việc lựa chọn và học tập.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

HSSV khi tham gia học tập tại trường được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước, HSSV được miễn, giảm học phí, chi trả trợ cấp xã hội. Năm 2023, Nhà trường đã thực hiện chính sách miễn giảm học phí cho 284 học sinh, sinh viên theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, 264 HSSV hưởng chính sách nội trú theo Quyết định số

53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ và 87 sinh viên được hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP; thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học trung cấp cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết số: 02/2019/NQ-HĐND ngày 17/04/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh, chi trả cho 362 em (*trong đó hệ trung cấp: 342 em, cao đẳng: 20 em*). Căn cứ điều kiện thực tế, để đảm bảo phù hợp, Trường đã có văn bản trình Sở lao động TB&XH xin điều chỉnh mức hỗ trợ cho các em học sinh sinh viên từ mức 30% lên 50% theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND [1.1.04. Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường]; [8.2.01. Quyết định số 133/QĐ-CĐBK ngày 14 tháng 3 năm 2022 Ban hành Quy định về thực hiện chế độ chính sách cho HSSV trường CĐBK; Quyết định số 191/QĐ-CĐBK ngày 17/5/2023 QĐ ban hành quy định về chính sách ưu đãi cho học sinh tham gia học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn ] [8.2.02. Quyết định 126/QĐ-CĐBK ngày 17/4/2023 QĐ V/v phê duyệt danh sách và thực hiện chi trả chính sách nội trú cho HSSV (đợt 1) năm 2023 (theo QĐ số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Chính phủ); Quyết định 127/QĐ-CĐBK ngày 17/4/2023 QĐ V/v phê duyệt danh sách và thực hiện chi trả chính sách nội trú cho HSSV (đợt 1) năm 2023 (theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND); Quyết định 128/QĐ-CĐBK ngày 17/4/2023 QĐ V/v miễn giảm học phí cho HSSV (tốt nghiệp THPT) năm 2023 (Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Quyết định 263/QĐ-CĐBK ngày 22/6/2023 QĐ V/v điều chỉnh danh sách và thực hiện tri trả hỗ trợ cho HS lớp Nhà hàng, Khách sạn năm 2022, 2023 (Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND)].

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong quá trình học tập HSSV đạt kết quả cao và có thành tích trong học tập được nhà trường khen thưởng, khen thưởng HSSV đạt kết quả cao trong học tập, có thành tích cao trong phong trào thi đua và rèn luyện, HSSV đạt học bổng [8.3.01. Quyết định số 132/QĐ-CĐBK ngày 11 tháng 3 năm 2022 V/v ban hành Quy định về học bổng khuyến khích học tập trong trường CĐBK]; [8.3.02. Quyết định số 353/QĐ-CĐBK ngày 4/8/2023 Quyết định v/v Khen thưởng sinh viên lớp cao đẳng liên thông Điện CN K3 đạt kết quả cao trong học tập, khóa học 2021-2022].

HSSV đạt thành tích cao trong phong trào thi đua học tập và rèn luyện [8.3.03. Quyết định số 82/QĐ-CĐBK ngày 16/3/2023 Quyết định v/v công nhận kết quả rèn luyện học kỳ II (Bổ sung) cho HSSV lớp CĐLT ĐCN k3, TCTT & BVTV K18 năm học 2021-2022; Quyết định số 121/QĐ-CĐBK ngày 13/4/2023 Quyết định v/v công nhận kết quả rèn luyện học kỳ I cho HSSV năm học 2022-

2023; Quyết định 151/QĐ-CĐBK ngày 27/4/2023 quyết định v/v cấp Học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2021-2022(bổ sung) cho HSSV lớp CĐLT ĐCN k3, TCTT & BVTV K18; 8.3.04. Quyết định 151/QĐ-CĐBK ngày 27/4/2023 quyết định v/v cấp Học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2021-2022(bổ sung) cho HSSV lớp CĐLT ĐCN k3, TCTT & BVTV K18].

Trong quá trình học tập tại trường, người học được hỗ trợ chính sách kịp thời. Khảo sát lấy ý kiến v/v thực hiện CĐCS cho HSSV, kết quả khảo sát đều cho phản hồi tốt từ phía người học [8.3.05.Kế hoạch số: 55 ngày 21/06/2023 của Khoa Cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; Hoạt động dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên; Mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Các dịch vụ cho người học; Kế hoạch số: 37 ngày 7/7/2023 của Khoa Cơ điện Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo thuộc Khoa Cơ điện năm 2023.

Báo cáo số 14/BC-CTHSSV ngày 28/9/2023 Báo cáo Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo về hoạt động của thư viện, khảo sát HSSV về chính sách hỗ trợ kịp thời, về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX, về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội khi học tại trường].

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân**

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm nhà trường có thông báo tuyển sinh để các e có nhu cầu nộp hồ sơ đăng ký học; Khi tham gia học tập tại trường Cao đẳng Bắc Kạn. Tất cả HSSV đều được tôn trọng, đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Tất cả HSSV đều được tự vấn lựa chọn nghề phù hợp với khả năng, sở thích; được tham gia các hoạt động phong trào theo năng lực sở trường; được vào ở ký túc xá theo yêu cầu, được chăm sóc sức khỏe theo quy định: [2.3.03.Thông báo số 47/TB-CĐBK ngày 24/7/2023 Thông báo tuyển sinh]; [8.1.03. Quy chế học sinh sinh viên; 8.1.05. Nội quy ký túc xá, giảng đường, thư viện, xưởng thực hành được niêm yết công khai]; [8.4.02. Kế hoạch số 55 ngày 21/06/2023 của Khoa Cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; Hoạt động dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên; Mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Các dịch vụ cho người học; Kế hoạch số 37 ngày 7/7/2023 của Khoa Cơ điện Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo thuộc Khoa Cơ điện năm 2023; Báo cáo số 14/BC-CTHSSV ngày 28/9/2023 Báo cáo Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo về hoạt động của thư viện, khảo sát HSSV về chính

*sách hỗ trợ kịp thời, về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX, về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội khi học tại trường].*

Hàng năm có báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ của Nhà trường [1.1.04. Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường].

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.**

##### ***\* Mô tả, phân tích, nhận định:***

Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu cho sinh hoạt và học tập của người học. KTX cơ sở 1 diện tích là 749.54 m<sup>2</sup>, cơ sở 2 là 3.138 m<sup>2</sup>, có đủ phòng ở cho HSSV, mỗi phòng ở có 08 HSSV. KTX được trang bị hệ thống wifi phục vụ cho các e tra cứu thông tin học tập, giải trí. Hàng tháng, hỗ trợ 3 m<sup>3</sup> nước/ 01 HSSV, 10 số điện/ 01 HSSV ở nội trú. Trường có 02 cơ sở (cơ sở 1 có 02 khu KTX A và B, cơ sở 2 có nhà 2 tầng) được xây dựng theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng và đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu ăn ở cho HSSV ở nội trú; Có báo cáo tháng, năm của phòng trong đó có nội dung về KTX [8.5.01. Hồ sơ thiết kế KTX]; [8.5.02. Danh sách HSSV ở KTX]; [8.5.03. Báo cáo số 15/BC - CTHSSV ngày 28/11/2022 của Phòng CTHSSV Báo cáo kiểm điểm tập thể năm 2022, trong đó có nội dung đánh giá về ký túc xá]; Nhà trường đã tiến hành khảo sát người học về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX. Hầu hết HSSV đều tham gia khảo sát và cho kết quả phản hồi: KTX đảm bảo điều kiện cho sinh hoạt, học tập.[8.5.04. Kế hoạch số 55 ngày 21/06/2023 của Khoa Cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; Hoạt động dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên; Mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Các dịch vụ cho người học; Kế hoạch số 37 ngày 7/7/2023 của Khoa Cơ điện Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo thuộc Khoa Cơ điện năm 2023.

Báo cáo số 14/BC-CTHSSV ngày 28/9/2023 Báo cáo Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo về hoạt động của thư viện, khảo sát HSSV về chính sách hỗ trợ kịp thời, về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX, về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội khi học tại trường].

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có phòng y tế, 01 cán bộ Y tế. Phòng y tế luôn đảm bảo công tác khám chữa bệnh ban đầu, có thuốc thiết yếu cho học sinh, sinh viên theo quy định. Ngoài ra, phòng y tế còn thực hiện chế độ BHYT và BHTT cho HSSV, CBGV, Cán bộ GV, nhân viên nhà trường hàng năm đều được khám sức khỏe định kỳ, nhằm phát hiện sớm bệnh tật [8.6.01 Quyết định số 05/QĐ – CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v thành lập phòng Công tác HSSV]. [8.6.02. Ảnh chụp phòng Y tế]; [8.6.03. Sổ cấp phát thuốc HSSV và CBGV năm 2021 lưu tại phòng Y tế]; [8.6.04. Danh sách HSSV tham gia BHYT, BH thân thể]; [8.6.05. Hồ sơ cán bộ y tế] [8.6.06. Thông báo số 182/TB-CĐBK ngày 22/9/2023, TB V/v Khám sức khỏe đầu năm học cho HSSV mới nhập học; Báo cáo 215/BC-CĐBK ngày 26/10/2023 Báo cáo Tổng hợp khám sức khỏe HSSV năm học 2023-2024 ]; [ 8.6.07. Bảng kê danh mục thuốc và các thiết bị y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe người học]. Kết thúc năm học, phòng CTHSSV làm báo cáo công tác y tế của năm học đó [8.6.08. Báo cáo 130/BC-CĐBK ngày 6/7/2023 Báo cáo kết quả thực hiện công tác y tế trường học năm học 2022-2023].

Nhà trường có nhà ăn và căng tin đặt trong trường phục vụ nhu cầu sinh hoạt và học tập cho HSSV toàn trường. Nhà trường được sở y tế cấp chứng nhận bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm [8.6.10- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 12/2020/ATTP-CNĐK ngày 25/01/202023] Trường có căng tin với diện tích 503m<sup>2</sup> phục vụ ăn uống cho người học ngày ba bữa: sáng, trưa, tối cùng các nhu cầu thiết yếu và sinh hoạt hằng ngày của HSSV [8.6.09 - Hợp đồng cung cấp dịch vụ ăn uống]; Nhân viên nấu ăn và phục vụ Căng tin là những người đã được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhà ăn của trường rộng rãi thoáng mát, sạch sẽ đáp ứng nhu cầu ăn uống, vệ sinh, tiết kiệm cho HSSV ở KTX, có Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, từ trước đến nay chưa xảy ra bất cứ một vụ ngộ độc thực phẩm nào; [8.6.11 - Báo cáo đánh giá công tác phục vụ của căng tin].

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhằm khuyến khích HSSV tham gia thể dục, thể thao, vui chơi giải trí, rèn luyện thể chất cho HSSV trong khuôn viên nhà trường luôn được chú trọng, quan tâm. Học sinh, sinh viên được tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tình nguyện, tham gia vào các cuộc thi tìm hiểu về các vấn đề xã hội...do các tổ chức đoàn thể nhà trường tổ chức thông qua các cuộc



giao lưu, kỷ niệm các ngày lễ lớn (Khai giảng, 26/3; 20-11...) tạo không khí vui tươi, phấn khởi động viên học sinh sinh viên tích cực trong học tập, rèn luyện [8.7.01. Báo cáo số 03/BC – CTHSSV V/v cung cấp thông tin khu thể thao, văn nghệ trường CĐBK năm 2022] ; [8.7.02. Kế hoạch số 32/KH-ĐTN ngày 15/5/2023 Kế hoạch tổ chức chiến dịch thanh niên tình nguyện hè năm 2023; Kế hoạch số 83/KH-CĐBK ngày 11/4/2023 Kế hoạch thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tại xã Nghiên Loan huyện Pác Nặm năm 2023]; [8.7.05. KH số 55 ngày 21/06/2023 của Khoa Cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; Hoạt động dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên; Mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Các dịch vụ cho người học; Kế hoạch số: 37 ngày 7/7/2023 của Khoa Cơ điện Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo thuộc Khoa Cơ điện năm 2023.

*Báo cáo số 14/BC-CTHSSV ngày 28/9/2023 Báo cáo Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo về hoạt động của thư viện, khảo sát HSSV về chính sách hỗ trợ kịp thời, về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX, về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội khi học tại trường].*

Công tác An ninh trường học cũng được nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng năm, nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan an ninh địa phương trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, xử lý các vụ việc liên quan đến học sinh sinh viên. Trong những năm qua công tác an ninh trật tự của nhà trường được đảm bảo, không có các sự việc nghiêm trọng xảy ra: [8.7.03. KH số 166/KHPH-CAP-CĐBK ngày 8/9/2022 Kh Phối hợp giữa Trường CĐBK với Ban CA phường Sông Cầu, CA phường Phùng Chí Kiên về thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và an toàn Xã hội giai đoạn 2022-2026; 8.7.04. Báo cáo 113/BC-CĐBK ngày 21/7/2022 Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong cơ sở giáo dục].

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 8: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Bắc Kạn quan tâm triển khai đạt hiệu quả công tác tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp, đồng thời thiết lập và duy trì tốt mối liên hệ giữa Nhà trường với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sử dụng lao động (nhà tuyển dụng) làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; tạo môi trường để nhà tuyển dụng tiếp cận với nguồn nhân lực do nhà trường đã và đang đào tạo; qua đó, nhà tuyển dụng có thể

trao đổi thông tin và ký kết hợp đồng ghi nhớ tuyển dụng hoặc trực tiếp tuyển dụng lao động. Nhà trường cũng tạo điều kiện cho người học được tiếp nhận và trao đổi thông tin cần thiết về cơ hội việc làm, quy trình, điều kiện tuyển dụng của các đơn vị, doanh nghiệp cũng như công khai quy trình đánh giá, công nhận tay nghề của HSSV qua các kỳ thi tốt nghiệp với các nhà tuyển dụng. (8.8.01 - Kế hoạch số 215/KH-CĐBK ngày 16/11/2022 tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học năm học 2022-2023; 8.8.02 - Hợp đồng cung ứng lao động cho các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động năm 2023; 1.1.03 - Thông báo số 1396/TB-CĐTKV ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam thông báo tuyển dụng lao động, cử đi đào tạo nghề, bố trí việc làm năm 2022; Thông báo tuyển dụng lao động làm việc tạo công ty Vard Vũng Tàu; Thông báo tuyển lao động xuất khẩu đi châu Âu của Công ty Cổ phần cung ứng nhân lực quốc tế và thương mại; 8.8.03 - Báo cáo số 04/BC-ĐT ngày 07/12/2023 báo cáo kết quả công tác trợ giúp giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp).

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 8: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.9: Hàng năm trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng**

##### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Năm 2023, do sự sắp xếp lại nhân sự giữa các phòng khoa, đặc biệt là có sự thay đổi vị trí việc làm đồng chí Trưởng phòng Đào tạo phụ trách công tác tuyển sinh và hợp tác doanh nghiệp chuyển đơn vị khác nên bộ phận hợp tác doanh nghiệp kiêm tuyển sinh chỉ tập trung vào công tác tuyển sinh, chưa phối hợp tổ chức được hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 8: 0 điểm***

##### **3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng**

###### ***\* Mở đầu:***

Công tác giám sát, đánh giá chất lượng nhà trường luôn được lãnh đạo trường quan tâm hàng đầu, hàng năm việc giám sát, đánh giá và cải thiện nâng cao chất lượng trường được thực hiện bài bản thông qua:

Hàng năm trường thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề thông qua hệ thống tiêu chí của Bộ lao động TBXH để xác định điểm tồn tại và đưa ra biện pháp cụ thể khắc phục.

Trường thực hiện thu thập ý kiến học sinh, sinh viên đang học, học sinh sinh viên đã tốt nghiệp đi làm và các doanh nghiệp có học sinh sinh viên trường làm việc...để thông qua đó điều chỉnh chương trình đào tạo, điều chỉnh phương pháp

giảng dạy, điều chỉnh các hoạch động dịch vụ như: nhà ăn, thư viện, KTX...tốt hơn và thực hiện tốt hơn, kịp thời hơn chế độ chính sách đối với người học.

**\* Những điểm mạnh:**

Hàng năm trường tổ chức tự đánh giá chất lượng cơ sở theo các tiêu chí của BLĐTBOXH; Trường thực hiện lắng nghe sinh viên, thu thập ý kiến từ cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên và doanh nghiệp để điều chỉnh chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường.

**\* Những tồn tại:**

Công tác khảo sát lắng nghe sinh viên gặp nhiều khó khăn vì học sinh sinh viên ra trường thay đổi chỗ làm nhiều, thay số điện thoại nhiều nên công tác tiếp cận gặp nhiều khó khăn.

**\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tăng cường công tác khảo sát việc làm đối với HSSV tốt nghiệp, kết nối các doanh nghiệp để hỗ trợ HSSV tìm kiếm việc làm phù hợp.

**Điểm đánh giá tiêu chí 9**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 9</b>	<b>5 điểm</b>
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	0 điểm

**Tiêu chuẩn 9.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để xác định mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại các đơn vị sử dụng lao động, hàng năm Trường đều tổ chức thu thập ý kiến các đơn vị sử dụng lao động. Trên cơ sở kết quả khảo sát hàng năm cho thấy năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp đang làm việc tại các đơn vị được đánh giá đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc. (9.1.01. Bộ minh chứng khảo sát đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động (bao gồm Kế hoạch, phiếu điều tra, Báo cáo kết quả; 9.1.02 - Danh sách đơn vị sử

*dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, trong đó nêu rõ: tên; địa chỉ; số lượng, tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động)*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 9: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 9.2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.**

***\* Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nhà trường. Vì vậy việc lấy ý kiến của họ về các chính sách liên quan đến dạy và học; chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động cần phải được thực hiện thường xuyên. Làm được điều này sẽ góp phần nâng cao được chất lượng, hiệu quả công việc, tạo được tư tưởng thoải mái, yên tâm công tác trong đội ngũ cán bộ, giảng viên.

Trong năm 2023, Trường tổ chức thu thập ý kiến của 98 cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động, kết quả cho thấy tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động đều ghi nhận Nhà Trường đều thực hiện tốt và đầy đủ, đúng quy định, công khai và minh bạch các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động . [9.2.01- Kế hoạch số 142/KH-CĐBK, ngày 26/7/2023 Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; Báo cáo số 181/BC-CĐBK ngày 08/9/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (khảo sát online); 9.2.02. Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm; 9.2.03. Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến– tại đường link:

<https://docs.google.com/forms/d/153vsk8dhpVQqtnoUxnQtHwITnWEAGmX-gpOx8p0wvfo/edit#responses>].

Đây là dịp để nhà trường thu thập ý kiến của cán bộ, giáo viên, viên chức, người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học; chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; qua đó nhằm có ý kiến đề xuất với cơ quan quản lý cấp trên để có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 9: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Những năm học vừa qua, Nhà trường triển khai có hiệu quả hoạt động khảo sát lấy ý kiến đánh giá của người học về chương trình đào tạo và dịch vụ giáo dục mà Trường cung cấp như chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; bởi vì Nhà trường nhận thức rõ ràng rằng hoạt động khảo sát ý kiến đánh giá của HSSV đang học tại trường và các cựu HSSV là cơ sở để Trường biết được những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy và những hạn chế cần được khắc phục để nâng cao chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học (9.3.01 - *Danh sách HSSV khối GDNN năm học 2022 - 2023*; 9.3.02 *Kế hoạch số 37/KH-KCĐ ngày 07/7/2023 Khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về mức độ đáp ứng công việc và sự phù hợp về phương pháp đào tạo, chương trình giáo trình đào tạo thuộc khoa Cơ điện năm 2023*; *Kế hoạch số 55/KH-CGĐB ngày 21/6/2023 về việc khảo sát người học, doanh nghiệp, nhà giáo và cán bộ quản lý về việc đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, lượng kiến thức, sự phân bổ thời gian, đáp ứng nhu cầu việc làm sau khi tốt nghiệp, ... của chương trình đào tạo nghề CNOTO*); 9.3.03 - *Báo cáo số 01/BC-PĐT ngày 02/10/2023 báo cáo về kết quả thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học*, *Báo cáo số 74/BC-CGĐB ngày 15/9/2023 kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, doanh nghiệp, nhà giáo, cán bộ quản lý về việc đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, lượng kiến thức, sự phân bổ thời gian, đáp ứng của chương trình, giáo trình, nhu cầu việc làm đối với học sinh đang học tại trường*; *Báo cáo số 15/BC-NL ngày 20/9/2023 báo cáo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp thuộc khoa Nông lâm tại các đơn vị sử dụng lao động*; 9.3.04 - *Danh sách khảo sát sinh viên cuối khóa học các lớp trung cấp khóa 18 (2021-2023)*).

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 9: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.**

***\* Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thực hiện Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐ ngày 15/12/2017 của Bộ

trường Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023. Tất cả các đơn vị trong Trường đều thực hiện công tác tự đánh giá theo các nội dung được phân công trong Kế hoạch. (9.4.01. Quyết định số 45/QĐ-CĐBK ngày 09/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023; 9.4.02. Kế hoạch số 33/KH-CĐBK ngày 22/02/2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn về tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023; 9.4.03. Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN của các đơn vị; 9.4.04. Báo cáo TĐG chất lượng CSGDNN của Trường CĐ Bắc Kạn năm 2023). Báo cáo tự đánh giá của nhà trường được công khai trên hệ thống hồ sơ công việc của nhà trường (9.4.05. Địa chỉ trên trang website, hệ thống quản lý văn bản và HSCV về công khai báo cáo tự đánh giá <https://hscvcdbk.backan.gov.vn/CDBK/qlvb/index.nsf/Default?openForm>)

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 9: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 9.5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, nhà trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng theo quy định, có kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá. Năm 2023, khắc phục những hạn chế của năm 2022 trong công tác quản lý đào tạo, Phòng Đào tạo đã xây dựng kế hoạch và thực hiện thành công các giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2022 - 2023 như phối hợp với các phòng, khoa kiểm tra việc thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra việc ghi chép biểu mẫu sổ sách, chỉnh sửa chương trình đào tạo, đẩy mạnh công tác liên kết đào tạo với các đơn vị trong nước và quốc tế....(9.4.04 - Báo cáo Tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023; 9.5.01 - Kế hoạch số 09/KH-CĐBK ngày 29/9/2022 về việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2022-2023; 9.5.02 - Báo cáo số 02/BC-PĐT ngày 04/10/2023 báo cáo cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2022-2023).

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 9: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát đối với HSSV tốt nghiệp để nắm bắt tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường. Tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp có sự khác nhau giữa các nghề, cụ thể 85,7% đối với sinh viên ngành Mầm non, 84% đối với học sinh học nghề Chế biến món ăn, 38,4% đối với học sinh nghề Công nghệ ô tô, 38,2% đối với học sinh nghề Điện, 35,7% đối với học sinh Khoa Nông lâm. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo còn thấp. (9.6.01 - Bộ minh chứng về công tác điều tra lần vết học sinh sinh viên đã tốt nghiệp về sự phù hợp của việc làm với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo (Bao gồm: Kế hoạch, Phiếu điều tra, Báo cáo kết quả); 2.14.05. Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm theo danh sách ).

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 9: 0 điểm**

**PHẦN III**  
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CỦA**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN**

1. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các Quy chế, quy định của Trường.
2. Khuyến khích cán bộ, giáo viên thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao tỉ lệ giáo viên giỏi ngoại ngữ, có trình độ thạc sỹ và năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học cao.
3. Thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo.
4. Thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định
5. Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 phù hợp định hướng phát triển trường Cao đẳng Bắc Kạn và các quy định hiện hành.
6. Cơ sở vật chất trường, thiết bị đào tạo các nghề đã được đầu tư lâu năm nên cần nhiều nguồn lực để đầu tư thực hiện sửa chữa, cải tạo và mua sắm thay thế kịp thời. Tích cực tìm kiếm các nguồn lực đầu tư để từng bước cải thiện cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu đào tạo của nhà trường.
7. Xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn đối với các công trình hư hỏng, xuống cấp đặc biệt là khu vực ký túc xá học sinh
8. Thực hiện đánh giá định kỳ về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng dụng cụ, thiết bị
9. Tiếp tục tiến hành trồng thêm mới, duy trì cây xanh, thảm cỏ hiện có của nhà trường, phù hợp thổ nhưỡng, thân thiện môi trường.
10. Tiếp tục tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát công tác sửa chữa, bảo dưỡng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường, chủ động phối hợp cơ quan chuyên môn kiểm tra, đánh giá hệ thống Hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý nước thải (nếu có).
11. Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát của trường đối với các đơn vị quản lý, sử dụng tài sản nhằm nâng cao nhận thức người sử dụng tài sản đúng các quy định hiện hành.
12. Lập kế hoạch và báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; Thực hiện kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.
13. Xây dựng các quy chế, quy định nhằm khuyến khích tăng nguồn thu và tạo nguồn thu mới.
14. Phối hợp với các đơn vị quản lý hiệu quả các nguồn thu hiện có để làm cơ sở bù đắp chi thường xuyên và duy trì nguồn tài chính của nhà trường. Tiếp



tục hoàn thiện việc đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật khi được ban hành và triển khai áp dụng.

15. Phân đầu xây dựng thư viện điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu của người học và nhà giáo.

16. Trường tiếp tục khảo sát các đơn vị doanh nghiệp có sử dụng sinh viên của trường đã tốt nghiệp về mức độ đáp ứng công việc tại đơn vị để nắm bắt thông tin doanh nghiệp và có những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

## Phần IV

### KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### 1. Kết luận

Trường Cao đẳng Bắc Kạn luôn xác định công tác tự đánh giá là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên chứ không phải là đích đến. Mỗi học kỳ, mỗi năm học đều phải căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định để rà soát các hoạt động dạy nghề, đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại, qua đó từng bước khắc phục và phát huy những ưu thế của trường. Xem công tác tự đánh giá là một nhân tố không thể thiếu được trong sự phát triển của của nhà trường, là động lực để trường hoàn thành mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn phát triển.

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường, xác định mức độ trường đáp ứng mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định, giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của trường. Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá của Trường, các cơ quan chức năng đánh giá và công nhận Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định; đồng thời, người học có sự lựa chọn chính xác vào học và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực. Trường Cao đẳng Bắc Kạn luôn bám sát mục tiêu đề ra, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của trường, đáp ứng nguồn nhân lực cho xã hội.

Trong quá trình tự đánh giá chất lượng CSGDNN, Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã tuân thủ theo Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN được quy định Thông tư số và theo hướng dẫn tại Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 25/03/2019 về việc Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng.

Báo cáo Tự đánh giá của Trường đã được tập thể cán bộ, giảng viên, nhân viên góp ý xây dựng với tinh thần trách nhiệm. Tất cả đều thống nhất kết quả đánh giá như sau: Có 92/100 điểm đạt. Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CSGDNN Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã nhất trí đánh giá Trường Cao đẳng Bắc Kạn đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

#### 2. Kiến nghị

- Tự đánh giá chất lượng CSGDNN là việc làm thường xuyên hàng năm của các trường, để thuận lợi cho các cơ sở, kính đề nghị Cục kiểm định chất lượng sớm mở thêm các lớp đào tạo kiểm định viên CSGDNN và kiểm định viên chương trình đào tạo để tạo điều kiện cho các trường có đủ nhân lực thực hiện tự đánh giá chất lượng, đáp ứng yêu cầu hàng năm.

Số: /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

V/v kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp  
Trường Cao đẳng Bắc Kạn, năm 2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 15/2021/TT – BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Bắc Kạn, năm 2023 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 45/QĐ-CĐBK ngày 09/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 4.** Trưởng các phòng, khoa và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 4 (t/h);

- BGH (chỉ đạo);

Gửi bản giấy:

- Lưu: VT, TTr-KT&ĐBCL (Hiền).

**KT HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Bé Ngọc Tuấn**

**DANH SÁCH**  
**Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp**  
**Trường Cao đẳng Bắc Kạn, năm 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐBK ngày tháng 6 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Chức vụ trong Hội đồng</b>
1	Ông Bê Ngọc Tuấn	Phó Hiệu trưởng phụ trách	Chủ tịch HĐ
2	Ông Ngô Đăng Thanh	Trưởng Phòng TTr-KT&ĐBCL	Phó Chủ tịch HĐ
3	Bà Lê Thị Hiền	Viên chức Phòng TTr-KT&ĐBCL	Thư ký
4	Ông Phí Hồng Hải	Trưởng Phòng Đào tạo	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Trưởng Phòng TC-HC	Ủy viên
6	Bà Ngô Thị Bích Ngọc	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng CTHSSV	Ủy viên
7	Ông Lý Quang Tiến	Trưởng Khoa Cơ Điện	Ủy viên
8	Ông Vũ Xuân Nghĩa	Phó trưởng khoa, phụ trách Khoa Cơ giới đường bộ	Ủy viên
9	Bà Vũ Thị Hồng Lê	Trưởng Khoa Tổng hợp	Ủy viên
10	Bà Phan Thị Nguyệt Anh	Trưởng Khoa Sư phạm	Ủy viên
11	Ông Lê Văn Nhã	Trưởng Khoa Nông Lâm	Ủy viên
12	Ông Nguyễn Văn Nam	Giám đốc Công ty TNHH Nam Huế	Ủy viên
13	Ông Nguyễn Xuân Thủy	Công ty thủy điện Sứ Pán 1	Ủy viên

(Danh sách ấn định: 13 người)./.

Số: /KH-CĐBK

Bắc Kạn, ngày tháng 02 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023**

#### **I. CÁC CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng;

- Nghị quyết số 64-NQ/ĐH ngày 21/6/2021 của Đảng bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020-2025;

- Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 01/NQ-CĐBK ngày 18/01/2023 Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm 2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn;

- Quyết định số 45/QĐ-CĐBK ngày 09/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023.

#### **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, nhân viên và học sinh, sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá và các điều kiện đảm bảo chất lượng của trường Cao đẳng Bắc Kạn qua đó huy động tất cả các cá nhân, đơn vị trong toàn trường cùng có trách nhiệm thực hiện.

- Thu thập, xử lý các thông tin minh chứng để tự đánh giá chất lượng của nhà trường trên cơ sở đối chiếu, so sánh với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN của trường cao đẳng do Tổng cục GDNN ban hành.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định đã đạt được, đồng thời đề xuất biện pháp khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, qua đó nhằm hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn,

tiến tới xây dựng trường Cao đẳng Bắc Kạn thành trường vững mạnh toàn diện, khẳng định được uy tín và thương hiệu của Nhà trường.

## **2. Yêu cầu**

- Đánh giá toàn bộ hoạt động của các tổ chức đoàn thể, đơn vị phòng, khoa tại trường Cao đẳng Bắc Kạn do đó bắt buộc tất cả tổ chức đoàn thể, đơn vị phòng, khoa và các cá nhân đều phải tham gia.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 15/2017/TT – BLĐTBXH, ngày 08/6/2017 của Bộ LĐ-TB&XH. Đặc biệt, yêu cầu các đơn vị, cá nhân khi thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng cần nghiên cứu kỹ hướng dẫn tại Phụ lục Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục GDNN.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá được công khai trong nội bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của Sở LĐ-TB&XH tỉnh Bắc Kạn, Tổng cục GDNN và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

## **III. CÔNG CỤ TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

2. Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐ-TB&XH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

3. Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng ban hành kèm theo Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục GDNN.

## **IV. QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ**

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành, cụ thể như sau:

### **1. Công tác chuẩn bị**

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN (sau đây gọi tắt là Hội đồng TĐG).

- Xây dựng Kế hoạch TĐG của trường.

- Hướng dẫn hoặc tập huấn về kỹ năng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN cho các đơn vị (nếu các đơn vị thấy cần thiết).

### **2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng**

- Các tổ chức đoàn thể, các đơn vị phòng, khoa (sau đây gọi tắt là đơn vị) xây dựng Kế hoạch tự đánh giá của đơn vị trên cơ sở Kế hoạch chung của trường và thực hiện tự đánh giá tại đơn vị.

- Sau khi các đơn vị hoàn thiện báo cáo công tác tự đánh giá (được Hội đồng TĐG nghiệm thu), Phòng Thanh tra - Khảo thí & ĐBCL chịu trách nhiệm tổng hợp và viết Báo cáo tổng thuật của trường.

### **3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng**

- Bước 1: Nghiệm thu các Báo cáo tự đánh giá chất lượng của các đơn vị.  
- Bước 2: Nghiệm thu theo trình tự 02 lần (lần 1 và lần 2) trước khi trình Ban Giám hiệu phê duyệt Báo cáo tổng thuật của Trường.

### **4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền**

## **V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

### **1. Ban Giám hiệu**

- Chịu trách nhiệm về kết quả công tác tự đánh giá chất lượng CS GDNN của Nhà trường với các cơ quan chủ quản và Đảng ủy trường.

- Các thành viên trong Ban Giám hiệu phụ trách đoàn thể, đơn vị nào thì chịu trách nhiệm công tác tự đánh giá của đoàn thể, đơn vị đó.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác tự đánh giá tại các đơn vị phụ trách.

- Tham dự đầy đủ các buổi họp của Hội đồng khi có giấy mời (trong trường hợp không phải là thành viên của Hội đồng TĐG).

### **2. Phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng**

- Là đơn vị thường trực cho Ban Giám hiệu trong công tác tự đánh giá của trường.

- Tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023.

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CS GDNN trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ LĐ-TB&XH ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng; xác định các điểm mạnh, điểm tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng, cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn.

- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng CS GDNN. Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (*nếu cần thiết*).

- Tổng hợp và viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng theo mẫu tại Phụ lục 03, 05 ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017.

- Lấy ý kiến các đơn vị có liên quan trong nhà trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng thông qua.

- Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng nhà trường (theo mẫu tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017) về Tổng

cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp), Sở LĐ-TB&XH theo quy định.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

### **3. Các đơn vị**

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện tự đánh giá của đơn vị mình, trình Hội đồng tự đánh giá chất lượng CS GDNN thông qua.

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng CS GDNN có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá của đơn vị, kèm theo các minh chứng, gửi Hội đồng TĐG của nhà trường.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng cho các tiêu chí, tiêu chuẩn mà đơn vị phụ trách.

### **4. Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên**

- Phân công cá nhân chịu trách nhiệm thu thập thông tin, minh chứng đối với các hoạt động của tổ chức mình và nộp bản cứng về Phòng Thanh tra - Khảo thí và ĐBCL.

- Không phải viết báo cáo kết quả tự đánh giá của tổ chức mình, song yêu cầu nộp 01 bản Báo cáo tổng kết năm trước ngày 10/12/2023 thay Báo cáo tự đánh giá về Phòng Thanh tra - Khảo thí và ĐBCL để hoàn thiện Báo cáo tổng thuật chung của Nhà trường.

### **5. Hội đồng TĐG chất lượng của Nhà trường**

- Giúp người đứng đầu CS GDNN thực hiện việc tự đánh giá chất lượng CS GDNN.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Hướng dẫn thu thập, bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết).

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp (nếu có).



## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công các thành viên trong Hội đồng TĐG phụ trách chính và các đơn vị theo mục trong mẫu báo cáo (Mẫu Phụ lục 03-TT28/2017/TT-BLĐT BXH)

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng phụ trách thực hiện
<b>Phần I</b>	<b>GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>		
1	Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp		
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	- Phòng TC-HC	- Ông Nguyễn Thanh Hoàng
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp		
4	Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	- Phòng Đào tạo	- Ông Phí Hồng Hải
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	- Phòng TC-HC - Phòng CT HSSV (phối hợp)	- Ông Nguyễn Thanh Hoàng (phụ trách chính) - Ông Ngô Đăng Thanh (phối hợp)
<b>PHẦN II</b>	<b>KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>		
<b>1</b>	<b>Đặt vấn đề</b>		
<b>2</b>	<b>Tổng quan chung</b>		
2.1	Căn cứ tự đánh giá		
2.2	Mục đích tự đánh giá	- Phòng	
2.3	Yêu cầu tự đánh giá	TTrKT&ĐBCL	- Bà Lê Thị Hiền
2.4	Phương pháp tự đánh giá		
2.5	Các bước tiến hành tự đánh giá		
<b>3</b>	<b>Tự đánh giá</b>		
3.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá	- Phòng TTrKT&ĐBCL	- Bà Lê Thị Hiền
3.2	Tự đánh giá theo từng tiêu	- Các đơn vị	- Trưởng các đơn vị là thành

	chỉ tiêu chuẩn	phòng, khoa	viên Hội đồng
	<b>Tiêu chí 1:</b> Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý		- Ông Nguyễn Thanh Hoàng (Phụ trách chính) - Bà Vi Thị Thu (Phối hợp)
	<b>Tiêu chí 2:</b> Hoạt động đào tạo		- Ông Phí Hồng Hải (Phụ trách chính) - Bà Vi Thị Thu (phối hợp) - Ông Lý Quang Tiến (phối hợp) - Bà Vũ Thị Hồng Lê (phối hợp) - Bà Phan Thị Nguyệt Anh (phối hợp) - Ông Vũ Xuân Nghĩa (phối hợp) - Ông Lê Văn Nhã (phối hợp)
	<b>Tiêu chí 3:</b> Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động		- Ông Nguyễn Thanh Hoàng
	<b>Tiêu chí 4:</b> Chương trình, giáo trình		- Ông Phí Hồng Hải (Phụ trách chính) - Ông Lý Quang Tiến (phối hợp) - Bà Vũ Thị Hồng Lê (phối hợp) - Bà Phan Thị Nguyệt Anh (phối hợp) - Ông Vũ Xuân Nghĩa (phối hợp) - Ông Lê Văn Nhã (phối hợp)
	<b>Tiêu chí 5:</b> Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		- Ông Nguyễn Thanh Hoàng (Phụ trách chính) - Ông Ngô Đăng Thanh (phối hợp)
	<b>Tiêu chí 6:</b> Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế		- Ông Phí Hồng Hải
	<b>Tiêu chí 7:</b> Quản lý tài chính		- Ông Nguyễn Thanh Hoàng
	<b>Tiêu chí 8:</b> Dịch vụ người học		- Ông Ngô Đăng Thanh (Phụ trách chính) - Ông Phí Hồng Hải (phối hợp)
	<b>Tiêu chí 9:</b> Giám sát, đánh giá chất lượng	- Phòng TTrKT&ĐBCL	- Bà Vi Thị Thu (Phụ trách chính) - Ông Lý Quang Tiến (phối hợp) - Bà Vũ Thị Hồng Lê (phối hợp) - Bà Phan Thị Nguyệt Anh

			(phối hợp) - Ông Vũ Xuân Nghĩa (phối hợp) - Ông Lê Văn Nhã (phối hợp) - Ông Phí Hồng Hải (phối hợp)
<b>PHẦN III</b>	<b>Tổng hợp kế hoạch nâng cao chất lượng CS GDNN</b>	- Phòng TTrKT&ĐBCL	- Bà Vi Thị Thu
<b>PHẦN IV</b>	<b>ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ</b>	- Các đơn vị phòng, khoa	- Thành viên Hội đồng TĐG

## 2. Phân công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn cho các tổ chức đoàn thể, đơn vị phòng, khoa

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị và nội dung thực hiện
<b>I</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tổ chức - Hành chính
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tổ chức - Hành chính
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổ chức - Hành chính
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tổ chức - Hành chính
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng TTrKT và ĐBCL
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng TTrKT và ĐBCL
9	Tiêu chuẩn 9	Đảng ủy Nhà trường
10	Tiêu chuẩn 10	Công đoàn, Đoàn TN (thực hiện theo chức năng của từng tổ chức đoàn thể)
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng TTrKT và ĐBCL
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Tổ chức - Hành chính
<b>II</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo có trách nhiệm chính chủ động phối hợp với các Khoa
7	Tiêu chuẩn 7	Các Khoa chuyên môn
8	Tiêu chuẩn 8	Các Khoa chuyên môn

9	Tiêu chuẩn 9	Các Khoa chuyên môn
10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Đào tạo
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Đào tạo
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng TTrKT và ĐBCL
13	Tiêu chuẩn 13	Phòng Đào tạo
14	Tiêu chuẩn 14	Phòng TTrKT và ĐBCL
15	Tiêu chuẩn 15	Phòng TTrKT và ĐBCL
16	Tiêu chuẩn 16	Phòng Đào tạo
17	Tiêu chuẩn 17	Phòng Đào tạo
<b>III</b>	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tổ chức - Hành chính
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tổ chức - Hành chính
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Các Khoa chuyên môn
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Tổ chức - Hành chính
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Tổ chức - Hành chính
9	Tiêu chuẩn 9	Các Khoa chuyên môn
10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Tổ chức - Hành chính
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Tổ chức - Hành chính
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Tổ chức - Hành chính
13	Tiêu chuẩn 13	Phòng Tổ chức - Hành chính
14	Tiêu chuẩn 14	Phòng Tổ chức - Hành chính
15	Tiêu chuẩn 15	Phòng Tổ chức - Hành chính
<b>IV</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo

8	Tiêu chuẩn 8	Các Khoa chuyên môn
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Đào tạo
10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Đào tạo
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Đào tạo
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Đào tạo
13	Tiêu chuẩn 13	Phòng Đào tạo
14	Tiêu chuẩn 14	Các Khoa chuyên môn
15	Tiêu chuẩn 15	Các Khoa chuyên môn
<b>V</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tổ chức - Hành chính
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tổ chức - Hành chính
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổ chức - Hành chính
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tổ chức - Hành chính
7	Tiêu chuẩn 7	Các Khoa chuyên môn
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Tổ chức - Hành chính
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Tổ chức - Hành chính
10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Tổ chức - Hành chính
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Tổ chức - Hành chính
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Tổ chức - Hành chính
13	Tiêu chuẩn 13	Phòng CTHSSV
14	Tiêu chuẩn 14	Phòng CTHSSV
15	Tiêu chuẩn 15	Phòng CTHSSV
<b>VI</b>	<b>Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
<b>VII</b>	<b>Tiêu chí 7: Quản lý tài chính</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính

3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tổ chức - Hành chính
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tổ chức - Hành chính
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổ chức - Hành chính
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tổ chức - Hành chính
<b>VIII</b>	<b>Tiêu chí 8: Dịch vụ người học</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng CTHSSV
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng CTHSSV
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng CTHSSV
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng CTHSSV
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng CTHSSV
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng CTHSSV, Phòng Tổ chức - Hành chính
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng CTHSSV
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Đào tạo
<b>IX</b>	<b>Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Các Khoa chuyên môn
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng TTrKT và ĐBCL
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Các Khoa chuyên môn

### 3. Phân bổ theo các tổ chức đoàn thể, đơn vị phòng, khoa

STT	Tổ chức, đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Thành viên Hội đồng phụ trách
1	Phòng Tổ chức-Hành chính	<b>Tiêu chí 1:</b> 1.1; 1.3; 1.4; 1.5; 1.6; 1.12 <b>Tiêu chí 3:</b> 3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.7; 3.8; 3.10; 3.11; 3.12; 3.13; 3.14; 3.15 <b>Tiêu chí 5:</b> 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6; 5.8; 5.9; 5.10; 5.11; 5.12 <b>Tiêu chí 7:</b> 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6 <b>Tiêu chí 8:</b> 8.6 <b>Tiêu chí 9:</b> 9.2 <b>Tổng số: 37 tiêu chuẩn</b>	Ông Nguyễn Thanh Hoàng
2	Phòng Đào tạo	<b>Tiêu chí 1:</b> 1.2	Ông Phí Hồng Hải

		<b>Tiêu chí 2:</b> 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6; 2.10; 2.11; 2.13; 2.16; 2.17 <b>Tiêu chí 3:</b> 3.5 <b>Tiêu chí 4:</b> 4.1; 4.2; 4.3; 4.4; 4.5; 4.6; 4.7; 4.9; 4.10; 4.11; 4.12; 4.13 <b>Tiêu chí 6:</b> 6.1; 6.2; 6.3; 6.4; 6.5 <b>Tiêu chí 8:</b> 8.8; 8.9 <b>Tiêu chí 9:</b> 9.3; 9.5 <b>Tổng số: 34 tiêu chuẩn</b>	
3	Phòng CTHSSV	<b>Tiêu chí 5:</b> 5.13; 5.14; 5.15 <b>Tiêu chí 8:</b> 8.1; 8.2; 8.3; 8.4; 8.5; 8.6; 8.7 <b>Tổng số: 10 tiêu chuẩn</b>	Ông Ngô Đăng Thanh
4	Phòng TTrKT&ĐBCL	<b>Tiêu chí 1:</b> 1.7; 1.8; 1.11 <b>Tiêu chí 2:</b> 2.12; 2.14; 2.15 <b>Tiêu chí 9:</b> 9.4 <b>Tổng số: 07 tiêu chuẩn</b>	Bà Vi Thị Thu
5	Các Khoa chuyên môn	<b>Tiêu chí 2:</b> 2.7; 2.8; 2.9 <b>Tiêu chí 3:</b> 3.6; 3.9 <b>Tiêu chí 4:</b> 4.8; 4.14; 4.15 <b>Tiêu chí 5:</b> 5.7 <b>Tiêu chí 9:</b> 9.1; 9.6 <b>Tổng số: 11 tiêu chuẩn</b>	Bà Phan Thị Nguyệt Anh Bà Vũ Thị Hồng Lê Ông Lý Quang Tiến Ông Vũ Xuân Nghĩa Ông Lê Văn Nhã
6	Đảng ủy	<b>Tiêu chí 1:</b> 1.9	Ông Bé Ngọc Tuấn
7	Công đoàn	<b>Tiêu chí 1:</b> 1.10	
8	Đoàn Thanh niên	<b>Tiêu chí 1:</b> 1.10	

## VI. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Thời gian	Các hoạt động	Thực hiện
Tháng 02/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tham mưu ban hành Quyết định thành lập Hội đồng TĐG và Kế hoạch TĐG.</li> </ul>	- Phòng TTrKT&ĐBCL
Tháng 3/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát sắp xếp, mã hóa và phân lại minh chứng cho các đơn vị.</li> </ul>	- Phòng TTrKT&ĐBCL
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các đơn vị xây dựng Kế hoạch TĐG của đơn vị mình trên cơ sở Kế hoạch chung và trình BGH phê duyệt</li> <li>Họp Hội đồng TĐG: Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng</li> </ul>	- Hội đồng tự đánh giá - Phòng TTrKT&ĐBCL - Các đơn vị
Từ 01/4/2023 đến 30/9/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập huấn nâng cao về công tác TĐG (<i>Nếu các đơn vị thấy cần thiết - Các đơn vị chủ động lên kế hoạch và nội dung tập huấn phù hợp với đặc thù của đơn vị mình</i>)</li> </ul>	- Các đơn vị

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện TĐG chất lượng theo Kế hoạch</li> </ul>	
Từ 01/10/2023 đến 20/10/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hội đồng tự đánh giá lần 2: Đánh giá sơ bộ công tác tự đánh giá của các đơn vị</li> <li>• Các đơn vị thu thập bổ sung và hoàn thiện các minh chứng trên cơ sở kết quả họp Hội đồng lần 2</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng tự đánh giá</li> <li>- Phòng TTrKT&amp;ĐBCL</li> <li>- Các đơn vị</li> </ul>
Từ 21/10/2023 đến 10/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các đơn vị viết Báo cáo tự đánh giá của đơn vị mình (<i>theo mẫu tại Phụ lục</i>).</li> <li>• Nộp Báo cáo về Phòng TTr-KT&amp;ĐBCL.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đơn vị</li> </ul>
Từ 11/11/2023 đến 30/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các đơn vị nộp minh chứng hoặc danh sách tổng hợp thông tin các minh chứng về Phòng TTr-KT&amp;ĐBCL.</li> <li>• Tổng hợp, xử lý các minh chứng của các đơn vị.</li> <li>• Nghiên cứu tổng quan báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của các đơn vị. Góp ý, chỉnh sửa (nếu cần thiết).</li> <li>• Viết Báo cáo tổng thuật của trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đơn vị</li> <li>- Phòng TTrKT&amp;ĐBCL</li> </ul>
Từ 01/12/2023 đến 25/12/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hội đồng TĐG lần 3: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm định Hồ sơ minh chứng thu thập được</li> <li>- Nghiệm thu Báo cáo tổng thuật lần 1.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng tự đánh giá</li> <li>- Phòng TTrKT&amp;ĐBCL</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hoàn thiện Báo cáo tổng thuật theo ý kiến đóng góp của Hội đồng TĐG</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng TTrKT&amp;ĐBCL</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghiệm thu Báo cáo tổng thuật lần 2</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng tự đánh giá</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trình Ban Giám hiệu ký duyệt báo cáo tổng thuật.</li> <li>• Sao, lưu, nộp cho các đơn vị chủ quản</li> <li>• Cập nhật và công khai trên trang website của trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng TTrKT&amp;ĐBCL</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thanh quyết toán kinh phí</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng TTrKT&amp;ĐBCL và Phòng Tổ chức – Hành chính</li> </ul>

## VII. KINH PHÍ

- Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2023 được sử dụng từ nguồn chi ngân sách thường xuyên và các nguồn thu hợp pháp của trường, mức chi tối đa theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành, mức chi thực tế do quyết định cuối cùng của Ban Giám hiệu (phụ thuộc vào điều kiện kinh phí của nhà trường tại thời điểm hoàn thành nhiệm vụ tự đánh giá của trường).

- Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã được ban hành, Phòng Thanh tra, Khảo thí & ĐBCL phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành



chính (bộ phận Kế toán) chịu trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí và thanh quyết toán theo đúng quy định.

Kế hoạch này có thể được xem xét điều chỉnh khi thấy cần thiết trên cơ sở khi có các văn bản điều chỉnh bổ sung và được Ban Giám hiệu chỉ đạo, phê duyệt.

Công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường năm 2023, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường, các đơn vị và cá nhân. Yêu cầu tất cả các đơn vị phòng, khoa, các thành viên của Hội đồng tự đánh giá tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- Sở LĐTĐ (b/c);
- BGH (b/c);
- Phòng TC-HC (đăng website);
- Các đoàn thể, đơn vị (t/h).

*Gửi bản giấy:*

- Lưu: VT, TTrKT&ĐBCL (Thu, Hiền).

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trịnh Tiến Long**

PHỤ LỤC  
MẪU BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC ĐƠN VỊ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN  
ĐƠN VỊ.....

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
**NGHỀ NGHIỆP - NĂM 2023**

*Bắc Kạn, năm 2023*

## PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ ĐƠN VỊ

### 1. THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐƠN VỊ

1.1. Tên đơn vị: .....

1.2. Cơ quan chủ quản: Trường Cao đẳng Bắc Kạn

1.3. Quyết định thành lập số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....

.....

1.4. Số điện thoại: .....

1.5. Email: .....

1.6. Địa chỉ trên trang Website của trường: .....

.....

*(Ghi rõ các QĐ thành lập, QĐ đổi tên, QĐ sáp nhập...)*

### 2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA ĐƠN VỊ

.....

### 3. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA ĐƠN VỊ

3.1. Cơ cấu tổ chức: *(Vẽ sơ đồ)*

3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị *(Trưởng, phó, tổ trưởng tổ môn, phụ trách bộ phận...)*

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1				
2				
3				
...				

### 3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của đơn vị (tính đến thời điểm đánh giá):

Tính đến 15/11/2023, tổng số CBGV của đơn vị là:.....người, trong đó:

- Số lao động trong biên chế:.....người
- Hợp đồng theo ND68/CP:.....người
- Hợp đồng khác:.....người
- Số có trình độ thạc sĩ là:..... người đạt tỷ lệ.....%.
- Cán bộ, giáo viên có trình độ đại học là:... người đạt tỷ lệ...%.
- Cán bộ, giáo viên có trình độ Cao đẳng là:.... người đạt tỷ lệ.....%.

- Cán bộ, giáo viên có trình độ trung cấp là:.....người đạt tỷ lệ.....%.
- Cán bộ, giáo viên có trình độ công nhân kỹ thuật là:.....người đạt tỷ lệ....%.
- Hợp đồng theo Nghị định 68/CP là:.....người đạt tỷ lệ:.....%.
- Hợp đồng khác là:.....người đạt tỷ lệ:.....%.

#### 4. CÁC NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA ĐƠN VỊ

TT	NGHỀ ĐÀO TẠO	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>I</b>	<b>Hệ Cao đẳng</b>			
1				
2				
....				
<b>II</b>	<b>Hệ Trung cấp</b>			
1				
2				
.....				
<b>III</b>	<b>Hệ Sơ cấp</b>			
1				
2				
...				
	<b>Tổng cộng</b>			

### PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA ĐƠN VỊ

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

#### 2. TỔNG QUAN CHUNG

- 2.1. Căn cứ tự đánh giá
- 2.2. Mục đích tự đánh giá
- 2.3. Yêu cầu tự đánh giá
- 2.4. Phương pháp tự đánh giá
- 2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

#### 3. TỰ ĐÁNH GIÁ

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá (các tiêu chí, tiêu chuẩn được Hội đồng tự đánh giá nhà trường phân công):

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công tự đánh giá	Đơn vị tự đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tiêu chí X: (Nội dung tiêu chí)		
	Tiêu chuẩn X. A: (Nội dung tiêu chuẩn)		
	(Minh chứng X.A.1: Tên minh chứng của đơn vị)		

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công tự đánh giá	Đơn vị tự đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	(Minh chứng X.A.2: Tên minh chứng của đơn vị)		
	<b>Tiêu chuẩn X. B:</b> (Nội dung tiêu chuẩn)		
	(Minh chứng X.B.1: Tên minh chứng của đơn vị)		
	(Minh chứng X.B.2: Tên minh chứng của đơn vị)		
	.....		
2	<b>Tiêu chí Y:</b> (Nội dung tiêu chí)		
	<b>Tiêu chuẩn Y.A:</b> (Nội dung tiêu chuẩn)		
	(Minh chứng Y.A.1: Tên minh chứng của đơn vị)		
	(Minh chứng Y.A.2: Tên minh chứng của đơn vị)		
	<b>Tiêu chuẩn Y.B:</b> (Nội dung tiêu chuẩn)		
	(Minh chứng Y.B.1: Tên minh chứng của đơn vị)		
	(Minh chứng Y.B.2: Tên minh chứng của đơn vị)		
	.....		

### 3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

#### 3.2.1. Tiêu chí X: (Nội dung tiêu chí)

.....

<b>Tiêu chuẩn X.1:</b>
(Nội dung tiêu chuẩn)

#### 1. Mô tả

.....

.....

#### Tự đánh giá tiêu chuẩn X.1: Đạt/Không đạt

#### 2. Đánh giá

- Điểm mạnh: .....

.....

- Những tồn tại: .....

3. Kế hoạch khắc phục những tồn tại:

<i>Tiêu chuẩn X.2:</i>
(Nội dung tiêu chuẩn)

1. Mô tả

Tự đánh giá tiêu chuẩn X.2: Đạt/Không đạt

2. Đánh giá

- Điểm mạnh: .....

- Những tồn tại: .....

3. Kế hoạch khắc phục những tồn tại:

.....

<i>Tiêu chuẩn X.n:</i>
(Nội dung tiêu chuẩn)

1. Mô tả

Tự đánh giá tiêu chuẩn X.n: Đạt/Không đạt

2. Đánh giá

- Điểm mạnh: .....

- Những tồn tại: .....

3. Kế hoạch khắc phục những tồn tại:

3.2.2. Tiêu chí Y: (Nội dung tiêu chí)

*Tiêu chuẩn Y.1:*

(Nội dung tiêu chuẩn)

1. Mô tả

Tự đánh giá tiêu chuẩn Y.1: Đạt/Không đạt

2. Đánh giá

- Điểm mạnh: .....

- Những tồn tại: .....

3. Kế hoạch khắc phục những tồn tại:

*Tiêu chuẩn Y.2:*

(Nội dung tiêu chuẩn)

1. Mô tả

Tự đánh giá tiêu chuẩn Y.2: Đạt/Không đạt

2. Đánh giá

- Điểm mạnh: .....

- Những tồn tại: .....

3. Kế hoạch khắc phục những tồn tại:

*Tiêu chuẩn Y.n:*

(Nội dung tiêu chuẩn)

1. Mô tả

.....  
**Tự đánh giá tiêu chuẩn Y.n: Đạt/Không đạt**

**2. Đánh giá**

- Điểm mạnh: .....

.....  
- Những tồn tại: .....

.....  
**3. Kế hoạch khắc phục những tồn tại:**

.....  
**PHẦN 3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**I. KẾT LUẬN**

**II. KIẾN NGHỊ**

*Bắc Kạn, ngày ..... tháng ..... năm 2023*

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*



**BẢNG MÃ MINH CHỨNG TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GDNN NĂM 2023****ĐƠN VỊ:**

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Minh chứng dùng chung</b>	<b>Tên minh chứng</b>
1	1	1	1.1.01		
2			1.1.02		
3			...		
4	1	2	1.2.01		
5			1.2.02		
6			....		
7	1	j	1.j.01		
8			1.j.02		
9			....		
10					

*(Kéo dài bảng theo mẫu trên lần lượt theo thứ tự tiêu chí, tiêu chuẩn và số lượng minh chứng của đơn vị)*

*Lưu ý: Tên minh chứng cần nêu rõ: Trích yếu nội dung; Ngày, tháng, năm ban hành; Người có thẩm quyền ký ban hành)*

**PHẦN 4:**

**NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

*(Phần này đề nghị các đơn vị để trống khoảng 05 trang giấy có in sẵn dòng kẻ,  
Paragraph: Before 6pt, After 6pt; Line Spacing 1,5 lines để các thành viên Hội đồng  
cho ý kiến đóng góp, đánh giá báo cáo của đơn vị)*

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG MÃ MINH CHỨNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2023**

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
1	1.1	1.1.01		Quyết định thành lập trường <i>Quyết định số 49/QĐ-LĐTBXH, ngày 14/01/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn vào Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
2		1.1.02		Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn <i>Quyết định số 48/QĐ-CĐBK ngày 27/3/2020; Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/01/2023: Về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
3		1.1.03		Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm <i>Thông báo số 2331/TB-PCBK, ngày 28/12/2022, Thông báo của Công ty Điện lực Bắc Kạn về tuyển dụng lao động</i>
4		1.1.04		Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường <i>Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC- CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024</i>
5		1.1.05		Thông báo trên bản tin, Website về mục tiêu, sứ mạng của nhà trường.
6	1.2	1.2.01		Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển GDNN của tỉnh Bắc Kạn <i>Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 phê duyệt kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025</i>
7		1.2.02		Kế hoạch về thực hiện Đề án đào tạo GDNN của tỉnh Bắc Kạn <i>Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 phê duyệt kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025</i>
8		1.2.03		Chiến lược phát triển nhà trường <i>Nghị quyết số 124/NQ-ĐU ngày 29/12/2020 v/v lãnh đạo triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường Cao đẳng Bắc Kạn giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030</i>
9		1.2.04		Đề án đào tạo nghề của tỉnh <i>Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 phê duyệt kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025</i>
10		1.2.05		Nghị quyết của Đảng ủy về chỉ đạo, triển khai thực hiện chiến lược phát triển trường

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Nghị quyết số 124/NQ-ĐU ngày 29/12/2020 v/v lãnh đạo triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường Cao đẳng Bắc Kạn giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030</i>
11		1.2.06		<i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN (nếu có). Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 23/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 04/4/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 23a/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 13/7/2023</i>
12			1.1.03	<i>Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm</i>
13		1.2.07		<i>Kế hoạch tuyển sinh Kế hoạch số 15/KH-CDBK ngày 10/02/2023 triển khai công tác tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp năm 2023</i>
14		1.2.08		<i>Báo cáo kết quả tuyển sinh Báo cáo số 261/BC-CDBK ngày 07/12/2023 báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2023 và phương hướng, giải pháp công tác tuyển sinh năm 2024</i>
15		1.2.09		<i>Kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo đánh giá nguồn lao động và dự báo nhu cầu năng lực trên địa bàn Báo cáo 15/7/2023 về kết quả khảo sát nhu cầu lao động, việc làm và nhu cầu học tập của học sinh sau THPT, năm 2022</i>
16			1.1.01	<i>Quyết định thành lập trường</i>
17		1.3.01		<i>Nghị quyết của Đảng ủy về tổ chức bộ máy cán bộ trường CĐ Bắc Kạn Nghị quyết số 106/NQ/ĐU ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tổ chức, bộ máy và cán bộ viên chức</i>
18			1.1.02	<i>Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
19	1.3	1.3.02		<i>Quyết định thành lập các phòng, khoa Quyết định số 01/QĐ - CDBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Phòng Tổ chức – Hành chính; Quyết định số 02/QĐ - CDBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập phòng Đào tạo; Quyết định số 03/QĐ - CDBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Phòng Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Quyết định số 05/QĐ - CDBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Phòng Công tác HSSV; Quyết định số 06/QĐ - CDBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Khoa Cơ giới đường bộ; Quyết định số 07/QĐ - CDBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Khoa Cơ điện; Quyết định số 08/QĐ - CDBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Khoa Nông lâm; Quyết định số 09/QĐ - CDBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Khoa Sư phạm; Quyết định số 10/QĐ - CDBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Khoa Tổng hợp</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
20		1.3.03		Quy chế chi tiêu nội bộ <i>Quyết định số 105/QĐ-CĐBK, ngày 31/3/2023: Về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023</i>
21		1.3.04		Quy chế dân chủ <i>Quyết định số 658/QĐ-CĐBK ngày 28/11/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc Ban hành Quy chế dân chủ</i>
22		1.3.05		Quy chế đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, viên chức, người lao động <i>Quyết định số 435/QĐ-CĐBK ngày 25/9/2020 về ban hành quy chế đào tạo và bồi dưỡng viên chức, người lao động trường Cao đẳng Bắc Kạn;</i>
23		1.3.06		Quy định của nhà trường về chế độ làm việc của nhà giáo <i>Quyết định số 49-QĐ/CĐBK ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc của Nhà giáo Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
24		1.3.07		Quy chế làm việc của nhà trường <i>Quyết định số 204/QĐ-CĐBK, ngày 29/6/2020 về việc ban hành Quy chế làm việc của Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
25		1.3.08		Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn <i>Quyết định số 168/QĐ-CĐBK ngày 22/6/2020 Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i> <i>Quyết định số 94/QĐ-CĐBK, ngày 24/02/2022 Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
26		1.3.09		Quy chế thi đua khen thưởng <i>Quyết định số 222/QĐ-CĐBK ngày 28/5/2021 về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Quyết định số 11/QĐ-CĐBK, ngày 08/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công tác thi đua khen thưởng năm 2022 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
27		1.3.10		Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy <i>Quyết định số 85-QĐ/ĐU, ngày 09/9/2020 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Khóa I, nhiệm kỳ 2020 – 2025.</i>
28		1.3.11		Quy chế hoạt động của Ban thanh tra nhân dân

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Quy chế số 28a/QĐ-CĐCĐBK, ngày 26/4/2023 của Ban chấp hành Công đoàn Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành quy chế hoạt động của của Ban Thanh tra nhân dân</i>
29	1.4	1.4.01		Các văn bản về tổ chức và quản lí của trường được ban hành lần đầu (các Quy chế, quy định) <i>Quyết định số 48/QĐ-CĐBK ngày 27/3/2020: Về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Quyết định số 168/QĐ-CĐBK ngày 22/6/2020 ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Quyết định số 222/QĐ-CĐBK, ngày 28/5/2021 về việc ban hành Quy chế thi đua khen thưởng của Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
30		1.4.02		Biên bản hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động <i>Biên bản hội nghị viên chức, người lao động năm 2023 ngày 16/01/2023</i>
31		1.4.03		Hồ sơ rà soát, điều chỉnh các Quy chế, quy định của trường
32		1.4.04		Các quy chế được rà soát, điều chỉnh (nếu có) <i>Quyết định số 19/QĐ-CĐBK ngày 09/1/2023 V/v ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Quyết định số 118/QĐ-CĐBK, ngày 08/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công tác thi đua khen thưởng năm 2022 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn. - Quyết định số 94/QĐ-CĐBK, ngày 24/02/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
33			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
34			1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn
35	1.5		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN (nếu có).
36		1.5.01		Báo cáo tổng kết năm của các phòng, khoa <i>Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của các đơn vị</i>
37	1.6	1.6.01		Hồ sơ thành lập và Quyết định công nhận Hội đồng trường <i>Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc thành lập Hội đồng trường Cao đẳng Bắc Kạn, nhiệm kỳ 2020 – 2025. - Công văn số 211/VP-VXNV ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc cử công chức tham gia Hội đồng trường Cao đẳng Bắc Kạn, - Công văn số 88/CĐBK-TCHC ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc cử đại diện tham gia hội đồng trường trường Cao đẳng Bắc Kạn, - Tờ trình số 15/TTr-CĐBK ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc đề nghị thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Bắc Kạn, - Kết luận của Ban chấp hành Đảng ủy về nhân sự tham gia Hội đồng trường Trường Cao đẳng Bắc Kạn nhiệm kỳ đầu tiên ngày 03 tháng 6 năm 2020 – Công văn số 128/CĐBK-TCHC, ngày 14/4/2022 về việc thay thế tham gia Hội đồng</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Trường Cao đẳng Bắc Kạn - Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
38		1.6.02		<i>Các Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn QĐ số 455-CĐBK ngày 21/9/2021; QĐ 239/QĐ-CĐBK ngày 21/9/2021 về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2021; Quyết định thành lập tổ truyền thông Trường Cao đẳng Bắc Kạn; QĐ số 279/QĐ-CĐBK ngày 23/5/2022 về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động</i>
39		1.6.03		<i>Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Hội đồng trường Báo cáo số 02/HDT-BC, ngày 09/01/2023 Hoạt động của Hội đồng trường, Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
40			1.1.02	<i>Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
41			1.3.01	<i>Nghị quyết của Đảng ủy về tổ chức bộ máy cán bộ trường CĐ Bắc Kạn</i>
42		1.6.04		<i>Quy định phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu Thông báo số 46/TB - CĐBK ngày 29/3/2021 về việc phân công nhiệm vụ trong Ban giám hiệu Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
43			1.1.04	<i>Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường</i>
44			1.5.01	<i>Báo cáo tổng kết năm của các phòng, khoa</i>
45		1.6.05		<i>Các quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân</i>
46			1.1.02	<i>Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
47		1.7.01		<i>Quyết định thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng Quyết định số 316/QĐ-CĐBK ngày 13/6/2022 về việc thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng; Quyết định số 246/QĐ-CĐBK ngày 12/6/2023 về việc kiện toàn Hội đồng tư vấn xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng</i>
48	1.7	1.7.02		<i>Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng Kế hoạch số 104/KH-CĐBK ngày 04/5/2023 Xây dựng, bổ sung và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2023</i>
49		1.7.03		<i>Báo cáo năm hệ thống đảm bảo chất lượng của trường Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023</i>
50		1.7.04		<i>Biên bản thanh tra, kiểm tra về hệ thống đảm bảo chất lượng (nếu có).</i>
51		1.7.05		<i>Sổ tay đảm bảo chất lượng</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Sổ tay đảm bảo chất lượng (ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-CĐBK ngày 05/12/2022 về việc ban hành Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
52			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
53			1.5.01	Báo cáo tổng kết năm của các phòng, khoa
54	1.8		1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn
55			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
56		1.8.01		Hồ sơ thi đua, khen thưởng hàng năm của bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo (nếu có). <i>Thông báo số 252/TB-CĐBK ngày 15/12/2023 kết quả xếp loại chất lượng viên chức, người lao động năm 2023</i>
57		1.8.02		Báo cáo tổng kết năm của Phòng TTrKT&ĐBCL <i>Báo cáo tổng kết năm 2023 của Phòng TTrKT&amp;ĐBCL</i>
58		1.9.01		Danh sách đảng viên
59	1.9		1.9.02	Quyết định thành lập Đảng bộ, chi bộ <i>Quyết định số 375-QĐ/ĐU ngày 1/4/2020 về việc thành lập Đảng bộ cơ sở Quyết định số 01-QĐ/ĐU ngày 14/4/2020 về việc thành lập Chi bộ 1; Quyết định số 02-QĐ/ĐU ngày 1/4/2020 về việc thành lập Chi bộ 2; Quyết định số 03-QĐ/ĐU ngày 1/4/2020 về việc thành lập Chi bộ 3; Quyết định số 04-QĐ/ĐU ngày 1/4/2020 về việc thành lập Chi bộ 4; Quyết định số 05-QĐ/ĐU ngày 1/4/2020 về việc thành lập Chi bộ 5</i>
60		1.9.03		Báo cáo công tác năm của Đảng bộ <i>Báo cáo kết quả công tác năm 2023 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của Đảng bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
61		1.9.04		Nghị quyết Đảng bộ theo nhiệm kì <i>Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn, lần thứ nhất, nhiệm kì 2020-2025 (số 64-NQ/ĐU ngày 21/6/2020)</i>
62		1.9.05		Ý kiến đánh giá của cấp trên về hoạt động của Chi bộ hoặc Đảng bộ trường hàng năm <i>Quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân Đảng viên nhà trường</i>
63		1.10	1.10.01	
64	1.10.02			Kế hoạch hoạt động năm của Công đoàn trường



TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Kế hoạch số 36/KH-CĐCĐBK ngày 23/5/2023 Kế hoạch hoạt động toàn khóa của Ban chấp hành công đoàn Khóa I, nhiệm kì 2023-2028</i>
65		1.10.03		Danh sách đoàn viên công đoàn
66		1.10.04		Báo cáo hoạt động của Công đoàn trường và Ban nữ công <i>Báo cáo số 37/BC-CĐCĐBK ngày 29/5/2023 kết quả hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023</i>
67		1.10.05		Các quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân công đoàn <i>Quyết định khen thưởng danh hiệu Đoàn viên Công đoàn xuất sắc năm 2023</i>
68		1.10.06		Đánh giá của cơ quan cấp trên về hoạt động của Công đoàn trường
69		1.10.07		Quyết định thành lập Đoàn thanh niên
70		1.10.08		Danh sách đoàn thanh niên
71		1.10.09		Kế hoạch hoạt động năm của Đoàn thanh niên <i>Văn bản số 05-CTr/ĐTN ngày 22/2/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng Bắc Kạn về Chương trình Công tác Đoàn và phong trào thiếu nhi năm 2023</i>
72		1.10.10		Báo cáo hoạt động của Đoàn thanh niên <i>Báo cáo số 34-BC/ĐTN ngày 23/5/2023 báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2023</i>
73		1.10.11		Các quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân đoàn thanh niên <i>Quyết định số 212/QĐ-CĐBK ngày 26/5/2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc trao thưởng cho các cá nhân, tập thể đạt thành tích cao tại các hoạt động kỷ niệm 73 năm ngày truyền thống học sinh sinh viên (09/01/1950-09/01-2023); Quyết định số 656/QĐ-CĐBK ngày 27/11/2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn Về việc trao thưởng cho các cá nhân, tập thể đạt thành tích cao tại Hội diễn văn nghệ HSSV kỷ niệm 41 năm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11</i>
74		1.10.12		Đánh giá của cơ quan cấp trên về hoạt động của Đoàn thanh niên Nhà trường <i>Công văn số 717-CV/TĐTN-VP ngày 13/12/2023 của Ban chấp hành tỉnh đoàn Bắc KạnV/v thông báo kết quả chấm điểm Bộ tiêu chí và xếp loại thi đua năm 2023</i>
75			1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn
76	1.11	1.11.01		Quy định của trường về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo. <i>Quy chế hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân (số 19/QCHĐ-BTTND ngày 15/6/2020)</i>
77		1.11.02		Kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Kế hoạch số 22/KH-CĐBK ngày 14/2/2023 kiểm tra công tác chuyên môn năm học 2022-2023; Kế hoạch số 30/KH-CĐCĐBK ngày 27/04/2023 Kế hoạch hoạt động của Ban thanh tra nhân dân Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023</i>
78		1.11.03		Các biên bản kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường
79		1.11.04		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường <i>Thông báo số 188/TB-CĐBK ngày 2/10/2023 Kết luận kiểm tra chuyên môn năm học 2022 – 2023</i>
80		1.11.05		Quy chế đào tạo <i>Quyết định số 528/QĐ-CĐBK ngày 05/10/2022 về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ</i>
81	1.12	1.12.01		Quy định về chế độ, chính sách ưu đãi đối với các đối tượng được thụ hưởng. <i>Quyết định số 168/QĐ-CĐBK ngày 22 tháng 6 năm 2020 Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; - Quyết định số 94/QĐ-CĐBK, ngày 24/02/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
82		1.12.02		Quyết định kèm danh sách viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước. <i>Quyết định số 541 /QĐ-CĐBK ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc giao định mức giờ giảng cho Nhà giáo, năm học 2023 -2024; Quyết định số 264/QĐ-CĐBK 27/06/2023 Về việc hưởng phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo (Đào Thị Liễu)</i>
83		1.12.03		Các văn bản quy định về bình đẳng giới tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn <i>Kế hoạch số 288 /KH-CĐBK ngày 13 tháng 11 năm 2023 vv triển khai tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2023. - Kế hoạch số 85 /KH-CĐBK ngày 07 tháng 7 năm 2021 V/v thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025</i>
84		1.12.04		Báo cáo thực hiện quyền bình đẳng giới <i>Báo cáo số 220/BC-CĐBK ngày 29 tháng 12 năm 2022 Kết quả thực hiện triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2022</i>
85	2.1	2.1.01		Danh sách chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường và chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo <i>Danh sách chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường và chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo ngày 17/10/2023</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
86			1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN (nếu có).
87		2.1.02		Danh sách các ngành, nghề trường tổ chức đào tạo <i>Danh sách các ngành nghề trường tổ chức đào tạo năm học 2022-2023 ngày 24/12/2023</i>
88		2.1.03		Địa chỉ trên trang website nhà trường về công bố chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo <i>https://cdbk.edu.vn/nganh-nghe-dao-tao</i>
89	2.2	2.2.01		Quy chế tuyển sinh <i>Quyết định số 213/QĐ-CĐBK ngày 12/4/2022 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2022</i>
90		2.3.01		Hướng dẫn công tác tuyển sinh hàng năm của trường <i>Quyết định số 75/QĐ-CĐBK ngày 03/03/2023 về việc ban hành phương án tư vấn, định hướng nghề và tuyển sinh năm 2023</i>
91		2.3.02		Quyết định phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh <i>Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023</i>
92		2.3.03		Thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường <i>Thông báo tuyển sinh số 47/TB-CĐBK ngày 24/3/2023</i>
93		2.3.04		Địa chỉ Website thông tin tuyển sinh: <a href="http://cdbk.edu.vn">http://cdbk.edu.vn</a> .
94	2.3	2.3.05		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh <i>Quyết định số 31/QĐ-CĐBK ngày 01/02/2023 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2023; Quyết định số 254/QĐ-CĐBK ngày 16/6/2023 về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh năm 2023; Quyết định số 32/QĐ-CĐBK ngày 01/02/2023 về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh năm 2023</i>
95		2.3.06		Biên bản họp hội đồng tuyển sinh hàng năm <i>Thông báo số 138/TB-CĐBK ngày 25/7/2023 kết luận cuộc họp Hội đồng tuyển sinh</i>
96		2.3.07		Hồ sơ tuyển sinh (đăng ký học)
97		2.3.08		Quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển <i>Quyết định số 31/QĐ-CĐBK ngày 01/02/2023 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2023; Quyết định số 254/QĐ-CĐBK ngày 16/6/2023 về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh năm 2023; Quyết định số 32/QĐ-CĐBK ngày 01/02/2023 về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh năm 2023</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
98		2.3.09		Biên bản xét tuyển <i>Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh, xét tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng hệ chính quy đợt 1 năm 2023 ngày 04/7/2023</i>
99		2.3.10		Quyết định trúng tuyển kèm theo danh sách <i>Quyết định số 320/QĐ-CĐBK ngày 12/7/2023 về việc công nhận trúng tuyển trình độ Trung cấp hệ chính quy, đợt 1 năm 2023; Quyết định số 345/QĐ-CĐBK ngày 31/7/2023 về việc công nhận trúng tuyển trình độ Trung cấp hệ chính quy, đợt 2 năm 2023; Quyết định số 368/QĐ-CĐBK ngày 15/8/2023 về việc công nhận trúng tuyển trình độ Trung cấp hệ chính quy, đợt 3 năm 2023; Quyết định số 448/QĐ-CĐBK ngày 14/9/2023 về việc công nhận trúng tuyển nhập học muộn trình độ Trung cấp hệ chính quy năm 2023 và các danh sách trúng tuyển kèm theo các quyết định trên</i>
100		2.3.11		Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh hàng năm <i>Báo cáo số 261/BC-CĐBK ngày 07/12/2023 báo cáo kết quả công tác tuyển sinh năm 2023 và phương hướng, giải pháp công tác tuyển sinh năm 2024</i>
101		2.3.12		Biên bản kết luận thanh tra công tác tuyển sinh hàng năm <i>Kết luận số 211/KL-CĐBK ngày 23/12/2022 kết luận thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh, công tác quản lý hồ sơ HSSV kỳ tuyển sinh năm học 2022-2023</i>
102		2.3.13		Báo cáo công tác thanh tra tuyển sinh hàng năm <i>Kết luận số 211/KL-CĐBK ngày 23/12/2022 kết luận thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh, công tác quản lý hồ sơ HSSV kỳ tuyển sinh năm học 2022-2023</i>
103		2.3.14		Danh sách học sinh, sinh viên nhập học và quyết định phân lớp <i>Quyết định số 354/QĐ-CĐBK ngày 07/8/2023 về việc thành lập và tổ chức đào tạo các lớp hệ Trung cấp khóa 20 khóa học (2023-2025) gồm 4 lớp: TC-ĐDD/K20, TC-CNKTCK/K20, TC-CNOTO/K20; TC-CBMA/K20 có danh sách học sinh kèm theo; Quyết định số 373/QĐ-CĐBK ngày 17/8/2023 về việc thành lập và tổ chức đào tạo các lớp hệ Trung cấp khóa 20 khóa học (2023-2025) gồm 4 lớp: TC-ĐCN/K20, TC-CNTY/K20, TC-NHKS/K20; TC-TIN/K20 có danh sách học sinh kèm theo; Quyết định số 510/QĐ-CĐBK ngày 06/10/2023 về việc bổ sung danh sách học sinh vào các lớp hệ Trung cấp khóa 20, khóa học 2023-2025; Quyết định số 466/QĐ-CĐBK ngày 20/9/2023 về việc thành lập và tổ chức đào tạo lớp Trung cấp Chăn nuôi thú y 01/k20 khóa học 2023-2025</i>
104	2.4		1.11.05	Quy chế đào tạo

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
105		2.4.01		Kế hoạch đào tạo hàng năm <i>Kế hoạch đào tạo các lớp K18, K19, K20 trình độ trung cấp và K5, K6 trình độ cao đẳng</i>
106			2.3.14	Danh sách học sinh, sinh viên nhập học và quyết định phân lớp
107			2.3.11	Báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh hàng năm
108	2.5	2.5.01		Quyết định ban hành chương trình của các ngành/nghề đã được đào tạo <i>Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y, Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn, Tin học ứng dụng (tháng 6,8, 12/2022)</i>
109			2.4.01	Kế hoạch đào tạo hàng năm
110			2.3.14	Danh sách học sinh, sinh viên nhập học và quyết định phân lớp
111		2.5.02		Tiến độ đào tạo hàng năm <i>Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các lớp K18, K19, K20 trình độ trung cấp, các lớp K5, K6 trình độ cao đẳng</i>
112		2.5.03		Kế hoạch giáo viên <i>Kế hoạch giáo viên năm học 2022 - 2023</i>
113		2.5.04		Thời khóa biểu <i>Thời khóa biểu các lớp trung cấp K18, K19, K20 trình độ Trung cấp và các lớp K5, K6 trình độ Cao đẳng năm học 2022 – 2023</i>
114			2.4.01	Kế hoạch đào tạo hàng năm
115	2.6		2.5.02	Tiến độ đào tạo hàng năm
116			2.5.03	Kế hoạch giáo viên
117		2.6.01		Sổ lên lớp <i>Sổ lên lớp các lớp các môn học các nghề năm học 2022 - 2023</i>
118		2.6.02		Sổ tay giáo viên của các ngành, nghề đào tạo <i>Sổ tay giáo viên của các lớp các nghề năm học 2022 - 2023</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
119		2.6.03		Giáo án <i>Giáo án các môn học các nghề năm học 2022 - 2023</i>
120		2.6.04		Biên bản kiểm tra về công tác đào tạo <i>Biên bản hậu kiểm tra hồ sơ đào tạo ngày 19/10/2023; Biên bản về việc kiểm tra chuyên môn năm học 2022-2023 ngày 07/8/2023</i>
121		2.6.05		Báo cáo thanh kiểm tra về công tác đào tạo <i>Thông báo số 188/TB-CDBK ngày 02/10/2023 kết luận kiểm tra chuyên môn năm học 2022-2023</i>
122	2.7	2.7.01		Hợp đồng/biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động, trong đó thể hiện việc phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập
123		2.7.02		Kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập
124		2.7.03		Quyết định của hiệu trưởng nhà trường về việc cử người học đi thực hành, thực tập...tại các đơn vị sử dụng lao động
125		2.7.04		Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động
126		2.7.05		Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
127		2.7.06		Danh sách người học đã được thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
128		2.7.07		Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị hướng dẫn
129	2.8		2.6.01	Sổ lên lớp
130			2.6.02	Sổ tay giáo viên của các ngành, nghề đào tạo
131			2.6.03	Giáo án
132		2.8.01		Biên bản dự giờ

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
133		2.8.02		Biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy
134		2.8.03		Bộ minh chứng về khảo sát phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp với rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn (Bao gồm: Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát người học, nhà giáo)
135	2.9	2.9.01		Phần mềm mô phỏng thực hành hoặc bài giảng, tài liệu giảng dạy có sử dụng phần mềm <i>Phần mềm mô phỏng thực hành TPE-AUTOLAP trên xe i10; Phần mềm chẩn đoán lỗi xe ô tô CARMANSCAN-VG ; G CAN II; Phần mềm lập trình, mô phỏng dạy học: PLCSIM, STEP7V5.6, STRP7 Miero WIN</i>
136		2.9.02		Phần mềm quản lý đào tạo <i>Phần mềm quản lý điểm EDUMAN đào tạo theo niên chế và EDUMANUNI đào tạo theo tín chỉ</i>
137		2.9.03		Bộ minh chứng về khảo sát ý kiến người học, nhà giáo về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học (Bao gồm: Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát)
138	2.10	2.10.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm <i>Kế hoạch số 22/KH-CĐBK ngày 14/02/2023 kiểm tra công tác chuyên môn năm học 2022-2023</i>
139		2.10.02		Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học <i>Biên bản hậu kiểm tra hồ sơ đào tạo ngày 19/10/2023; Biên bản về việc kiểm tra chuyên môn năm học 2022-2023 ngày 07/8/2023</i>
140		2.10.03		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học <i>Thông báo số 188/TB-CĐBK ngày 02/10/2023 kết luận kiểm tra chuyên môn năm học 2022-2023</i>
141	2.11		2.10.03	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học
142		2.11.01		Các đề xuất điều chỉnh tiến độ đào tạo <i>Các đề xuất điều chỉnh tiến độ đào tạo lớp CĐ-ĐCN/K5 và TC-NHKS/K19</i>
143		2.11.02		Báo cáo tổng kết công tác năm của phòng Đào tạo <i>Báo cáo số 198/BC-CĐBK ngày 02/10/2023 tổng kết công tác năm học 2022-2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024</i>
144	2.12	2.12.01		Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp <i>Quyết định số 629/QĐ-CĐBK ngày 10/12/2020 v/v ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
145		2.12.02		Quy chế đánh giá điểm rèn luyện đối với học sinh, sinh viên <i>Quyết định số 124/QĐ-CĐBK ngày 08/6/2020 ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV hệ chính quy trong Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
146		2.12.03		Quy chế quản lý, cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tốt nghiệp <i>Quyết định số 337/QĐ-CĐBK ngày 10/8/2020 ban hành Quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ trong Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
147			1.11.05	Quy chế đào tạo
148	2.13		2.1.02	Danh sách các ngành, nghề trường tổ chức đào tạo
149		2.13.01		Danh sách các đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia, đánh giá kết quả học tập của người học
150		2.13.02		Báo cáo kết quả thực tập tại doanh nghiệp/trường học của HSSV có đánh giá của doanh nghiệp/trường học
151	2.14		2.12.01	Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp
152			2.12.02	Quy chế đánh giá điểm rèn luyện đối với học sinh, sinh viên
153			2.12.03	Quy chế quản lý, cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tốt nghiệp
154			1.11.05	Quy chế đào tạo
155		2.14.01		Kế hoạch thi, kiểm tra <i>Kế hoạch số 16/KH-CĐBK ngày 10/2/2023; Kế hoạch số 136/KH-CĐBK ngày 11/7/2023; Kế hoạch số 167/KH-CĐBK ngày 28/8/2023</i>
156		2.14.02		Biên bản thanh tra thi, kiểm tra <i>Biên bản xét tốt nghiệp (ngày 24/3/2023; ngày 14/7/2023; ngày 18/9/2023)</i>
157		2.14.03		Báo cáo kết quả thanh tra kiểm tra, thi



TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Báo cáo kết quả thanh tra, giám sát và xét công nhận tốt nghiệp (ngày 24/3/2023, ngày 14/7/2023, ngày 18/9/2023)</i>
158		2.14.04		<i>Báo cáo kết quả học tập, rèn luyện của các lớp/khóa đào tạo Thông báo số 191/TB-CĐBK ngày 2/10/2023 thông báo kết quả học tập đối với học sinh sinh viên và cảnh báo học sinh, sinh viên học tập yếu kém hoặc nợ môn (năm học 2022-2023)</i>
159		2.14.05		<i>Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm theo danh sách Quyết định số 119/QĐ-CĐBK ngày 12/4/2023, Quyết định số 327/QĐ-CĐBK ngày 17/7/2023, Quyết định số 470/QĐ-CĐBK ngày 22/9/2023</i>
160		2.14.06		<i>Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ</i>
161		2.14.07		<i>Báo cáo kết quả cấp, phát văn bằng, chứng chỉ Báo cáo số 16/BC-CTHSSV ngày 16/10/2023 báo cáo công tác quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ năm 2023</i>
162	2.15		2.12.01	<i>Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp</i>
163			2.12.03	<i>Quy chế quản lý, cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tốt nghiệp</i>
164			2.12.02	<i>Quy chế đánh giá điểm rèn luyện đối với học sinh, sinh viên</i>
165			1.11.05	<i>Quy chế đào tạo</i>
166			2.15.01	<i>Bộ hồ sơ rà soát các quy định: thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả rèn luyện, học tập, cấp văn bằng, chứng chỉ (bao gồm: Kế hoạch, Báo cáo kết quả) Thông báo số 213/TB-CĐBK ngày 26/10/2023 V/v thực hiện kiểm tra, rà soát các văn bản được ban hành của Nhà trường</i>
167		2.16	2.16.01	
168	2.16.02			<i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN đối với ngành, nghề trường đào tạo liên thông Giấy chứng nhận số 04/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 13/01/2022 đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp</i>
169	2.16.03			<i>Chương trình đào tạo liên thông của trường Quyết định số 358/QĐ-CĐBK ngày 29/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng; Cao đẳng liên thông; Trung cấp; Quyết định số 360/QĐ-CĐBK ngày 29/6/2022 về việc ban</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng; Cao đẳng liên thông; Trung cấp Quyết định số 359/QĐ-CĐBK ngày 29/6/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí trình độ Cao đẳng; Cao đẳng liên thông; Trung cấp</i>
170		2.16.04		Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông của trường hằng năm (tuyển sinh và đào tạo) <i>Thông báo số 09/TB-CĐBK ngày 14/01/2022 thông báo tuyển sinh</i>
171		2.16.05		Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông của trường
172			2.11.02	Báo cáo tổng kết công tác năm của phòng Đào tạo
173		2.17.01		Quy chế quản lý, sử dụng dữ liệu các hoạt động đào tạo <i>Quy định số 593/QĐ-CĐBK ngày 30/11/2020 quy định về việc công tác quản lý hệ thống phần mềm quản lý đào tạo</i>
174	2.17	2.17.02		Hồ sơ đào tạo lưu trữ tại phòng đào tạo <i>Quyết định số 87/QĐ-CĐBK ngày 17/3/2023 về việc ban hành Danh mục hồ sơ của Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023</i>
175			1.5.01	Báo cáo tổng kết năm của các phòng, khoa
176			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
177	3.1	3.1.01		Quy định tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hằng năm <i>Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Kế hoạch 49 /KH-CĐBK ngày 13 tháng 8 năm 2020 Tổ chức tuyển dụng đặc cách giáo viên đã có hợp đồng và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ năm 2015 trở về trước; Quyết định số 595/QĐ-CĐBK ngày 30 tháng 11 năm 2020 Ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động; Công văn số 5719 /UBND-NCPC ngày 25 tháng 9 năm 2020 thực hiện Nghị định số 90/2000/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của chính phủ; Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức</i>
178		3.1.02		Quy định về đánh giá, phân loại nhà giáo hằng năm <i>Thông báo số 192/TB-CĐBK ngày 02 tháng 10 năm 2023 kết quả đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của Nhà giáo năm học 2022 – 2023</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
179		3.1.03		Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, qui trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của nhà trường <i>Quyết định số 33/QĐ-CĐBK ngày 18/01/2021 về việc ban hành Quy định về bổ nhiệm, điều động đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn; - Quyết định số 620/QĐ-CĐBK ngày 16/11/2022 ban hành Quy định về Tiêu chuẩn chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
180	3.2	3.2.01		Kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hằng năm <i>Kế hoạch số 245 /KH-CĐBK ngày 30 tháng 12 năm 2022 Tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2022; Kế hoạch số 67/KH-CĐBK ngày 27/4/2022 về rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2020 – 2025 và xây dựng kế hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2026 – 2031 Trường Cao đẳng Bắc Kạn quản lý; Quyết định số 269/QĐ-CĐBK, ngày 17/5/2022 Về việc phê duyệt quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, khoa thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn, giai đoạn 2020 – 2025; Quyết định số 264/QĐ-CĐBK, ngày 16/5/2022 Về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, khoa thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn, giai đoạn 2025 – 2030; Tờ trình số 08/TTr-CĐBK ngày 11/5/2022 về việc đề nghị Ban Tổ chức tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý</i>
181		3.2.02		Kế hoạch về đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hằng năm. <i>Công văn số 601/CĐBK-TCHC ngày 07/12/2023 V/v kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động</i>
182		3.2.03		Các quyết định cử cán bộ quản lý, viên chức đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. <i>Thông báo số 119/TB-CĐBK, ngày 10/6/2022 về việc tổ chức tập huấn lưu trữ hồ sơ đào tạo điện tử và giảng dạy trực tuyến; Thông báo số 224/-TB/BTCTU, ngày 24/10/2022 triệu tập cán bộ, công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng 3 và ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng; Quyết định số 445/QĐ-CĐBK, ngày 19/8/2022 về việc cử viên chức tham dự lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 458/QĐ-CĐBK, ngày 26/8/2022 về việc cử viên chức đi đào tạo lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên, ngạch chuyên viên chính</i>
183		3.2.04		Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Ban giám hiệu; cán bộ quản lý các phòng khoa.

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
184		3.2.05		Kết quả thực hiện tuyển dụng, quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. <i>Quyết định số 269/QĐ-CĐBK, ngày 17/5/2022 Về việc phê duyệt quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, khoa thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn, giai đoạn 2020 – 2025; Quyết định số 264/QĐ-CĐBK, ngày 16/5/2022 Về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, khoa thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn, giai đoạn 2025 – 2030. – Tờ trình số 08/TTr-CĐBK ngày 11/5/2022 về việc đề nghị Ban Tổ chức tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý</i>
185		3.2.06		Quyết định về việc công nhận kết quả, xếp loại và danh hiệu thi đua cá nhân, tập thể. <i>Thông báo số 252/TB-CĐBK, ngày 15/12/2022 Kết quả xếp loại viên chức, người lao động năm 2023; QĐ số 566/QĐ-CĐBK ngày 31/10/2023 về việc khen thưởng các giáo viên chủ nhiệm có thành tích xuất sắc trong công tác chủ nhiệm lớp, năm học 2022 - 2023; QĐ số 871/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh về việc tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện các Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 -2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn]</i>
186		3.2.07		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định hằng năm (phụ cấp nghề nghiệp, thâm niên, ốm đau, thai sản, làm thêm giờ, vượt giờ,...). <i>Quyết định số 113/QĐ-CĐBK ngày 12/4/2023 v/v thực hiện phụ cấp ưu đãi nhà giáo năm học 2022-2023 (kèm danh sách)</i>
187			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
188		3.3.01		Danh sách trích ngang giáo viên, giảng viên nhà trường
189	3.3	3.3.02		Hồ sơ quản lý cán bộ giáo viên
190			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
191			1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn
192	3.4		1.3.07	Quy chế làm việc của nhà trường
193		3.4.01		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (Họ tên, trình độ đào tạo, vị trí công tác) <i>Danh sách cán bộ quản lý, viên chức, Người lao động thời điểm tháng 9 năm 2023</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
194		3.4.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động
195		3.4.03		Phiếu nhận xét, đánh giá nhà giáo, viên chức, người lao động <i>Thông báo số 89/TB-UBND, 105/TB-UBND, 106/TB-UBND ngày 07/3/2022 Kết quả xếp loại viên chức lãnh đạo quản lý; Thông báo số 252/TB-CĐBK, ngày 15/12/2022 Kết quả xếp loại viên chức, người lao động năm 2023</i>
196			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
197			1.6.05	Các quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân
198			1.3.06	Quy định của nhà trường về chế độ làm việc của nhà giáo
199	3.5		2.4.01	Kế hoạch đào tạo hàng năm
200		3.5.01		Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học <i>Danh sách giảng viên giảng dạy các nghề năm học 2023-2024 ngày 10/10/2023</i>
201		3.5.02		Kế hoạch phân công giảng dạy toàn khóa của chương trình
202		3.5.03		Danh sách học sinh, sinh viên các lớp <i>Danh sách học sinh sinh viên các lớp trung cấp K19, K20, CĐ Điện CN/K5, CĐĐCN/K6</i>
203		3.5.04		Quyết định của hiệu trưởng về định mức giờ giảng hàng năm cho giảng viên, giáo viên <i>Quyết định số 642/QĐ-CĐBK ngày 29/11/2022 về việc giao định mức giờ giảng cho nhà giáo, năm học 2022-2023</i>
204		3.5.05		Thông báo kết quả thống kê giờ giảng năm học <i>Quyết định số 747/QĐ-CĐBK ngày 30/12/2022 về việc chi trả vượt giờ năm học 2021-2022</i>
205		3.5.06		Bảng kê thanh toán tiền vượt giờ hàng năm
206		3.5.07		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng	
207	3.6		2.1.01	Danh sách chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường và chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo	
208			2.4.01	Kế hoạch đào tạo hàng năm	
209			3.5.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học	
210			2.6.01	Sổ lên lớp	
211			2.6.03	Giáo án	
212			2.6.02	Sổ tay giáo viên của các ngành, nghề đào tạo	
213			2.8.01	Biên bản dự giờ	
214			2.8.02	Biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy	
215		3.7	3.7.01		Kế hoạch cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy <i>Thông báo số 190/TB-CĐBK ngày 08/10/2022 về việc phân công chuyên môn và đăng ký các nội dung tự học, tự bồi dưỡng năm học 2022 - 2023; - Quyết định số 636/QĐ-CĐBK ngày 24/11/2022 về việc phê duyệt nội dung tự học, tự bồi dưỡng Nhà giáo năm học 2022 – 2023</i>
216			3.7.02		Báo cáo thể hiện nhu cầu bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy
217	3.7.03			Phiếu đăng ký/đơn đăng ký bồi dưỡng, học tập, nâng cao trình độ <i>Thông báo số 193/TB-CĐBK ngày 12/10/2022 về việc đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2023</i>	
218			1.3.09	Quy chế thi đua khen thưởng	
219			1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ	
220	3.7.04			Thống kê kinh phí thanh toán học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ	

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Phụ lục kèm theo Báo cáo số 171/BC-CĐBK, ngày 27/10/2022 Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn nhà nước chi cho quản lý hành chính, sự nghiệp, đầu tư xây dựng giai đoạn 2017 - 2022</i>
221	3.8		3.7.01	Kế hoạch cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy
222		3.8.01		Quyết định cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy <i>Quyết định số 636/QĐ-CĐBK ngày 24/11/2022 về việc phê duyệt nội dung tự học, tự bồi dưỡng Nhà giáo năm học 2022 – 2023</i>
223		3.8.02		Báo cáo kết quả học tập kèm tài liệu, văn bằng, chứng chỉ của các nhà giáo tham gia học tập hàng năm <i>Báo cáo số 259/BC-CĐBK, ngày 07/12/2023 Kết quả tự học, tự bồi dưỡng của nhà giáo năm học 2022 – 2023</i>
224	3.9		3.5.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học
225		3.9.01		Danh sách giáo viên cơ hữu được bồi dưỡng, học tập tại đơn vị sử dụng lao động (tên đơn vị sử dụng lao động...)
226		3.9.02		Quyết định cử nhà giáo đi học tập tại các đơn vị sử dụng lao động, tài liệu, hình ảnh minh họa <i>Quyết định số 236/QĐ-CĐBK ngày 06/06/2023 V/v cử nhà giáo đi học tập doanh nghiệp năm học 2022-2023; Quyết định số:165/QĐ – CĐBK ngày 04/5/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v cử học sinh đi thực tập tốt nghiệp đối với các lớp trung cấp K18, khóa học 2021-2023 (TC-CNKTCK/K18, TC-ĐCN/K18, TC-ĐDD01/K18, TC-ĐDD 02/K18) và nhà giáo học tập tại doanh nghiệp (năm học 2022-2023)</i>
227		3.9.03		Báo cáo kết quả bồi dưỡng thực tập của nhà giáo được bồi dưỡng thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành (nếu có)
228	3.10	3.10.01		Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo <i>Báo cáo số 212/BC-CĐBK, ngày 26/12/2022 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số 198/BC- CĐBK ngày 02/10/2023 báo cáo tổng kết công tác năm học 2022 – 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023 – 2024</i>
229	3.11	3.11.01		Danh sách lý lịch trích ngang của hiệu trưởng, hiệu phó
230		3.11.02		Hồ sơ bổ nhiệm (bổ nhiệm lại) hiệu trưởng, các hiệu phó

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
231		3.11.03		Nhận xét, đánh giá cán bộ hằng năm đối với hiệu trưởng, các hiệu phó
232		3.11.04		Kết quả bỏ phiếu rà soát qui hoạch, phiếu tín nhiệm, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại hiệu trưởng các phó hiệu trưởng
233			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
234			1.6.05	Các quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân
235	3.12		1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn
236			3.1.03	Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, qui trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của nhà trường
237		3.12.01		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý của trường
238		3.12.02		Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường - <i>Quyết định số 96/QĐ-CDBK, ngày 24/02/2022 về việc điều động và bổ nhiệm Phó Trưởng Khoa Sư phạm;</i> - <i>Quyết định số 180/QĐ-CDBK, ngày 30/3/2022 về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;</i> - <i>Quyết định số 238/QĐ-CDBK, ngày 27/4/2022 về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Đào tạo</i>
239		3.12.03		Biên bản thanh, kiểm tra về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao đối với cán bộ quản lý (nếu có)
240	3.13		3.12.01	Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý của trường
241		3.13.01		Hồ sơ cán bộ của trường/phó các đơn vị trong trường
242			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
243			1.5.01	Báo cáo tổng kết năm của các phòng, khoa
244		3.13.02		Phiếu nhận xét, đánh giá cán bộ hằng năm đối với cán bộ quản lý
245		3.13.03		Báo cáo kết quả nhận xét, đánh giá cán bộ hằng năm đối với cán bộ quản lý



TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Thông báo số 891/TB-UBND, 27/TB-UBND, 28/TB-UBND, 64/TB-UBND ngày 26/01/2023 Kết quả xếp loại viên chức lãnh đạo quản lý năm 2023</i>
246			3.12.03	Biên bản thanh, kiểm tra về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao đối với cán bộ quản lý (nếu có)
247	3.14	3.14.01		Kế hoạch cho đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hằng năm <i>Kế hoạch số 189/KH-CĐBK ngày 14/10/2022 đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý năm 2022</i>
248		3.14.02		Quyết định cử đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hằng năm <i>Quyết định số 311/QĐ-CĐBK, ngày 07/7/2023 về việc cử giáo viên đi học tập tại doanh nghiệp (năm học 2023-2024); - Quyết định số 413/QĐ-CĐBK, ngày 06/9/2023 về việc cử nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Công văn số 463/CĐBK-TCHC, ngày 05/10/2023 về việc đăng ký bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số năm 2023 trên nền tảng MOOCs</i>
249		3.14.03		Báo cáo, chứng chỉ, bằng cấp, hình ảnh đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hằng năm <i>Báo cáo số 259/BC-CĐBK ngày 07 tháng 12 năm 2023, Kết quả tự các nội dung tự học, tự bồi dưỡng của Nhà giáo, năm học 2022 - 2023</i>
250		3.15.01		Danh sách trích ngang viên chức, người lao động của trường (trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí công việc...)
251			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
252			1.5.01	Báo cáo tổng kết hằng năm của các phòng, khoa
253	3.15	3.15.02		Danh sách đội ngũ viên chức, người lao động của trường được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hằng năm <i>Quyết định số 311/QĐ-CĐBK, ngày 07/7/2023 về việc cử giáo viên đi học tập tại doanh nghiệp (năm học 2023-2024); - Quyết định số 413/QĐ-CĐBK, ngày 06/9/2023 về việc cử nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Công văn số 463/CĐBK-TCHC, ngày 05/10/2023 về việc đăng ký bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số năm 2023 trên nền tảng MOOCs</i>
254		3.15.03		Quyết định về việc cử viên chức, người lao động tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hằng năm <i>Quyết định số 311/QĐ-CĐBK, ngày 07/7/2023 về việc cử giáo viên đi học tập tại doanh nghiệp (năm học 2023-2024); - Quyết định số 413/QĐ-CĐBK, ngày 06/9/2023 về việc cử nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Công văn số 463/CĐBK-TCHC, ngày 05/10/2023 về việc đăng ký bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số năm 2023 trên nền tảng MOOCs</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
255		3.15.04		Báo cáo/tài liệu thể hiện kết quả học tập bồi dưỡng của viên chức, người lao động được cử đi học <i>Báo cáo số 06/BC-CĐBK, ngày 06/01/2023 Kết quả báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2022, dự kiến kế hoạch năm 2023</i>
256	4.1		2.1.02	Danh sách các ngành, nghề trường tổ chức đào tạo
257			1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN (nếu có).
258		4.1.01		Chương trình đào tạo đã được trường phê duyệt, ban hành/lựa chọn
259	4.2	4.2.01		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/Lựa chọn chương trình đào tạo <i>Quyết định số 472/QĐ-CĐBK ngày 07/9/2022 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo năm 2022</i>
260		4.2.02		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo <i>Quyết định số 576/QĐ-CĐBK ngày 01/11/2022 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo</i>
261		4.2.03		Các biên bản trong quá trình biên soạn/Lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo <i>Các biên bản thẩm định chương trình đào tạo các nghề: Trồng trọt và bảo vệ thực vật, trình độ Trung cấp; Công nghệ ô tô, trình độ Cao đẳng; Điện Công nghiệp, trình độ Cao đẳng liên thông; Thú y, trình độ Cao đẳng, Điện Công nghiệp, trình độ Trung cấp; Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Trình độ Trung cấp; Kỹ thuật chế biến món ăn, trình độ Trung cấp; Công nghệ ô tô, trình độ Trung cấp; Điện dân dụng, trình độ Trung cấp; Chăn nuôi thú y, trình độ Trung cấp (10 biên bản)</i>
262		4.2.04		Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo kèm chương trình chi tiết các môđun, môn học <i>Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)</i>
263	4.3		4.2.04	Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo kèm chương trình chi tiết các môđun, môn học
264	4.4		4.2.01	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/Lựa chọn chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
265			4.2.02	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
266		4.4.01		Biên bản biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo <i>Các biên bản thẩm định chương trình đào tạo các nghề: Trồng trọt và bảo vệ thực vật, trình độ Trung cấp; Công nghệ ô tô, trình độ Cao đẳng; Điện Công nghiệp, trình độ Cao đẳng liên thông; Thú y, trình độ Cao đẳng, Điện Công nghiệp, trình độ Trung cấp; Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Trình độ Trung cấp; Kỹ thuật chế biến món ăn, trình độ Trung cấp; Công nghệ ô tô, trình độ Trung cấp; Điện dân dụng, trình độ Trung cấp; Chăn nuôi thú y, trình độ Trung cấp (10 biên bản)</i>
267			4.2.04	Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo kèm chương trình chi tiết các môđun, môn học
268		4.4.02		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động tham gia quá trình xây dựng chương trình đào tạo
269		4.4.03		Phiếu đóng góp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động vào quá trình lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo
270			4.2.04	Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo kèm chương trình chi tiết các môđun, môn học
271	4.5	4.5.01		Bộ minh chứng khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động về tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động đối với từng chương trình đào tạo của nhà trường (Bao gồm: Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát)
272		4.5.02		Bộ minh chứng khảo sát lấy ý kiến đánh giá của người học đã tốt nghiệp và đi làm về tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động của chương trình đào tạo của nhà trường (Bao gồm: Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát)
273			4.2.04	Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo kèm chương trình chi tiết các môđun, môn học
274	4.6		2.16.01	Quy định về đào tạo liên thông của trường
275		4.6.01		Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành. <i>Quy định số 444/QyĐ-CĐBK ngày 16/9/2021 tuyển sinh và đào tạo liên thông giữa các trình độ</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
276		4.6.02		Văn bản chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường về đào tạo liên thông <i>Công văn số 5337/ĐHTN-ĐT ngày 06/11/2023 về việc phê duyệt chỉ tiêu và cho phép mở lớp ĐH hệ VLVH của trường ĐHSP tại trường CD Bắc Kạn năm 2023</i>
277		4.6.03		Chương trình đào tạo liên thông của đơn vị liên kết <i>Quyết định số 3657/QĐ-ĐHSP ngày 28/10/2020 ban hành Chương trình giáo dục đại học trình độ đại học, đào tạo theo học chế tín chỉ, hình thức Vừa làm vừa học; Quyết định số 2268<sup>a</sup>/QĐ-ĐHSP ngày 29/6/2021 điều chỉnh Chương trình đào tạo hệ Vừa làm vừa học</i>
278		4.6.04		Thông báo của nhà trường về khả năng liên thông với trình độ đại học <i>Thông báo số 27/TB-CĐBK ngày 23/02/2023 thông báo tuyển sinh đại học liên thông vừa làm vừa học năm 2023</i>
279		4.7.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo (lần đầu) và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo <i>Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Lập trình và phân tích hệ thống, Khoa học cây trồng, Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn, Tin học ứng dụng (tháng 8/2020)</i>
280	4.7	4.7.02		Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo <i>Báo cáo số 225/BC-CĐBK ngày 30/12/2022 báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo năm 2022</i>
281		4.7.03		Chương trình đào tạo đã được cập nhật và điều chỉnh <i>Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)</i>
282			4.7.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo (lần đầu) và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo
283	4.8	4.8.01		Quyết định ban hành chương trình sau khi chỉnh sửa, bổ sung và chương trình đào tạo kèm theo <i>Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)</i>
284		4.8.02		Chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài đã được tham khảo/thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật
285	4.9		4.2.04	Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo kèm chương trình chi tiết các môđun, môn học

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
286		4.9.01		Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo liên thông kèm theo Quyết định số 733/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Điện Công nghiệp, trình độ Cao đẳng liên thông; Quyết định số 737/QĐ-CĐBK ngày 28/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo (chỉnh sửa) nghề Thú y, trình độ Cao đẳng liên thông
287		4.9.02		Báo cáo kết quả rà soát môn học, mô-đun, học phần mà người học không phải học khi học chương trình liên thông Quy định số 444/QyĐ-CĐBK ngày 16/9/2021 Quy định về tuyển sinh và đào tạo Liên thông giữa các trình độ
288		4.9.03		Quyết định phê duyệt danh sách các mô-đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông Quy định số 444/QyĐ-CĐBK ngày 16/9/2021 Quy định về tuyển sinh và đào tạo Liên thông giữa các trình độ
289			1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN (nếu có).
290			4.2.04	Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo kèm chương trình chi tiết các môđun, môn học
291	4.10	4.10.01		Danh sách thống kê giáo trình cho từng môn học, mô-đun, học phần của các chương trình đào tạo (nêu rõ tên giáo trình, năm biên soạn, đơn vị phát hành) Danh mục giáo trình năm 2020 ngày 15/02/2023
292		4.10.02		Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo
293			4.10.01	Danh sách thống kê giáo trình cho từng môn học, mô-đun, học phần của các chương trình đào tạo (nêu rõ tên giáo trình, năm biên soạn, đơn vị phát hành)
294	4.11		4.10.02	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo
295			1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN (nếu có).
296			4.2.04	Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo kèm chương trình chi tiết các môđun, môn học
297	4.12		4.10.01	Danh sách thống kê giáo trình cho từng môn học, mô-đun, học phần của các chương trình đào tạo (nêu rõ tên giáo trình, năm biên soạn, đơn vị phát hành)
298			4.10.02	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
299		4.12.01		Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định
300		4.12.02		Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo của giáo trình đào tạo của nhà trường (về sự cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo) Kế hoạch số 37/KH-KCD ngày 07/7/2023 Khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về mức độ đáp ứng công việc và sự phù hợp về phương pháp đào tạo, chương trình giáo trình đào tạo thuộc khoa Cơ điện năm 2023; Kế hoạch số 55/KH-CGĐB ngày 21/6/2023 về việc khảo sát người học, doanh nghiệp, nhà giáo và cán bộ quản lý về việc đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, lượng kiến thức, sự phân bổ thời gian, đáp ứng nhu cầu việc làm sau khi tốt nghiệp, ... của chương trình đào tạo nghề CNOTO; Kế hoạch số 15/KH-NL ngày 27/9/2023 khảo sát sự phù hợp của các chương trình đào tạo thuộc khoa Nông lâm, Trường Cao đẳng Bắc Kạn; Báo cáo số 74/BC-CGĐB ngày 15/9/2023 kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, doanh nghiệp, nhà giáo, cán bộ quản lý về việc đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, lượng kiến thức, sự phân bổ thời gian, đáp ứng của chương trình, giáo trình, nhu cầu việc làm đối với học sinh đang học tại trường; Báo cáo số 14/BC-NL ngày 20/9/2023 báo cáo kết quả khảo sát về sự phù hợp của giáo trình đào tạo các nghề thuộc khoa Nông lâm
301			2.1.02	Danh sách các ngành, nghề trường tổ chức đào tạo
302			4.10.01	Danh sách thông kê giáo trình cho từng môn học, mô-đun, học phần của các chương trình đào tạo (nêu rõ tên giáo trình, năm biên soạn, đơn vị phát hành)
303	4.13		4.10.02	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo
304			4.12.01	Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định
305			4.12.02	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo về giáo trình đào tạo của nhà trường (về sự tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực của giáo trình)
306		4.14.01		Kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo khảo sát thu thập những nhật xét đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo của nhà trường
307	4.14	4.14.02		Kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo khảo sát thu thập những nhật xét đánh giá của người học đã tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo của nhà trường
308		4.14.03		Danh sách đối tượng được khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo của nhà trường

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
309	4.15		4.7.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo (lần đầu) và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo
310		4.15.01		Quyết định ban hành chương trình sau khi có sự thay đổi và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo
311		4.15.02		Danh sách chương trình đào tạo có sự thay đổi
312		4.15.03		Giáo trình đào tạo trước và sau khi chương trình đào tạo có sự thay đổi
313	5.1		1.1.01	Quyết định thành lập trường
314		5.1.01		Bản đồ mạng lưới giao thông và vị trí đặt địa điểm trường <i>Hình ảnh thể hiện biển chỉ dẫn trường tại cơ sở 1 và cơ sở 2</i>
315		5.1.02		Danh sách các cơ sở công nghiệp thải ra chất độc hại gần trường, trong đó có thống kê khoảng cách từ cơ sở công nghiệp đến trường
316		5.1.03		Quy hoạch chung của khu vực trong đó có sơ đồ quy hoạch trường <i>Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn và Trường Sư phạm giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 2036/QĐ-UBND, ngày 21/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn</i>
317		5.1.04		Bộ MC khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về ưu, nhược điểm vị trí của nhà trường (bao gồm: Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát) <i>Kế hoạch số 142/KH-CĐBK, ngày 26/7/2023 Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; Báo cáo số 181/BC-CĐBK ngày 08/9/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (khảo sát online)</i>
318	5.2	5.2.01		Hồ sơ thiết kế, xây dựng mặt bằng khuôn viên trường
319		5.2.02		Hồ sơ hoàn công các khối công trình phục vụ đào tạo (nếu có).
320		5.2.03		Số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng <i>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của trường, Thống kê diện tích xây dựng theo Đề án 702/ĐA-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh về việc sáp nhập trường CĐCD vào trường CĐNDTNT và đổi tên thành trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
321		5.2.04		Số liệu về diện tích trồng cây xanh
322			5.1.04	Bộ MC khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về ưu, nhược điểm vị trí của nhà trường (bao gồm: Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát) <i>Kế hoạch số 142/KH-CĐBK, ngày 26/7/2023 Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; Báo cáo số 181/BC-CĐBK ngày 08/9/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (khảo sát online)</i>
323			5.2.01	Hồ sơ thiết kế, xây dựng mặt bằng khuôn viên trường
324	5.3	5.3.01		Bộ minh chứng khảo sát về việc đáp ứng của cơ sở vật chất nhà trường đối với việc học tập, nghiên cứu khoa học, thực hành, thí nghiệm... của người học, giáo viên, cán bộ quản lý (Bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát ) <i>Kế hoạch số 142/KH-CĐBK, ngày 26/7/2023 Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; Báo cáo số 181/BC-CĐBK ngày 08/9/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (khảo sát online)</i>
325			5.2.01	Hồ sơ thiết kế, xây dựng mặt bằng khuôn viên trường
326			5.2.02	Hồ sơ hoàn công các khối công trình phục vụ đào tạo(nếu có).
327		5.4.01		Hồ sơ thiết kế, thi công hệ thống xử lý chất thải, nước thải
328		5.4.02		Báo cáo về hệ thống phòng cháy, chữa cháy
329	5.4	5.4.03		Văn bản đánh giá của công an PCCC đối với hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà trường <i>Biên bản kiểm tra điều kiện PCCC giữa trường và phòng CS PCCC tỉnh Bắc Kạn ngày 06 tháng 11 năm 2023</i>
330		5.4.04		Hợp đồng cung cấp nước sạch với công ty nước sạch Bắc Kạn
331		5.4.05		Các văn bản quy định về bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật của trường <i>Điều 7. Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công (thuộc Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2020 ban hành kèm theo QĐ số 241/QĐ-CĐBK ngày 14/7/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)</i>



TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
332		5.4.06		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường <i>Kế hoạch số 28/KH-CĐBK ngày 15/3/2022 bảo dưỡng cơ sở vật chất, trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2022</i>
333		5.4.07		Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật <i>Báo cáo Công tác bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật tại trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023 ngày 08/11/2023</i>
334		5.4.08		Hồ sơ duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất nhà trường
335		5.4.09		Các văn bản đánh giá của Sở Tài nguyên – Môi trường về hệ thống xử lý nước thải, chất thải (nếu có)
336			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
337		5.5		5.2.01
338	5.5.01			Hồ sơ hoàn công các khối công trình chức năng (nếu có)
339	5.5.02			Bảng thống kê số lượng, diện tích, vị trí các phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa <i>Bảng thống kê số liệu diện tích các khu nhà, hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa theo Đề án 702/ĐA-UBND của UBND tỉnh sáp nhập trường (phụ lục 02); Bảng thống kê chi tiết diện tích các khối nhà của bộ phận Tài sản- Tài chính</i>
340	5.5.03			Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng kèm theo chi tiết công nghệ của thiết bị bao gồm: tên thiết bị, xuất xứ, nhà sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa
341	5.5.04			Báo cáo đánh giá về hệ thống cơ sở, vật chất của trường hằng năm <i>Báo cáo số 100/BC-CĐBK ngày 26/5/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc chấp hành pháp luật về quản lý đất công gắn với tài sản công tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
342	5.6		5.6.01	
343			5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng kèm theo chi tiết công nghệ của thiết bị bao gồm: tên thiết bị, xuất xứ, nhà sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
344	5.7	5.7.01		Quy định của trường về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa <i>Quyết định số 290/QĐ-CĐBK ngày 31/5/2022 ban hành Quy định về quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, khu thực hành tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
345		5.7.02		Báo cáo về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa <i>Báo cáo hàng năm về tình hình sử dụng phòng học, giảng đường của bộ phận Tài sản- tài chính</i>
346	5.8		5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng kèm theo chi tiết công nghệ của thiết bị bao gồm: tên thiết bị, xuất xứ, nhà sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa
347		5.8.01		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành tại Thông tư số 27/2019/BLĐTB&XH
348		5.8.02		Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm
349		5.8.03		Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các môn học, học phần, mô – đun, của chương trình đào tạo
350		5.8.04		Sơ đồ/thời khóa biểu bố trí phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa theo học kỳ, năm học
351		5.8.05		Phiếu khảo sát, Kế hoạch khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về sự đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu của từng trình độ đào tạo ngành/nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định.
352		5.8.06		Biên bản thanh kiểm tra về thiết bị đào tạo của cơ quan quản lý (nếu có)
353		5.9	5.9.01	
354	5.9.02			Hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo
355	5.9.03			Hồ sơ thiết kế, lắp đặt các thiết bị, dụng cụ, phục vụ đào tạo

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
356		5.9.04		Báo cáo đánh giá của nhà trường về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng dụng cụ, thiết bị
357		5.9.05		Văn bản của cơ quan chức năng đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ (nếu có)
358	5.10		5.6.01	Qui định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
359	5.11		5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng kèm theo chi tiết công nghệ của thiết bị bao gồm: tên thiết bị, xuất xứ, nhà sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa
360		5.11.01		Báo cáo đánh giá việc sử dụng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo <i>Báo cáo đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo trường cao đẳng Bắc Kạn của bộ phận Tài sản- Tài chính</i>
361	5.12	5.12.01		Quy định của Nhà trường về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo
362		5.12.02		Quy định của Nhà trường về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo <i>Quyết định số 668/QĐ-CĐBK, ngày 28/12/2021 về việc ban hành Quy định mua sắm, sử dụng công cụ, dụng cụ, hàng hóa, vật tư thực hành</i>
363		5.12.03		Hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo
364		5.12.04		Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo
365		5.12.05		Biên bản bàn giao vật tư theo đúng định mức tiêu hao vật tư/định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo
366	5.13	5.13.01		Nội quy thư viện <i>Quyết định số 170/QĐ – CĐBK ngày 22/6/2020 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v ban hành Nội quy Thư viện</i>
367		5.13.02		Hồ sơ thiết kế thi công thư viện
368			1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN (nếu có).
369		5.13.03		Danh sách giáo trình đã được trường phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
370		5.14.01		Kế hoạch hoạt động thư viện hằng năm <i>Kế hoạch số 128/KH-CĐBK ngày 22/6/2023, Kế hoạch hoạt động thư viện năm học 2023-2024</i>
371	5.14	5.14.02		Phiếu khảo sát, kế hoạch khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo và người học về hoạt động của thư viện <i>Kế hoạch số: 142/KH-CĐBK ngày 26/7/2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, cán bộ, viên chức, người lao động; Kế hoạch số 55 ngày 21/06/2023 của Khoa Cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; Hoạt động dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên; Mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Các dịch vụ cho người học; Kế hoạch số 37 ngày 7/7/2023 của Khoa Cơ điện Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo thuộc Khoa Cơ điện năm 2023; Báo cáo số 14/BC-CTHSSV ngày 28/9/2023 Báo cáo Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo về hoạt động của thư viện, khảo sát HSSV về chính sách hỗ trợ kịp thời, về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX, về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội khi học tại trường</i>
372		5.14.03		Báo cáo đánh giá hoạt động thư viện <i>Báo cáo số 121/BC-CĐBK ngày 22/6/2023, Báo cáo tổng kết hoạt động thư viện năm học 2022-2023</i>
373		5.15.01		Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện
374		5.15.02		Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu
375		5.15.03		Danh mục giáo trình của trường được số hóa
376	5.15	5.15.04		Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa
377		5.15.05		Sổ theo dõi (mượn, trả) tài liệu, giáo trình
378		5.14.03		Báo cáo đánh giá hoạt động thư viện
379		5.14.02		Phiếu khảo sát, kế hoạch khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo và người học về hoạt động của thư viện.
380	6.1	6.1.01		Quy chế NCKH

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Quyết định số 597/QĐ-CĐBK ngày 01/12/2020 ban hành Quy chế Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
381		6.1.02		Kế hoạch nghiên cứu khoa học <i>Kế hoạch số 12/KH-CĐBK ngày 09/02/2023 kế hoạch nghiên cứu khoa học năm 2023</i>
382		6.1.03		Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học hàng năm <i>Quyết định số 190/QĐ-CĐBK ngày 17/5/2023 về việc phê duyệt các công trình nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2023</i>
383		6.1.04		Quyết định hỗ trợ kinh phí cho các đề tài, sáng kiến kinh nghiệm <i>Quyết định số 105/QĐ-CĐBK ngày 31/3/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023</i>
384		6.1.05		Quyết định công nhận các đề tài sáng kiến hàng năm <i>Quyết định số 190/QĐ-CĐBK ngày 17/5/2023 về việc phê duyệt các công trình nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2023</i>
385		6.1.06		Báo cáo kết quả về công tác NCKH hàng năm <i>Báo cáo kết quả hoạt động công tác NCKH năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024</i>
386			1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ
387		6.2.01		Phiếu đăng ký đề tài, sáng kiến NCKH của cán bộ, giáo viên <i>Phiếu đăng ký đề tài, sáng kiến NCKH của cán bộ, giáo viên năm 2023</i>
388	6.2	6.2.02		Biên bản họp hội đồng xét duyệt đề tài, sáng kiến NCKH, hồ sơ thuyết minh các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến <i>Biên bản họp hội đồng xét duyệt đề tài, sáng kiến NCKH, hồ sơ thuyết minh các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến năm 2023</i>
389		6.2.03		Quyết định công nhận đề tài nghiên cứu khoa học kèm danh sách <i>Quyết định số 190/QĐ-CĐBK ngày 17/5/2023 về việc phê duyệt các công trình nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2023</i>
390			6.1.06	Báo cáo kết quả về công tác NCKH hàng năm
391	6.3	6.3.01		Các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được đăng trên các báo, tạp chí khoa học trong năm tự đánh giá

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được đăng trên các báo, tạp chí khoa học trong năm 2023</i>
392	6.4		6.2.03	Quyết định công nhận đề tài nghiên cứu khoa học kèm danh sách
393			6.1.06	Báo cáo kết quả về công tác NCKH hàng năm
394	6.5	6.5.01		Các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ, hình ảnh, tài liệu thể hiện việc liên kết đào tạo, triển khai hợp tác với các trường nước ngoài và các tổ chức quốc tế. <i>Hình ảnh lễ ký kết hợp tác toàn diện giữa doanh nghiệp với nhà trường và khai trương văn phòng đại diện Hinode tại Bắc Kạn; Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Trường Cao đẳng Bắc Kạn và Tập đoàn Apec ngày 24/5/2023; Thoả thuận hợp tác giữa Trường Cao đẳng Bắc Kạn và Công ty TNHH OS Power Việt Nam ngày 04/8/2022</i>
395		6.5.02		Báo cáo kết quả liên kết đào tạo/triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài và các tổ chức quốc tế. <i>Báo cáo số 03/BC-ĐT ngày 07/12/2023 báo cáo kết quả liên kết đào tạo triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài và tổ chức Quốc tế</i>
396	7.1		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ
397		7.1.01		Báo cáo công khai thu chi tài chính hằng năm của trường
398		7.1.02		Biên bản hội nghị viên chức <i>Biên bản hội nghị viên chức, người lao động và triển khai nhiệm vụ năm 2023 ngày 16/01/2023</i>
399	7.2		7.2.01	Danh mục các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
400			7.2.02	Hồ sơ, sổ sách quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
401			7.1.01	Báo cáo công khai thu chi tài chính hằng năm của trường
402			7.2.03	Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán.

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, Tiêu chuẩn</b>	<b>Mã MC</b>	<b>MC dùng chung</b>	<b>Tên minh chứng</b>
403	7.3	7.3.01		Kế hoạch tài chính hằng năm
404			7.1.01	Báo cáo công khai thu chi tài chính hằng năm của trường
405			7.2.03	Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán.
406	7.4	7.4.01		Hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính.
407			7.1.01	Báo cáo công khai thu chi tài chính hằng năm của trường
408		7.4.02		Biên bản xét duyệt quyết toán, thanh kiểm tra, kiểm toán (nếu có)
409	7.5	7.5.01		Kế hoạch hằng năm về công tác tự kiểm tra tài chính kế toán đối với trường và các đơn vị
410		7.5.02		Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra công tác tự kiểm tra tài chính kế toán đối với trường và các đơn vị
411		7.5.03		Báo cáo/văn bản thể hiện thực hiện công tác kiểm toán của trường
412		7.5.04		Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan chủ quản hoặc biên bản kiểm toán của cơ quan kiểm toán (nếu có)
413		7.5.05		Báo cáo/văn bản thể hiện trường đã xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền (nếu có)
414			7.1.02	Biên bản hội nghị viên chức
415	7.6	7.6.01		Kế hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường
416		7.6.02		Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường
417			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng	
418	8.1	8.1.01		Kế hoạch chính huấn đầu khóa <i>Kế hoạch 137/KH-CĐBK ngày 13/7/2023 Kế hoạch tập trung nhập học và đào tạo đợt 1, năm học 2023-2024; Thông báo 152/TB-CĐBK ngày 11/8/2023 Thông báo v/v tổ chức nhập học đợt 2, năm 2023-2024.</i>	
419		8.1.02		Tài liệu cung cấp cho học sinh đầu khóa học về chương trình đào tạo <i>Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Thú y, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thú y (tháng 12/2022)</i>	
420		8.1.03		Quy chế học sinh sinh viên <i>Quyết định số 70/QĐ – CĐBK ngày 19/5/2020 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v ban hành Quy chế công tác HSSV</i>	
421		8.1.04		Quy định về HSSV nội trú, ngoại trú <i>Quyết định số 229/QĐ – CĐBK ngày 09/7/2020 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v ban hành Quy chế quản lý HSSV nội trú</i>	
422		8.1.05		Nội quy KTX, giảng đường, thư viện, xưởng thực hành được niêm yết công khai <i>Nội quy KTX, giảng đường, thư viện, xưởng thực hành được niêm yết công khai</i>	
423			2.12.01		Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp
424			2.12.02		Quy chế đánh giá điểm rèn luyện đối với học sinh, sinh viên
425		8.1.06			Các văn bản của trường liên quan đến chế độ, chính sách đối với người học <i>Quyết định số 133/QĐ-CĐBK ngày 14 tháng 3 năm 2022 Ban hành Quy định về thực hiện chế độ chính sách cho HSSV trường CĐBK; Quyết định số 191/QĐ-CĐBK ngày 17/5/2023 QĐ ban hành quy định về chính sách ưu đãi cho học sinh tham gia học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
426		8.2	8.2.01		Các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác mà trường đã và đang áp dụng <i>Quyết định số 133/QĐ-CĐBK ngày 14 tháng 3 năm 2022 Ban hành Quy định về thực hiện chế độ chính sách cho HSSV trường CĐBK; Quyết định số 191/QĐ-CĐBK ngày 17/5/2023 QĐ ban hành quy định về chính sách ưu đãi cho học sinh tham gia học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn</i>
427			8.2.02		Danh sách những người học thuộc đối tượng ưu tiên: họ và tên, lớp, khóa, đối tượng, nội dung được hỗ trợ (kèm theo hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách).



TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Quyết định 126/QĐ-CĐBK ngày 17/4/2023 QĐ V/v phê duyệt danh sách và thực hiện chi trả chính sách nội trú cho HSSV (đợt 1) năm 2023 (theo QĐ số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Chính phủ); Quyết định 127/QĐ-CĐBK ngày 17/4/2023 QĐ V/v phê duyệt danh sách và thực hiện chi trả chính sách nội trú cho HSSV (đợt 1) năm 2023 (theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND); Quyết định 128/QĐ-CĐBK ngày 17/4/2023 QĐ V/v miễn giảm học phí cho HSSV (tốt nghiệp THPT) năm 2023 (Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Quyết định 263/QĐ-CĐBK ngày 22/6/2023 QĐ V/v điều chỉnh danh sách và thực hiện tri trả hỗ trợ cho HS lớp Nhà hàng, Khách sạn năm 2022, 2023 (Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND)</i>
428			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
429		8.3.01		Quy định của nhà trường về chính sách khen thưởng, khuyến khích HSSV đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. <i>Quyết định số 132/QĐ-CĐBK ngày 11 tháng 3 năm 2022 V/v ban hành Quy định về học bổng khuyến khích học tập trong trường CĐBK</i>
430		8.3.02		Quyết định khen thưởng kèm danh sách HSSV đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. <i>Quyết định số 353/QĐ-CĐBK ngày 4/8/2023 Quyết định v/v Khen thưởng sinh viên lớp cao đẳng liên thông Điện CN K3 đạt kết quả cao trong học tập, khóa học 2021-2022</i>
431	8.3	8.3.03		Các quyết định kèm danh sách khen thưởng HSSV đạt thành tích cao trong phong trào thi đua học tập và rèn luyện. <i>Quyết định số 82/QĐ-CĐBK ngày 16/3/2023 Quyết định v/v công nhận kết quả rèn luyện học kỳ II (Bổ sung) cho HSSV lớp CĐLT ĐCN k3, TCTT &amp; BVTV K18 năm học 2021-2022; Quyết định số 121/QĐ-CĐBK ngày 13/4/2023 Quyết định v/v công nhận kết quả rèn luyện học kỳ I cho HSSV năm học 2022-2023; Quyết định 151/QĐ-CĐBK ngày 27/4/2023 quyết định v/v cấp Học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2021-2022(bổ sung) cho HSSV lớp CĐLT ĐCN k3, TCTT &amp; BVTV K18</i>
432		8.3.04		Các quyết định kèm danh sách HSSV đạt học bổng <i>Quyết định 151/QĐ-CĐBK ngày 27/4/2023 quyết định v/v cấp Học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2021-2022(bổ sung) cho HSSV lớp CĐLT ĐCN k3, TCTT &amp; BVTV K18</i>
433			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
434		8.3.05		Bộ minh chứng khảo sát HSSV về chính sách hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường (Bao gồm Kế hoạch khảo sát; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát)

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>Kế hoạch số: 55 ngày 21/06/2023 của Khoa Cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; Hoạt động dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên; Mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Các dịch vụ cho người học; Kế hoạch số: 37 ngày 7/7/2023 của Khoa Cơ điện Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo thuộc Khoa Cơ điện năm 2023; Báo cáo số 14/BC-CTHSSV ngày 28/9/2023 Báo cáo Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo về hoạt động của thư viện, khảo sát HSSV về chính sách hỗ trợ kịp thời, về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX, về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội khi học tại trường</i>
435	8.4		2.3.03	Thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường
436			8.1.03	Quy chế học sinh sinh viên
437			8.1.05	Nội quy KTX, giảng đường, thư viện, xưởng thực hành được niêm yết công khai
438			1.1.04	Báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm của trường
439		8.4.01		Biên bản thanh, kiểm tra, xử lý khiếu nại, tố cáo của người học (nếu có).
440		8.4.02		Bộ minh chứng khảo sát HSSV về sự tôn trọng, đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân trong quá trình học tập tại trường (Bao gồm: Kế hoạch khảo sát; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát)  Kế hoạch số 55 ngày 21/06/2023 của Khoa Cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; Hoạt động dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên; Mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Các dịch vụ cho người học; Kế hoạch số 37 ngày 7/7/2023 của Khoa Cơ điện Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo thuộc Khoa Cơ điện năm 2023; Báo cáo số 14/BC-CTHSSV ngày 28/9/2023 Báo cáo Kết quả

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo về hoạt động của thư viện, khảo sát HSSV về chính sách hỗ trợ kịp thời, về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX, về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội khi học tại trường
441	8.5	8.5.01		Hồ sơ thiết kế xây dựng KTX
442		8.5.02		Danh sách HSSV ở KTX
443		8.5.03		Báo cáo tổng kết năm của Phòng CTHSSV trong đó có nội dung đánh giá về ký túc xá <i>Báo cáo số 15/BC - CTHSSV ngày 28/11/2022 của Phòng CTHSSV Báo cáo kiểm điểm tập thể năm 2022.</i>
444		8.5.04		Bộ minh chứng khảo sát HSSV về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX (Bao gồm: Kế hoạch khảo sát; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát) <i>Kế hoạch số 55 ngày 21/06/2023 của Khoa Cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; Hoạt động dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên; Mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Các dịch vụ cho người học; Kế hoạch số 37 ngày 7/7/2023 của Khoa Cơ điện Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo thuộc Khoa Cơ điện năm 2023.</i> <i>Báo cáo số 14/BC-CTHSSV ngày 28/9/2023 Báo cáo Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo về hoạt động của thư viện, khảo sát HSSV về chính sách hỗ trợ kịp thời, về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX, về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội khi học tại trường</i>
445	8.6	8.6.01		Quyết định thành lập phòng CTHSSV <i>Quyết định số 05/QĐ – CDBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v thành lập phòng Công tác HSSV</i>
446		8.6.02		Ảnh chụp phòng y tế của trường
447		8.6.03		Danh sách HSSV khám bệnh, cấp phát thuốc hàng năm

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng	
448		8.6.04		Danh sách HSSV tham gia BH y tế, BH thân thể	
449		8.6.05		Hồ sơ cán bộ y tế	
450		8.6.06		Kế hoạch và kết quả khám sức khỏe cho HSSV <i>Thông báo số 182/TB-CĐBK ngày 22/9/2023, TB V/v Khám sức khỏe đầu năm học cho HSSV mới nhập học; Báo cáo 215/BC-CĐBK ngày 26/10/2023 Báo cáo Tổng hợp khám sức khỏe HSSV năm học 2023-2024</i>	
451		8.6.07		Bảng kê danh mục thuốc và các thiết bị y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe người học	
452		8.6.08		Báo cáo công tác y tế hàng năm của nhà trường <i>Báo cáo 130/BC-CĐBK ngày 6/7/2023 Báo cáo kết quả thực hiện công tác y tế trường học năm học 2022-2023</i>	
453		8.6.09		Hợp đồng cung cấp dịch vụ ăn uống	
454		8.6.10		Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện VSATTP của căng tin nhà trường <i>Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 12/2020/ATTP-CNĐK ngày 25/01/2020</i>	
455		8.6.11		Báo cáo đánh giá thực hiện căng tin nhà trường	
456		8.7	8.7.01		Thông tin về khu thể dục thể thao, khu sinh hoạt văn hóa văn nghệ của trường <i>Báo cáo số 03/BC – CTHSSV V/v cung cấp thông tin khu thể thao, văn nghệ trường CĐBK năm 2022</i>
457			8.7.02		Kế hoạch tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ; Thể dục thể thao; Hoạt động tình nguyện của Đoàn trường hàng năm <i>Kế hoạch số 32/KH-ĐTN ngày 15/5/2023 Kế hoạch tổ chức chiến dịch thanh niên tình nguyện hè năm 2023; Kế hoạch số 83/KH-CĐBK ngày 11/4/2023 Kế hoạch thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tại xã Nghiễn Loan huyện Pác Nặm năm 2023.</i>
458			8.7.03		Kế hoạch hoạt động nhằm đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên trường <i>KH số 166/KHPH-CAP-CĐBK ngày 8/9/2022 Kh Phối hợp giữa Trường CĐBK với Ban CA phường Sông Cầu, CA phường Phùng Chí Kiên về thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và an toàn Xã hội giai đoạn 2022-2026</i>
459	8.7.04			Báo cáo đánh giá về tình hình an toàn trong khuôn viên trường. <i>Báo cáo 113/BC-CĐBK ngày 21/7/2022 Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong cơ sở giáo dục</i>	

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
460		8.7.05		<p>Bộ minh chứng khảo sát HSSV về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội (Bao gồm: Kế hoạch khảo sát; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát)</p> <p><i>KH số 55 ngày 21/06/2023 của Khoa Cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; Hoạt động dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên; Mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Các dịch vụ cho người học; Kế hoạch số: 37 ngày 7/7/2023 của Khoa Cơ điện Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo thuộc Khoa Cơ điện năm 2023.</i></p> <p><i>Báo cáo số 14/BC-CTHSSV ngày 28/9/2023 Báo cáo Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo về hoạt động của thư viện, khảo sát HSSV về chính sách hỗ trợ kịp thời, về các điều kiện sinh hoạt và học tập tại KTX, về việc được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội khi học tại trường</i></p>
461	8.8	8.8.01		<p>Kế hoạch tư vấn việc làm cho học sinh sinh viên hàng năm</p> <p><i>Kế hoạch số 215/KH-CĐBK ngày 16/11/2022 tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học năm học 2022-2023</i></p>
462		8.8.02		<p>Hợp đồng cung ứng lao động cho các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động</p> <p><i>Hợp đồng cung ứng lao động cho các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động năm 2023</i></p>
463			1.1.03	<p>Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm</p>
464		8.8.03		<p>Báo cáo kết quả công tác trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp</p> <p><i>Báo cáo số 04/BC-ĐT ngày 07/12/2023 báo cáo kết quả công tác trợ giúp giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp</i></p>
465	8.9	8.9.01		<p>Kế hoạch tổ chức, phối hợp tổ chức hội chợ việc làm</p>
466		8.9.02		<p>Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm hàng năm</p>
467		8.9.03		<p>Báo cáo kết quả tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm</p>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
468	9.1	9.1.01		Bộ minh chứng khảo sát đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động (Bao gồm: Kế hoạch, Phiếu điều tra, Báo cáo kết quả)
469		9.1.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, trong đó nêu rõ: tên; địa chỉ; số lượng, tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.
470	9.2	9.2.01		Bộ minh chứng thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. (Bao gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả điều tra, khảo sát) <i>Kế hoạch số 142/KH-CĐBK, ngày 26/7/2023 Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; Báo cáo số 181/BC-CĐBK ngày 08/9/2023 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (khảo sát online)</i>
471		9.2.02		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm
472		9.2.03		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến hàng năm <i>Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến – tại đường link:</i> <i><a href="https://docs.google.com/forms/d/153vsk8dhpVQqtnoUxnQtHwITnWEAGmX-gpOx8p0wvfo/edit#responses">https://docs.google.com/forms/d/153vsk8dhpVQqtnoUxnQtHwITnWEAGmX-gpOx8p0wvfo/edit#responses</a></i>
473	9.3	9.3.01		Danh sách người học hàng năm.
474		9.3.02		Kế hoạch thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học <i>Kế hoạch số 37/KH-KCĐ ngày 07/7/2023 Khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV về mức độ đáp ứng công việc và sự phù hợp về phương pháp đào tạo, chương trình giáo trình đào tạo thuộc khoa Cơ điện năm 2023; Kế hoạch số 55/KH-CGĐB ngày 21/6/2023 về việc khảo sát người học, doanh nghiệp, nhà giáo và cán bộ quản lý về việc đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, lượng kiến thức, sự phân bổ thời gian, đáp ứng nhu cầu việc làm sau khi tốt nghiệp,... của chương trình đào tạo nghề CNOTO)</i>
475		9.3.03		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học <i>Báo cáo số 01/BC-PĐT ngày 02/10/2023 báo cáo về kết quả thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học, Báo cáo số 74/BC-CGĐB ngày 15/9/2023 kết quả khảo sát lấy ý kiến người học, doanh nghiệp, nhà</i>

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Mã MC	MC dùng chung	Tên minh chứng
				<i>giáo, cán bộ quản lý về việc đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, lượng kiến thức, sự phân bổ thời gian, đáp ứng của chương trình, giáo trình, nhu cầu việc làm đối với học sinh đang học tại trường; Báo cáo số 15/BC-NL ngày 20/9/2023 báo cáo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp thuộc khoa Nông lâm tại các đơn vị sử dụng lao động</i>
476		9.3.04		Danh sách người học được thu thập ý kiến hàng năm <i>Danh sách khảo sát sinh viên cuối khóa học các lớp trung cấp khóa 18 (2021-2023)</i>
477	9.4	9.4.01		Quyết định thành lập hội đồng TĐG <i>Quyết định số 45/QĐ-CĐBK ngày 09/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2023</i>
478		9.4.02		Kế hoạch tự đánh giá <i>Kế hoạch số 33/KH-CĐBK ngày 22/02/2023 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn về tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023</i>
479		9.4.03		Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN của các đơn vị
480		9.4.04		Báo cáo tự đánh giá của trường
481		9.4.05		Địa chỉ trên trang website, hệ thống quản lý văn bản và HSCV về công khai báo cáo tự đánh giá. <i><a href="https://hscvcdbk.bacchan.gov.vn/CĐBK/qlvb/index.nsf/Default?openForm">https://hscvcdbk.bacchan.gov.vn/CĐBK/qlvb/index.nsf/Default?openForm</a></i>
482	9.5		9.4.04	Báo cáo tự đánh giá của trường
483		9.5.01		Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo <i>Kế hoạch số 09/KH-CĐBK ngày 29/9/2022 về việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2022-2023</i>
484		9.5.02		Báo cáo kết quả cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo <i>Báo cáo số 02/BC-PĐT ngày 04/10/2023 báo cáo cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2022-2023</i>
485	9.6	9.6.01		Bộ minh chứng về công tác điều tra lần vết học sinh sinh viên đã tốt nghiệp về sự phù hợp của việc làm với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo (Bao gồm: Kế hoạch, Phiếu điều tra, Báo cáo kết quả)
486			2.14.05	Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm theo danh sách